

**ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ**  
Tòa Thánh Tây Ninh

# **THIÊN NHÂN HIỆP NHỨT** **(Quyển 1)**

Soạn giả: HT. Lê Văn Thêm



**Ban Thế Đạo Hải Ngoại**  
ấn hành lần thứ nhất  
Hoa Kỳ - 2016

**Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ  
Tòa Thánh Tây Ninh**

-----

**THIÊN NHÂN HIỆP NHỨT**  
**(Dieu et Humanite')**  
(Soạn giả: HT. Lê Văn Thâm)  
(Quyển 1)

**Ban Thế Đạo Hải Ngoại**  
**Ấn hành lần thứ nhất**  
**Hoa Kỳ - 2016**





The Three Venerable Saints of Cao Đài



## Dieu et Humanité Amour et Justice

### Dieu et Humanité Trời và Người

Quyển sách này được viết nhằm đem lại an lạc và hạnh phúc cho tất cả mọi người.

**Mục tiêu của quyển sách là làm sao cho mọi người sống không còn vướng bận với khổ đau, ưu tư với lo âu và phiền não.** Mọi người sẽ luôn luôn vui sống, sống thanh thản an nhàn để rồi một khi phải tách bước ra đi thì sẽ hoàn toàn được tự do mà danh từ nhà Đạo gọi là về nước Chúa, trở lại Thiên Đàng hay siêu thăng giải thoát.

**Quyển sách này cũng còn có mục đích thứ hai là để nhắc nhở với mọi người rằng tất cả chúng ta đều có hoàn toàn tự do, và có toàn quyền tận hưởng tự do đó mà không ai có thể ngăn cản hay hạn chế quyền tự do này của chúng ta được.** Nói rõ hơn là mọi người đều được Cộng Hưởng Tự Do Quyền.

Như vậy để được hoàn toàn và thật sự tự do, trước tiên chúng ta cần biết thật rõ chúng ta là ai.

**Cần biết thật rõ chúng ta là ai**

**Đây là mục tiêu thứ ba, mà cũng là mục đích quan trọng nhất của quyển sách này,** nhằm nói rõ với mọi người là bất cứ ai trong chúng ta cũng có một giòng họ cao sang, một gia đình cao quý, một nguồn gốc cao cả thiêng liêng đáng kính

trọng, quá dễ thương, dễ mến, dễ đáng tôn thờ mà rất nhiều người như đã quên, hoặc ít ai nhớ đến.

Đây là quyển sách nhằm nhắc lại và tạo cơ hội thuận tiện cho mọi người, dù quên một phần hay đã quên hẳn, bây giờ sẽ nhớ lại và quay trở về để tìm thấy bản chất và bản thể thật sự của mình, biết rõ mình là ai, ta là ai, để khi còn đang sống thì sẽ luôn luôn được sống trong thanh thản an nhàn, và khi phải ra đi thì sẽ ra đi với tâm hồn tự tại, tự do và hoàn toàn hạnh phúc.

## **A- Ta là Ai**

Đời nhà Thanh bên Trung Hoa có một vị vua tên Thuận Trị là cha của hoàng đế Khang Hi. Vị vua này vì quá chán nản với thể thái nhân tình nên liả bỏ ngai vàng và lên núi Ngũ Đài Sơn tu.

Sau một thời gian tu hành thấy Đạo, một hôm Ngài có nói một câu nhằm để chỉ ra cái tính ái ngã của người đời và cũng nhằm để nhắc nhở người đời nên tìm hiểu bản thể chân thật của mình để biết mình là ai, ta là ai? Ngài nói:

“Trước khi được cha mẹ sinh ra ta là ai? Rồi sau khi chết đi ai là ta? Ấy vậy mà trong khoảng thời gian ngắn ngủi của cuộc sống trên đời, hễ cứ hờ ra là ta, là tao, là tui, là ty, là tớ, là mỗ, là trẫm, là thần . .v. .v. .”

Với lời nói trên đây, vua Thuận Trị muốn bảo rằng người trên đời hầu như ai cũng vậy, chẳng ai biết rõ được mình. Mỗi người lại cứ tự coi mình như là một trung tâm của vũ trụ mà tất cả mọi người khác chung quanh chỉ là những phương tiện để đáp ứng và thoả mãn cho nhu cầu của cái trung tâm vũ trụ đó mà thôi.

Nói rõ hơn, con người chỉ thấy có bản thân mình là hơn cả, chỉ thấy cái Ngã của mình là hơn cả nên cứ mãi lo ái ngã, chấp ngã, chỉ thấy có ta và cứ hờ ra một chút là ta, là tao, là tui, là tớ rồi mặc tình thả rong cho cái ta, cái tao, cái tui, cái tớ nó bay nhảy, tung hoành, đua tranh, để quên mất đi cái giá trị vô biên của mình, với hậu quả là rất ít người chịu bỏ thì giờ ra để tìm hiểu bản thể chân thật của mình, để biết rõ ta là ai, dòng dõi của ta cao quý như thế nào! Định mệnh của ta sang trọng ra sao! Và nguồn gốc của ta cao cả đến mức nào!

Đây là một sự thật hết sức hiển nhiên. Sự thật là ở trên đời rất nhiều người không chịu hay không muốn biết rõ mình là ai và đã vô tình tự đánh mất đi cái bản thể cao sang và cái tự do cao quý của mình. Đó là vì con người đã tự đóng khung mình trong những hoàn cảnh hay cuộc sống mà mình cố tình lựa chọn hay chấp nhận, đã làm cho cách tư duy suy nghĩ của mình không còn được tự do, thế mà mình lại hoàn toàn không hề hay biết.

Có những câu chuyện sau đây ít nhiều đã diễn tả tình trạng hay cảnh tượng éo le này.

### **1-Câu chuyện thứ nhất**

Được rút ra từ quyển “ Góp nhặt Cát Đá” của một thiền sư Nhật Bản tên Mujū, do Đỗ Đình Đồng dịch và Nhà Xuất Bản Đại Nam in lần thứ tư năm 1994.

Chuyện như vậy:

Nam In, một thiền sư Nhật sống vào đời Minh Trị Thiên Hoàng (1868-1912) tiếp một giáo sư Đại Học đến hỏi Đạo. Nam In mời vị giáo sư Đại học uống trà và ông cầm bình trà rót vào tách trà của khách. Nam In cứ rót và rót mãi. Ông rót đã đầy tách của khách mà vẫn cứ tiếp tục rót thêm.



Vị giáo sư đại học thấy vậy mới buộc miệng nhắc rằng:  
“ Đây quá rồi! Xin đừng rót nữa!”

Sau khi được vị giáo sư đại học nhắc nhở như thế, Nam In ngừng rót và ôn tồn nói:

“ Cũng như tách trà này vậy. Ông cũng đây áp những hiểu biết, những tư tưởng, những quan niệm của Ông. Làm sao tôi có thể bày tỏ Đạo cho Ông được trừ phi Ông cạn tách trà của Ông trước!”

## **2-Câu chuyện thứ hai**

Được rút ra từ quyển “Vô Niệm Viên Thông Yếu Quyết” của tác giả Thích Minh Thiên, được tái bản vào năm 1992 tại Melbourne, Vic, Australia, không có ghi nhà xuất bản.

Trong quyển sách này, tại trang ba lại có câu chuyện như sau:

“ Có một người bắt một con quạ cho vào lồng khóa lại, trong đó có đủ đầy đủ các thức ăn uống rồi đem xuống treo tại mũi một chiếc thuyền đi biển đang neo đậu gần bờ sông. Con quạ không bằng lòng cảm thấy tù túng bức dọc, muốn phá vỡ lồng để bay xa, nên đã nhiều ngày qua không chịu ăn uống gì cả..

Thế rồi người chủ thuyền quay mũi thuyền, nhắm thẳng ra biển khơi trong buồm mà thẳng lèo lướt sóng.

Khi ra tận ngoài khơi không còn thấy bờ nữa, ông mở cửa lồng thả con quạ ra để cho nó tự do tha hồ bay nhảy, cứ bay về đâu theo ý muốn. Quạ tung cánh bay lên không trung, lượn nhiều vòng quanh thuyền rồi đáp xuống, lại chui vào lồng, đứng ăn uống và rỉa lông một cách thoải mái.”

Viết đến đây tác giả kết luận : “Đấy, lẽ ra Yêu Quyết Vô Niệm Viên Thông chỉ có thể. Nhưng nếu không thể đương cơ siêu xuất thì xin tiếp tục tìm về yêu quyết thứ hai.”

Hai câu chuyện trên đây muốn nói những gì? Và người viết quyển sách này lập lại với mục đích gì?

Câu chuyện thứ nhất muốn nói với tất cả mọi người rằng ai ai trong đầu mình cũng đầy áp những hiểu biết, những quan niệm, những tư tưởng mà đương cơ cứ vẫn nghĩ rằng đó là phần cao siêu, siêu việt.

Đây là những cái ngăn che làm cho con người khó có thể hay không thể tiếp nhận bất cứ những gì xa lạ hay mới mẻ, thí dụ như là Đạo chẳng hạn.

Còn câu chuyện thứ hai gợi lên hình ảnh thập loại chúng sinh, mà trong đó điển hình là con quạ. Tất cả đều muốn sở lồng, đều muốn tự do bay nhảy, để sống và làm theo ý của mình, tức theo thân kiến hay ngã kiến. Thế nhưng, một khi hoàn toàn có được tự do, như trường hợp con quạ, không còn bị nhốt kín trong lồng mà lại được thả ra giữa biển khơi trời nước bao la thì lại hoảng sợ, muốn tránh né, nên bay trở lại cái lồng đã nhốt nó mà mới đó nó cố vùng vẫy để thoát ra.

Cả hai câu chuyện được kể trên đây cho thấy con người rất e dè, nếu không nói rằng gặp khó khăn, khi phải tiếp nhận những gì mới mẻ, dù rằng cái mới mẻ đó có đem lại an lành, hạnh phúc và tự do thật sự cho mình.

Cái mới mẻ mà người viết muốn nói ở đây, đó là Đạo, bắt đầu là Đạo làm người, mà nói chung thì Đức Khổng Phu Tử, vị Vạn Thế Sư Biểu đã không có chút ngại ngần khi nói rõ ra rằng: “Sớm nghe Đạo, chiều chết cũng vui” và Đức Lão

Tử, nơi Chương 41 Đạo Đức Kinh lại trình bày những tình khúc éo le khi phải nói về Đạo như sau:

## **B- Những tình khúc éo le hay những khó khăn khi nói về Đạo.**

Có khá nhiều khó khăn khi phải nói về Đạo. Sở dĩ phải nói có khó khăn vì thứ nhất Đạo không dễ bàn, không dễ nói, không dễ biết và thứ hai là không phải ai ai cũng có thể dễ chấp nhận Chân Lý là Đạo.

Việc chấp nhận hay thấy được Chân Lý tức Đạo không phải việc dễ làm, và cũng không phải là dễ dàng, dù đó chỉ là đạo làm người tức Nhân đạo.

Thật vậy, theo Đức Lão Tử thì Đạo không dễ diễn tả, không dễ luận bàn, không thể nói ra hết bằng ngôn ngữ thế gian tâm duyên hữu lậu thông thường được.

Đức Lão Tử diễn tả rất rõ cái bản thể của Đạo với bên trong rất sáng sủa nhưng bên ngoài lại có vẻ mờ tối (Minh đạo nhược muội) và bên trong thì tiến tới mà bên ngoài có vẻ như thối lui (Tiến đạo nhược thoái), cuối cùng bên trong thì bằng phẳng dễ dàng mà bên ngoài thì như tơ vương trăm mối (Di đạo nhược lồi).

Như vậy, với Đức Lão Tử thì Đạo nhìn rất khó thấy (thị nhi chi phát kiến), cố lắng nghe thì lại khó thể nghe được (thính chi nhi phát văn), nói rõ hơn là khó thể hay không thể nắm bắt được (hôn chi nhi phát đắc).

Tóm lại, theo Đức Lão Tử trong quyển Đạo Đức Kinh, với chương 1 thì “Đạo khả đạo phi thường Đạo” tức Đạo không thể nào diễn tả, nói ra hết được. Chính đây là tình khúc éo le là nỗi khó khăn mà người viết cảm thấy có phần đản đo khi

nói về Đạo, thế mà quyển sách này lại công hiến những gì liên quan đến Đạo.

Quyển sách này sẽ nói về Đạo. Mà đối với Đạo thì thường thường có nhiều người khi nghe nói đến chỉ biết mỉm cười, vì thật ra Đạo không dễ tiếp nhận.

Đây đúng là điều mà Đức Lão Tử đã viết nơi chương 41 Đạo Đức Kinh: “Thượng sĩ văn đạo, cần năng hành chi; trung sĩ văn Đạo, nhược tồn nhược vong; hạ sĩ văn đạo, đại tiểu chi-Bất tiểu bất túc dĩ di Đạo” có nghĩa là bậc thức giả nghe Đạo thì cố thực hành, kẻ tầm thường nghe Đạo thì nửa tin nửa ngờ, có chỗ hiểu ngay, nhưng cũng có chỗ không nắm bắt được (nhược tồn nhược vong); còn với người tối tăm, vẫn còn nặng triu phạm tánh thì khi nghe nói đến Đạo lại cười khà (đại tiểu chi) vì nếu không cười thì Đạo không phải là Đạo nữa (Bất tiểu, bất túc dĩ vi Đạo).

Với câu “hạ sĩ văn Đạo đại tiểu chi” nghĩa là có nhiều người cười khà khi nghe nói về Đạo, Đức Lão Tử muốn nói rằng Đạo khi mới thoát nghe có nhiều người chưa thể sẵn sàng tiếp nhận vì Đạo quá trừu tượng, khá khó hiểu hay quá mông lung, nếu không nói là quá cao siêu và huyền diệu.

Mặc dù vậy, mặc dù Đạo có thể khó hiểu, hay quá cao siêu và huyền diệu, nhưng những lời dạy của Đức Lão Tử ở chương 41 Đạo Đức Kinh vẫn được nêu ra là vì người viết muốn trình bày với chư tôn đạo giả rằng những gì được viết tiếp theo sau đây chỉ là một phần sự thật được tìm thấy ở Đạo, rút ra từ trong tinh túy giáo lý của Tam giáo Nho Thích Lão cũng như của Ki Tô Giáo; Người viết muốn ghi lại để chư liệt vị thưởng lãm, còn việc có lòng tin và hy vọng hay không, hoặc nghe nói Đạo rồi lại mỉm cười, thì đó cũng là điều tự nhiên, dễ hiểu, vì Đức Lão Tử vị Thánh Nhân cầm

cái túi khôn của nhân loại đã có nói trong quyển Đạo Đức Kinh rồi.

Với quyển sách này, người viết ước mơ qua nghiên cứu sẽ trình bày tiếp nói những gì mà Thánh hiền đã dạy, cũng như đã luận bàn liên quan đến Đạo.

Người viết tin tưởng vào tâm niệm “Tín Thiện phụng hành” để đem lại cho chư tôn đạo giả tự do và hạnh phúc, an lạc và thanh nhàn, nên xin được trình bày quyển sách này với hai phần quan trọng như sau:

**1- Phần thứ nhất:**, sẽ tìm hiểu nguồn gốc cao cả của con người, để biết rõ thật sự mỗi chúng ta là ai? Có sự liên hệ gì giữa con người thế gian với quyền lực vô biên với Càn Khôn Vũ Trụ, với Đạo, với Trời Phật hay không?

**2- Phần thứ hai:**, sẽ nói đến việc thăng hoa, tức để sống đủ đầy hạnh phúc và chết hoàn toàn tự do, tự do siêu thăng hay giải thoát, con người phải làm gì?

## PHẦN I:

# NGUỒN GỐC CAO CẢ CỦA CON NGƯỜI THEO GIÁO LÝ ĐẠO PHẬT

## PHẠM PHU TỨC PHẬT HUMANITÉ → DIEU

Trong phần tìm hiểu nguồn gốc cao cả của thập loại chúng sinh, người viết xin trình bày nguồn gốc thiêng liêng của mỗi một con người.

Là con người, ai ai cũng có một nguồn gốc thiêng liêng, một giá trị vô biên, một định mệnh cao cả và một tâm hồn cao quý.

Thế mà tiếc thay! Lại quá nhiều người không hề nhớ đến, không hề nghĩ đến, không hề biết đến, có khi lại không muốn biết và cũng không muốn nhớ đến làm gì.

Có những bậc Thánh Thiện, những vị Bồ Tát, những vị Phật đã thấy rõ, biết rõ, đã nói ra những giá trị thiêng liêng cao quý đó và cố tìm cách thức tỉnh con người mau trở về với nguồn gốc và định mệnh cao cả của mình, bằng cách chỉ cho thấy rõ rằng Trời Người không khác, Phạm Thánh chẳng hai và Phạm Phu tức Phật.

Để thấy rõ Phạm phu tức Phật, xin được ghi lại sau đây những gì mà giáo lý đạo Phật đã nói về Phật tánh của mỗi chúng sinh, mà các bậc cao tăng hay Thiền Sư đã lặp lại.

# 1. THIÊN SƯ TRIỆU CHÂU TÙNG THẨM:

## A. Chúng sanh có Phật tánh

Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục thì Thiên Sư Triệu Châu Tùng Thẩm xuống tóc xuất gia từ thuở còn bé thơ và sau này trở thành một thiền sư danh tiếng thuộc pháp tự của Nam Tuyền Phổ Nguyện.

Một hôm sư thượng đường khai thị thiền chúng và có một thiền sinh hỏi sư rằng:

-Bạch Hòa Thượng, con chó có Phật tánh không?

Sư đáp: KHÔNG

Thiền sinh hỏi tiếp:

Phật nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, mà con chó cũng ở trong thập loại chúng sinh, tại sao lại không có Phật tánh?

Sư đáp: **Vì bị nghiệp thức che đậy**

Lại một lần nọ, sư thượng đường, một thiền sinh khác tiếp tục hỏi lại.

Bạch Hòa Thượng, con chó có Phật tánh không?

Sư đáp: Có

Thiền sinh lại hỏi:

Tại sao có Phật tánh mà lại chui vào cái đái da lù xù, hôi hám, dơ bẩn như vậy?

Sư đáp: **Vì biết mà cố phạm.**

Qua hai câu hỏi cùng một ý nghĩa chẳng khác chi nhau, thế mà Thiền Sư Triệu Châu lại trả lời khi có, khi không, như vậy ý của Thiền Sư muốn nói gì?

Với câu hỏi đầu tiên thiền sư trả lời không và giải thích sở dĩ Thiền sư trả lời không và tại sao thiền sư trả lời như vậy là vì Phật tánh của con chó đã bị nghiệp thức che đậy mất rồi.

Nói rõ hơn, theo đạo Phật thì con chó cũng ở trong thập loại chúng sinh, chẳng khác chi con người, do đó cũng có Phật tánh. Mặc dù vậy, vì tạo nghiệp và đã gây quá nhiều nghiệp ác nên phải trôi lăn trong lục đạo luân hồi và kiếp này phải làm chó.

Vì làm chó không làm sao học được đạo, hiểu được pháp nên con chó cũng không làm sao biết được mình có Phật tánh. Do đó nên có thể mỗi con chó dù có Phật tánh nhưng cũng như không, vì đối với nó, chó nào có biết là nó có Phật tánh bao giờ.

Nhiều người trên đời cũng vậy. Chẳng ít người không làm sao chịu nhận hay dám nhận là mình có Thánh tâm hay Phật tánh. Đây là trường hợp mà Đức Phật đã nêu ra trong kinh Pháp Hoa tại Phẩm 4 Tín Giải khi Phật nói về chàng cùng tử lang thang.

Ngoài ra, lại cũng có nhiều người dù không nói ra nhưng lại cũng không dám nhận là mình có căn cốt Phật vì sợ nhận thì mang tội. Như vậy, lý do là tại sao?

Tại vì nhiều người vô tình hay cố ý đã tạo ra quá nhiều nghiệp báo. Họ chẳng hiểu đạo, học đạo và chẳng biết lo tu, vì thế mà do thói quen nên cứ tạo nghiệp và nghiệp báo cứ mãi chất chồng. Phật tánh, tức cái tánh từ bi, hỉ xả, hiền lương, tương trợ, cứu nhân độ thế v.v. ở họ dù có nhưng



cũng như không, vì thế mà thiền sư Triệu Châu nói không có Phật tánh, vì Phật tánh nơi họ đã bị nghiệp báo hay nghiệp thức che đậy mất rồi.

Còn trường hợp thứ hai, thiền sư Triệu Châu nói con chó có Phật tánh, vì ở tiền kiếp trước dù biết có mà lại cố phạm, nên tái kiếp lần này phải chui vào cái đái da lù xù, hôi hám, dơ bẩn để làm kiếp chó là như vậy.

Ở đây, thiền sư Triệu Châu muốn nói đến trường hợp của những người cùng hung cực ác. Những người này cũng như bao nhiêu như sanh khác, họ cũng có lương năng lương tri, và lương tri mặc nhiên đã cho họ biết cái gì là thiện, cái gì là ác, thế nào là thiện, thế nào là ác, thế mà họ lại không chịu làm thiện, mà cứ lo làm ác, cứ lo tạo nghiệp chẳng lành; vì vậy mà trong lục đạo luân hồi họ không làm sao tránh khỏi được một trong ba ác đạo, đó là địa ngục, ma quỷ, súc sanh như làm kiếp chó chẳng hạn. Đây cũng là trường hợp mà đức Phật có dạy trong kinh Pháp Hoa tại Phẩm 12 nói về Đề Bà Đạt Đa một người bà con của Đức Phật Thích Ca vì phạm tội ngũ nghịch mà phải bị đọa địa ngục.

Tóm lại, những gì mà thiền sư Triệu Châu nêu ra cho thính chúng, cũng như Đức Phật có nói rõ khi Ngài cổ khai thị cho chúng sanh ngộ nhập tri kiến Phật, cả hai trường hợp đều không ngoài mục đích để chỉ cho mọi người hiểu rõ rằng chúng sinh ai ai cũng có Phật tánh, cũng như Không Giáo đã dạy là mọi người đều có Thánh Tâm vậy.

## **B. Phật Tánh ở đâu:**

Đến đây vấn đề quan trọng là phải làm thế nào cho tất cả mọi người đều thấy rõ Thánh Tâm hay Phật tánh của mình, và Thánh Tâm hoặc Phật tánh đó hiện ở đâu, để kế tiếp theo

là phải làm sao làm hiển lộ được Thánh tâm Phật tánh đó. Xin được nghe thiền sư Triệu Châu khai thị thiền chúng như sau:

Thiền sư Triệu Châu, theo cổ Tôn Túc Ngữ lục quyển 14, có một lần khác thượng đường thị chúng và Ngài có nói rằng:

-Phật vàng không độ được lò đúc.

-Phật gỗ không độ được lửa.

-Phật đất không độ được nước.

-Phật thật ngồi ở trong.

nghĩa là, theo thiền sư, thì các tượng Phật dù bằng vàng, Phật vàng nào độ được lò đúc, tức nếu đưa vào lò để nung thì Phật vàng cũng phải chảy, cũng như Phật gỗ nếu đưa vào lửa đốt thì phải cháy ra tro và Phật đất được đưa vào nước thì cũng phải rã tan theo nước.

Tóm lại, dù Phật vàng, Phật gỗ, Phật đất trong chùa hay trên núi v.v., tất cả đều là biểu trưng, dùng làm biểu tượng để thờ nhằm giúp cho mọi người trông vào đó mà làm gương, mà noi theo để lo tu tập, chớ thật ra chân Phật tức ông Phật thật thì lại ngồi ở trong, tức ở ngay trong chúng ta, ở tại tâm mình và vì thế nên đạo Phật mới nói “tức tâm tức Phật” hay:

“Năng lễ sở lễ tánh không tịch,

Cảm ứng đạo giao nan tư nghi”

là vậy.

Như thế, nếu muốn tu để hiển dương được chân Phật, làm cho Phật tánh của mình được hiển lộ thì người tu trước tiên phải trông cậy vào mình, phải trông cậy ngay vào tự lực chớ đừng nên dựa vào tha lực.

Nói rõ hơn để đạt được Đạo, tức làm hiển lộ được ông Phật đang an trú trong thâm tâm chúng ta thì chúng ta phải thấy rõ rằng tâm ta là Phật, chân tâm ta là Phật mà vọng tâm vọng niệm lại là ma. Chúng ta phải cố gắng làm sao diệt được vọng niệm, lìa được vọng tâm, nghĩa là xa lánh hẳn vọng trần là chúng ma, để quay trở về với chân tâm tức Phật tánh của chúng ta. Chúng ta phải hoàn toàn trông cậy vào chúng ta, vào tự lực chúng ta chớ đừng mong nhờ vào tha lực.

Nói về tự lực và tha lực, cũng như để làm sáng tỏ quan điểm giáo lý của thiền sư Triệu Châu là không nên dựa vào tha lực mà phải hoàn toàn trông cậy nơi tự lực.

Có một vị thiền sư danh tiếng khác là Ngài Đôn Hà đã có những hành động dạy chúng như sau:

Vào một mùa đông giá lạnh, thiền sư Đôn Hà du hành về miền bắc của nước Tàu. Sư vào tá túc trong chùa Huệ Lâm vào một đêm mà miền bắc Trung Hoa vô cùng buốt rét.

Do bị lạnh quá độ nên thiền sư bèn bung một tượng Phật gỗ trong chùa ra đốt để sưởi cho ấm.

Trong lúc sư đang đốt để sưởi thì vị viện chủ của chùa xuất hiện và la hoảng lên rằng tại sao lại lấy tượng Phật đang thờ ra mà đốt.

Thiền sư Đôn Hà ôn tồn nói: “Tôi đốt để sưởi cho ấm.”

Vị viện chủ bèn nói: “Phật gỗ làm gì có sưởi cho ấm?”

Nghe đến đây thiền sư Đôn Hà lại nói thêm: “Nếu không có sưởi thì xin thỉnh thêm hai ông nữa để sưởi tiếp sưởi cho ấm.”

Câu chuyện nghe đến đây có phần như dí dỏm nhưng thật ra

thì qua câu chuyện này thiền sư Đôn Hà muốn nói những gì?

Lời nói của thiền sư Đôn Hà đã làm sáng tỏ cách thị chúng của thiền sư Triệu Châu Tung Thẩm. Cả hai Thiền sư đều muốn chỉ rõ ra rằng trong ta có Phật. Phật ở tại tâm như hương trầm ở sẵn trong cây, nghĩa là ngay trong thân tâm ta đã có sẵn Thánh tâm Phật tánh.

Nói rõ hơn là ta có một nguồn gốc rất cao cả, rất thiêng liêng, thế mà cứ sao lại có không biết bao nhiêu người lại chẳng rán lo giữ gìn, củng cố và dụng công hồi phục để trở về với Thánh tâm Phật tánh của mình mà lại cứ mãi mê đắm đuổi với trần ai, chạy theo tiền trần ngoại cảnh, để bị phủ che bởi gió bụi trần hoàn cam chịu làm kiếp phàm phu và đã tạo ra không biết bao nhiêu phiền não cho mình, cũng như gây ra lắm nỗi khổ đau cho đồng bào, đồng loại. Đó cũng chỉ vì ta không nhận rõ được Thánh Tâm Phật tánh mà mình có, cũng như tất cả mọi người đều có, đã được một thiền sư thứ ba là Ô Sào kế tiếp sau đây, chỉ ra thật rõ rệt khi Ngài dạy dỗ thiên sinh đồ đệ của Ngài.

## 2. THIỀN SƯ Ô SÀO

Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục thì thiền sư Ô Sào có tên là Thiền sư Ô Khòa Đạo Lâm, gốc người Hàng Châu, họ Phan. Thân mẫu của Ngài một hôm nằm mộng thấy nuốt ánh sáng mặt trời, nhân đó có mang. Đến ngày sinh mùi hương lạ lan khắp phòng, nên sư có tên là Hương Quang.

Khi lên 9 tuổi ông xuất gia và đến 21 tuổi thì thọ giới cụ túc tại chùa Quả Nguyên, ở Kinh Châu.

Kế đến, sư tới chùa Tây Minh, Trường An, học kinh Hoa Nghiêm và Khởi Tín Luận với Pháp Sư Phục Lễ. Sau đó, sư

trở về nam, trụ trì chùa Vĩnh Phúc ở Côn Sơn.

Một hôm, nhận thấy núi Tân Vọng ở phía đông nam huyện Thiệu Hưng, tỉnh Chiết giang có cây tùng cao lớn, cành lá sum xuê, xòe ra như cánh lọng, sư bèn leo lên trên cây ấy ở, nên người bấy giờ gọi sư là Ô Khòa Thiền Sư hay Thiền Sư Ô Sào tức thiền sư tổ quạ.

Vào một ngày nọ, trong thiền chúng có một thị giả tên là Hội Thông đến cáo từ sư để đi nơi khác. Sư bèn hỏi:

Hội Thông định đi về đâu?

Hội Thông thưa:

Con vì tầm cầu Phật pháp mà xuất gia bái sư làm Thầy. Nhưng từ trước đến giờ Thầy chưa từng thuyết pháp cho nghe lần nào, nên con định đi nơi khác để tìm học Phật.

Thiền sư Ô Sào liền nói:

Tưởng gì chớ Phật pháp thì đây ta cũng có chút ít

Hội Thông hỏi:

Thế Phật pháp của thiền sư là thế nào?

Thiền sư bèn rút nơi áo của mình ra một sợi vải thô nhẹ nhẹ về phía Hội Thông. Hội Thông ngay đó lãnh ý tinh ngộ, không còn ý định lặn lội đi nơi khác nữa.

Như vậy thì Hội Thông đã lãnh hội được gì?

Cái mà thiền sư Ô Sào muốn chỉ muốn dạy Hội Thông, đó là **Phật Tánh**, là cái mà người đời ai ai cũng có đầy đủ, giống như vô số sợi chỉ vải trên chiếc áo của mọi người chúng ta đang mặc, nhưng với sinh hoạt hằng ngày, do

giòng đời lôi cuốn, với vô vàn bận rộn và phiền nhiễu phủ vây, đã làm cho cho chúng ta quên hẳn đi, quên mất đi cái “tự ngã” mà cũng là cái “chân ngã”, cái đáng tôn quý nhất, cái trọng yếu nhất ở ngay trong thân tâm của chúng ta, mà chúng ta không thể nào tìm cầu nơi đâu khác ở bên ngoài.

Việc quên bỏ cái tôn quý ở tự thân để chạy đôn chạy đáo tìm cầu Phật ở bên ngoài thân, thiền sư gọi đó là “Kỵ lư mích lư” nghĩa là đang ngồi trên lưng lừa sờ sờ mà lại cố tìm con lừa ở đâu đâu.

Ngày nay, khi nói về Phật tánh sẵn có nơi mỗi con người thế mà con người lại quên mất đi, rồi cứ chạy rong lên núi, vào chùa để kiếm tìm, nhà thiền gọi đó là “Cởi trâu đi tìm trâu”, mà kế tiếp sau đây để chỉ Thính tâm Phật tánh ở mỗi con người, tức người Trời không khác, phàm phu tức Phật, Thiền Sư Đại An thị chúng như sau.

### **3. CỎI TRÂU TÌM TRÂU**

Để tìm Phật tánh, thiền sư Đại An một hôm đến hỏi tổ Bá Trượng như sau:

-Con muốn tìm biết Phật, như vậy con phải làm thế nào?

Tổ Bá Trượng cười và bảo:

-Thật là người cởi trâu tìm trâu.

Thiền sư Đại An hỏi tiếp:

-Sau khi biết Phật thì thế nào?

Tổ Bá Trượng đáp:

-Như người cởi trâu về đến nhà.

Với lời đáp như trên, Tổ Bá Trượng muốn nói với thiền sư Đại An cũng như với tất cả chúng sinh rằng chúng ta đã sẵn

có Phật mà không dám tự nhận, cứ đi thưa hỏi kiếm tìm như người cỡi trâu mà lại đi tìm trâu vậy. Nhưng một khi đã nhận được chân ngã tức Phật Tánh của mình rồi thì cũng chẳng khác nào như người cỡi trâu đi về nhà vậy.

Từ việc học hỏi được ở Tổ Bá Trượng nên về sau, để dạy thiên chúng biết và nhận ngay được Phật tánh nơi mình, thiên sư Đại An nói rõ với chúng như sau: “Cả thầy các người đến Đại An này tìm cầu cái gì. Nếu muốn làm Phật, các người tự là Phật, sao lại công Phật sang nhà bên cạnh tìm, luống tự nhọc nhằn như con nai khát nước rồi chạy theo ánh sáng của sóng nắng biết bao giờ tìm được nước. Cả thầy các người mỗi người đều có hòn ngọc quý vô giá từ sáu căn chiếu ra, từ con mắt phóng quang soi sáng núi sông cây cỏ mà chẳng biết.”

Lời dạy trên đây của thiên sư Đại An muốn chỉ cho mọi người thấy Phật tánh sẵn có nơi mọi người, khéo nhận là được, đừng chạy tìm cầu bên ngoài. Càng chạy lại càng nhọc nhằn vô ích.

Phật tánh hiển lộ đầy đủ nơi sáu căn chúng ta, chỉ cần ta nhìn lại tức Hội Quang Phản chiếu là thấy. Khổ một nỗi chúng ta không bao giờ chịu thấy, chịu nhận và dám nhận nó mà lại nhận cái thân tứ đại hữu thể, hữu tướng, hữu vi, hữu tình, hữu hoại này là mình. Thân tứ đại do duyên mà có, do sắc mà thành nhưng hễ thiếu duyên là tan, thiếu sắc là hoại. Nó chỉ là sắc tướng duyên hợp, vô thường, không thật, nhưng hời ơi, chúng ta lại quên mất đi cái chân thật là Phật mà lại nhận cái hư dối là phàm tâm, phàm tánh, phàm thân, thì bất cứ phút giây nào chúng ta cũng chẳng được an tâm, phút giây nào cũng bồn chồn, lo âu, sợ sệt, lo ngại cho con vô thường ập đến cuốn đi.

Nếu ta nhận được cái chân thật bất biến sẵn nơi chúng ta là “Phật thật ngồi ở trong” như thiền sư Triệu Châu đã nói, thì mọi lo âu đều tự nhiên tan biến, còn có cái gì hăm dọa hay làm hại đến cái chân ngã của chúng ta được.

Chân ngã đây là cái bất sinh bất diệt, cái thường hằng sẵn có nơi ta, là cái chân tâm thường trú với bốn đức Niết Bàn Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

Vậy thì quả là Niết Bàn hiện tại có ở trần gian đó là Hữu Dư Y Niết Bàn mà chúng ta không thấy, quả là chơn tâm Phật Tánh ở tại nơi mình mà mình lại chẳng hay, quả tâm tức Phật, quả Phật tức tâm, quả chúng sinh là Phật, Phật là chúng sinh, quả là tâm, Phật chúng sinh tam vô sai biệt “mà phần lớn chúng ta hầu như không ai biết cả, hoặc có người biết mà chẳng nói ra hay không hề dám nói hay dám nhận”. Xin được ghi lại lời dạy của đức Phật Thích Ca chỉ rõ “Chúng sinh nào có khác chi Phật” như sau.

#### **4- THIÊN THƯỢNG THIÊN HẠ DUY NGÃ ĐỘC TÔN**

“Thiên thượng thiên hạ,  
Duy ngã độc tôn.  
Nhất thiết chúng sanh,  
Sinh lão bệnh tử.”

Bốn câu kệ trên đây do chính Đức Phật Thích Ca nói ra.

Trong cố gắng tìm hiểu ý nghĩa sâu xa của bốn câu kệ này, có người hỏi rằng tại sao đạo Phật chủ trương phá chấp ngã, vì tất cả ngã tướng đều là hư vọng, ấy thế mà đức Phật lại nói “duy ngã độc tôn”?

Duy ngã độc tôn có nghĩa chỉ có cái ngã là cao cả, là đáng tôn quý, vậy cái ngã nói đây là ngã nào? Và với câu Thiên



thượng Thiên hạ đức Phật muốn chỉ ai?

Thiên thượng Thiên hạ hiểu một cách nôm na có nghĩa là Trời trên và Trời dưới tức Thiên như hay Trời người. Ở đây với chữ Thiên Thượng Thiên hạ, đức Phật muốn nói Trời người chẳng khác chi nhau, trong ý nghĩa chẳng phải hai mà chỉ là một.

Nói Trời người chẳng phải hai mà chỉ một, hay nói nước đục tức nước trong, phiền não tức bồ đề<sup>1</sup>, phàm phu tức Phật, đó là nói đúng theo cái lý cao siêu nhất trong giáo lý đạo Phật.

Giáo lý đạo Phật có một phần cao siêu và khó đạt đến nhất, khó tâm chứng và thực chứng nhất, đó là Trí Bát Nhã và Tánh Không.<sup>2</sup>

Trí Bát Nhã, ngoài việc trước tiên dạy người tu quán chiếu tất cả pháp thế gian đều không có tự tánh thường tại, lại còn giải rõ, chỉ rõ cho thấy cái lý Chân không hầu có thể tu để đạt Đạo.

Với lý Chân không, tùy tâm chứng và có nhiều cách hiểu nhưng cách hiểu phổ thông cho mọi chúng sanh và cũng cho mọi người tu, đó là Chân không có nghĩa “Bổn Lai Vô Nhất Vật” như Lục Tổ Huệ Năng đã nói, cũng có nghĩa “Nhân

---

*1- Phật ở trong tâm như trầm hương ở trong cây. Phiền não hết thì Phật theo tâm ra. Vô mục nếu hết thì hương theo cây ra, mới biết ngoài cây không có hương, ngoài Tâm không có Phật. Nếu ngoài cây không hương mà lại có hương, ấy là hương ngoài của cây khác. Nếu ngoài Tâm có Phật, ấy tức là Phật ngoài của ai khác.*

*2- “Tánh Không” là khái niệm trung tâm của Đạo Phật, quan trọng nhất và cũng trừu tượng nhất nên Tính Không là đối tượng tranh luận trong các Tông Phái Phật giáo xưa nay. (Tự Điển Phật Học - Đạo Uyển - NXB Tôn giáo - 2006 - Trang 291)*

Duyên Sở Sanh pháp, Ngã thuyết tức thị không” do Bồ Tát Long Thọ thuyết giảng qua Trung Quán Luận, và cao cả hơn nữa theo người viết đó là “KHÔNG HAI” như đã được trình bày trong Bất Khả Tư Nghì Giải Thoát Kinh!

Nói Chân Không là không hai thì có thể dễ hiểu nhưng tu để đạt được Chân Không là Không Hai thì chẳng phải là việc dễ làm.

Một trường hợp điển hình của Chân Không Không Hai là trường hợp của Đức Phật Thích Ca, được hiểu qua câu Thiên Thượng Thiên Hạ do chính Đức Ngài đã nói ra.

## **A. THIÊN THƯỢNG THIÊN HẠ**

Thái Tử Tất Đạt Đa, con vua Tịnh Phạn, từ lúc được hoàng hậu Maya sinh ra cho đến lúc vẫn còn ở trong hoàng cung thì vẫn là một vị “hình vóc tóc da thọ chi phụ mẫu,” tức là một phạm nhân như bao nhiêu phạm nhân khác.

Nói rõ hơn, Ngài cũng là một con người, một “THIÊN HẠ”, chẳng khác chi bao nhiêu người khác, THIÊN HẠ khác.

Mặc dù vậy, nhưng sau bao nhiêu năm khổ hạnh tu hành, Ngài đã đạt Đạo thành Phật. Ngay khi thành Phật, Ngài đã trở thành một đấng THIÊN THƯỢNG.

Mặc dù đã là một đấng Thiên Thượng nhưng Ngài vẫn còn ở chốn thiên hạ, và đã có những việc làm cũng chưa thoát ra ngoài vòng THIÊN HẠ SỰ.

Có một việc thiên hạ sự mà Đức Phật hết sức cố gắng làm vào mùa an cư thứ 15 của Ngài, tức 15 năm sau khi Thái Tử Tất Đạt Đa thành Phật. Đó là khi Đức Phật can dự vào việc hai nước Lakya và Koliya đặng đặng sát khí dàn quân ra để

đánh giết nhau chỉ vì tranh giành quyền lợi là nước sông từ một con sông phân chia hai nước. Sakya là nước của vua Tịnh Phạn. Còn Koliya là quốc gia của hoàng hậu Maya và Yasodhara tức công chúa Gia Du Đà La là vợ của Thái Tử Tất Đạt Đa. Vợ là người thuộc nước Koliya, còn chồng tức Thái Tử Tất Đạt Đa là người thuộc nước Sakya.

Hai nước này, một bên là quê nội, một bên là quê ngoại lại sắp đánh nhau nên Phật không thể nào làm ngơ được trước vấn đề “THIÊN HẠ” này. Ngài đã tận tình can thiệp, họp bàn liên tiếp với hai vị quốc vương, chỉ cho hai vị quốc vương thấy rõ thế nào là sự quý báu của mạng sống thân dân hai nước, để rồi cuối cùng cả hai quốc vương đều rút quân về, thiết lập lại liên lạc ngoại giao và thân tình như cũ.

Câu chuyện trên đây được kể lại không có mục đích nào khác hơn là để chỉ Chân Đế Không Hai, để chứng minh cho Chân Đế Không Hai có nghĩa là Thiên Hạ cũng là Thiên Thượng, Thiên Thượng cũng là Thiên Hạ, tức Thiên Thượng Thiên Hạ chẳng phải hai mà chỉ là một. Pháp thân đó mà Báo Thân cũng đó, chỉ một chớ chẳng phải hai. Còn thấy hai bất cứ lúc nào, bất cứ trong hoàn cảnh nào đối với bất cứ pháp nào, đó là còn mê lầm, vẫn vô minh.

Vì mê lầm vô minh chưa giác ngộ nên thấy mình vẫn còn đậm đặc phàm phu, tức không làm sao nhận được Thánh Tâm Phật tánh của mình, trong khi theo lời Thánh và Phật dạy thì phàm Thánh chẳng rời nhau, phàm phu tức là Phật.

Nói phàm Thánh chẳng rời nhau, phàm phu tức Phật là ý nói Trời người chẳng khác, cũng có nghĩa là không có vị Phật nào có thể tự nhiên thành mà tất cả đều do chúng sanh độ nên vậy, đúng như Lục Diệu Pháp Môn nhà Phật đã nói. Thảo nào mà Lục Tổ Huệ Năng, trong Pháp Bảo Đàn Kinh

tại hai phẩm Bát Nhã và Chúc Lụy mới nói: “Phải biết rằng dù cho kẻ ngu hay người trí, tất cả cũng đồng có một cái tánh Phật giống nhau không khác”, và “cái bản tánh của ta là Phật. Lìa tánh thì không có Phật nào khác. Nếu bản tánh mình giác ngộ, thì chúng sanh là Phật và bản tánh mình mê muội thì Phật là chúng sanh.” Nói rõ hơn là Phật với chúng sanh không khác. Trừ người cũng chẳng phải hai. Có khác chẳng hoặc có thấy hai hay không là chỉ do ở mê ngộ mà thôi. Đã biết được như vậy, tại sao con người lại không tỉnh thức, phản phục để nếu không thành được Phật thì cũng có thể lên được cõi Trời, được khinh an, tự tại mà kinh Tận Độ đạo Cao Đài diễn tả cảnh thăng hoa đó như sau:

“Đã quá chín tầng Trời đến vị,  
Thần đặng an tinh khí cũng an.  
Tầng Trời gắng bước lên thang,  
Trông mây nhìn lại cảnh nhân buổi xưa”.

Trên đây là nói về Thiên Thượng Thiên Hạ “Dieu et Humanité” để chỉ rõ Trời người không khác, tức Thiên Nhơn hiệp nhất, hay phạm phu tức Phật.

Phần kế tiếp theo xin được luận bàn đến câu “Duy ngã độc tôn”

## **B. DUY NGÃ ĐỘC TÔN**

Khi đức Phật Thích Ca nói duy ngã độc tôn thì cái ngã mà Ngài nói đây là cái ngã nào?

Theo kinh Lăng Nghiêm thì con người ai cũng có chân tâm và vọng tâm, và cũng giống như chân tâm và vọng tâm thì phần làm người ai ai cũng có chân ngã và vọng ngã hay phạm ngã.

Vọng ngã hay phàm ngã là cái ngã già, cái ngã dỏm tức cái ngã không thật. Đây là cái ngã duyên hợp, vô thường, do tướng mà hiện, do duyên mà thành. Đó là sắc thân và vọng tâm của mọi chúng sanh mà sắc thân thì do đất, nước, gió, lửa tạo thành, còn vọng tâm gồm tất cả những gì hoàn toàn vay mượn tự bên ngoài. Cả hai cộng lại còn được gọi là sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà Bát Nhã Tâm Kinh gọi đó là “ngũ uẩn giai không” tức cái có nhưng như không, nó đang còn nhưng cũng sẽ mất. Nó hữu vi hữu hình và hữu hoại.

Nói hữu vi hữu hoại vì nó hoàn toàn bị chi phối bởi định luật thành, trụ, hoại, không hay sinh lão, bệnh tử. Nói rõ hơn là nó không thường hằng, nó là sanh diệt mà theo giáo lý nhà Phật thì hễ cái gì sanh diệt là vọng chớ chẳng phải chơn.

Cái phàm ngã nó vọng chớ chẳng phải chơn, ấy thế mà hầu hết con người ai ai cũng yêu nó, ôm ấp nó, nâng niu nó, bông bẻ ca tụng nó, bảo vệ nó bằng mọi giá. Tóm lại, con người chấp nó là thật, cho nó là ta, là cái ngã của ta, mà thật ra nó không phải là của ta, nó không phải thật là ta. Ta tạm mượn nó, tạm nhờ nó trong số kiếp luân hồi để sống một kiếp phù sinh.

Trong kiếp phù sinh đó, ta còn có tạo nghiệp nữa hay không là do ta còn vô minh, mê lầm nó nữa hay không, hay ta đã hoàn toàn tỉnh thức, thấy rõ nó là giả, là dỏm, ta chỉ nhờ nó, dùng nó để mà tu, để làm hiển lộ cái chân ngã của ta, đó là Phật tánh mà như đức Phật đã xác nhận không phải chỉ có Phật mới có mà tất cả chúng sanh cũng đều có, mỗi mỗi chúng ta ai ai cũng đều có đủ Phật Tánh (Nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh).

Phật có, ta có, mỗi mỗi chúng sanh đều có, như vậy mới nói là độc tôn, nghĩa là với Thiên cũng như Nhơn, nó là cái đáng

tôn quý nhất, không có gì đáng tôn quý hơn được.

Không có gì tôn quý hơn được theo như Phật nói, đó là Phật Tánh, là cái chân ngã. Cái chân ngã này tự nó đã có sẵn bản thể của nó, bất sanh bất diệt. Nó vĩnh hằng, trong sáng, tịnh minh.

Mặc dù vậy nhưng do nghiệp cảm vọng ngã, vọng thân để cho vọng tâm, vọng thức, vọng trần trần ngập vào bao phủ nên chân ngã phải ẩn tàng trong ngũ uẩn của chúng sanh để chờ ngày hiển lộ, mà bất cứ phàm nhân nào làm hiển lộ được chân ngã đó, chính là lúc phàm nhân hay phàm phu đồng Phật. Giáo lý nhà Phật nói phàm phu tức Phật là vậy. Nói rõ hơn, với Khổng giáo hay Nho giáo, Thánh chẳng rời phàm, thì với Phật giáo phàm phu cũng tức Phật.

Nói phàm phu tức Phật là để chỉ vọng ngã hay phàm ngã là chân ngã, cả hai tuy nói cho dễ hiểu là có hai nhưng thật ra chỉ là một mà thôi. Cái này ẩn tàng trong cái kia, hay cái kia kệ nệ, ôm ấp cái này. Thiên Thượng Thiên Hạ cũng vậy. Lục Tổ Huệ Năng nói: “Một niệm trước vô minh tức chúng sanh, một niệm sau giác ngộ là đồng với Phật.” Như vậy Thiên Hạ tức là Thiên Thượng hay sẽ là Thiên Thượng, tức Thánh phàm là một, Trời Người không khác, phàm Phật chẳng hai.

## **5- KẾT LUẬN:**

Tóm lại, dù với đạo Phật, đạo Cao Đài, Khổng giáo hay Lão giáo, mọi tín đồ, mọi người tu, một khi đã bước vào đường tu, đã qui y hay nhập môn thì cứ lo tu và nên nhớ là lo tu với tâm vô chứng, vô đắc. Nói vô chứng đắc vì chứng đắc thì có khác nào như “đang cỡi trâu mà lại đi tìm trâu” như Tổ Bá Trượng đã nói với Thiền Sư Đại An vậy.

Còn với Thiền Sư Đại An, đến khi ông thượng đường thị chúng, thì lại càng nói rõ hơn nữa như sau: “Cả thầy các người đến Đại An này tìm cái gì? Nếu muốn làm Phật các người tự là Phật, sao lại công Phật sang nhà bên cạnh tìm, luống tự nhọc nhằn...”

Lời dạy trên đây của Thiền sư Đại An muốn chỉ cho mọi người thấy rõ Phật tánh sẵn có nơi mình, khéo nhận là được, khéo tu là phản bản hoàn nguyên, đừng chạy tìm kiếm bên ngoài.

Tóm lại, nói vô chứng, vô đắc, vì chứng và đắc được chỉ một khi tất cả mọi người ai ai cũng sẵn có đầy đủ Phật tánh, có “Huệ đăng bất diệt, chiếu tam thập lục Thiên chi quang minh” (kinh Thích giáo đạo Cao Đài), nhưng chỉ hiềm vì mình bất giác cứ mãi nổi lên che mờ bao phủ, đã làm cho số kiếp phàm phu cứ mãi trôi lăn trong luân hồi sanh tử. Giờ đây để được phản bản hoàn nguyên, qui hồi cựu vị, để được “Quê xưa trở, cõi đọa từ; Đoạt cơ thoát tục bấy chừ tuyệt luân” (Kinh Tân Độ đạo Cao Đài) thì người tu chỉ cần tỉnh thức sáng suốt, giác ngộ để trở về Chơn Tâm của mình, với Phật Tánh của mình tức về với ngôi vị Phật sẵn có, chớ có gì đâu mà chứng với đắc. Kinh Pháp Hoa đạo Phật với hình ảnh anh say rượu và chàng Cùng Tử có mục đích không gì khác hơn là chỉ rõ và kêu gọi sự phản quan tự kỷ để phản bản hoàn nguyên, mà đạo Cao Đài với hai câu Thánh Ngôn “Chí bảo chúng sanh vô giá định. Năng tu giác thế sắc cao ban” cũng không ngoài mục đích này, đó là để chỉ cho tất cả chúng sanh biết mình vốn có tánh Phật, mà Đức Phật Thích Ca ngay sau khi thành đạo dưới cội Bồ Đề đã thốt lên rằng: “Lạ thay! lạ thay! Tất cả chúng sinh đều có đầy đủ đức tính Như Lai.”

Như Lai là Phật, là Đức Phật Thích Ca.

Đức Phật Thích Ca có báo thân tức xác thân cũng là xác thân của Thái Tử Tất Đạt Đa, vốn một người phàm, còn Đức Phật Thích Ca lại là một vị Phật. Như vậy, có phải chẳng nói phàm phu (Humanité) tức Phật (Dieu) thì quả đúng không sai. Hễ khi mê thì Phật độ chúng sanh (để cho chúng sanh thành Phật) còn khi ngộ thì chúng sanh độ Phật (tức trong chúng sanh nào ai chẳng có Phật tánh, nào ai chẳng có Như Lai, nào ai lại chẳng có Phật.)

“Khi mê thì Phật độ chúng sanh”

“Khi ngộ thì chúng sanh độ Phật”

Tại sao vậy? “Vì Phật không thể tự nhiên thành, mà đều do chúng sanh độ nên vậy.”

Đây là giáo lý của đạo Phật đã được trình bày nơi Cửa Thứ Năm Ngộ Tánh Luận trong quyển sách Sáu Cửa Vào Động Thiếu Thất, một tác phẩm lớn của Thiền được gọi là Thiếu Thất Lục Môn của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam, do Trúc Hiên dịch. Nhà xuất Bản Tôn Giáo VN Phật lịch 2544 DL 2000, trang 120 để chỉ rõ **phàm phu và Phật không hai**, cũng có nghĩa **phàm phu tức Phật, hay Người (Humanité) và Trời (Dieu) không khác, khéo tu thì sẽ thành Phật, thành Trời..**

Còn theo giáo lý đạo Khổng thì Trời cũng chẳng khác chi người, tức Thiên Nhơn Tương Dĩ mà cũng là Thiên Nhơn Hợp Nhứt, sẽ được trình bày ở chương kế tiếp, rồi phần Dieu et Humanité trong bối cảnh Nho Tông hay Khổng Giáo./.



## PHẦN II: NGUỒN GỐC CAO CẢ CỦA CON NGƯỜI VỚI ĐẠO KHỔNG

### THIÊN NHƠN HIỆP NHỨT DIEU & HUMANITÉ

Để tìm hiểu nguồn gốc cao cả của con người, Nho giáo hay Khổng giáo đã chỉ rõ Thánh Phàm không khác, cũng có nghĩa là Thiên Nhân tương dữ, Thiên Nhơn hiệp nhứt hay phàm phu tức Phật.

Phần thứ nhất bài viết này sẽ trình bày Thánh Phàm không khác, và phần thứ hai sẽ đối chiếu chứng minh Thiên Nhân hiệp nhứt hay phàm phu tức Phật.

#### **1- Thánh Phàm không khác với Khổng giáo.**

Khổng giáo hay Nho giáo với phương pháp chứng luận lấy Thiên lý lưu hành làm căn bản, căn cứ vào lý Thái Cực là cái lý duy nhất và tuyệt đối, đã đề ra giáo thuyết “Thiên Địa Vạn Vật đồng nhất thể” cũng có nghĩa là “Thiên Nhân tương dữ” hay “Thiên Nhơn hiệp nhất” tức Trời Người không khác, hay Thánh Phàm chỉ là một chớ chẳng phải hai.

Người xiển dương hay nói đúng hơn là người trung thành với cái lý Thái Cực tức cái lý độc nhất tuyệt đối là Đức Khổng Phu Tử khi Ngài thốt ra câu: “Ngô đạo nhất dĩ quán chi”. Còn những người khai triển cái lý Thái Cực để chỉ rõ Thánh Phàm không khác là những môn đồ của Ngài, trong đó đáng kể nhất là Thầy Nhan Hồi, Tăng Tử, Tử Tư và Mạnh Tử.

Chính Mạnh Tử là vị Thánh Nhân đã chỉ rõ cho Thấy Thiên Nhân hiệp Nhất qua hình ảnh Thánh phàm là một.

Thật vậy, Đức Mạnh Tử tại Tập Hạ - Cáo Tử - Chương Cú Thượng, nơi mục thứ bảy có nói rằng “ Trong những năm dư giả, hạng con em nhờ no đủ mà nhiều người trở nên tử tế; trong những năm túng ngặt, hạng con em bị đói khó mà nhiều kẻ trở nên hung bạo. Chẳng phải tại Trời phú cho họ tánh chất, tình ý khác nhau, mà vì hoàn cảnh nguy khổ nhận chìm cái Tâm lương thiện của họ cho nên nhiều kẻ mới trở nên hung bạo như vậy.

Tỷ như người ta đem lúa mâu, lúa mạch ra mà gieo, rồi lấp đất lại . Đất thì như nhau và người cũng trồng lúa một lượt với nhau nữa. Bỗng nhiên những cây mạ mọc lên rồi tới ngày đông chí, lúa chín một lượt khắp nơi. Mặc dù vậy nhưng số lúa gặt được thì chỗ nhiều chỗ ít. Sở dĩ có khác nhau như thế, đó chẳng phải là do nơi bản chất của hạt lúa mà chính là do những nhơn duyên từ bên ngoài, như chỗ đất này thì béo tốt, chỗ đất kia thì chai phèn, mưa và sương bồi dưỡng mặt này nhiều mà mặt kia thì ít, cộng thêm vào đó là cũng do công phu săn sóc chẳng đồng đều vậy.

Cho nên, phạm những vật đồng loại thì cái bản tánh giống nhau. Tại sao riêng về nhơn loại người ta lại nghĩ rằng bản tánh chẳng tương tự? “Những vị Thánh Nhơn và chúng ta đều là một loại, tức là tâm tính giống nhau hết thảy” (Thánh Nhơn dữ ngã đồng loại giả, Tứ Thư- Mạnh Tử, NXB Thuận Hoá, Đoàn Trung Còn 2006, Trang 155). Nói rõ hơn, chính Đức Mạnh Tử qua Tứ Thư đã xác nhận là Thánh Phạm không khác, vì vậy mà tất cả mọi người nên nhớ là dù trong hiện tại nhiều người tự thấy mình là phạm phu, nhưng mình phải biết là mình đã có sẵn cái gốc Thánh Hiền , một nguồn gốc cao cả cần được làm hiển lộ. Xin được ghi lại tiếp theo sau đây những gì Đức Mạnh Tử đã giảng giải mà vào thời đó vua Tề mới nghe qua cũng đã bàng hoàng.

Khi nghe Mạnh Tử giảng giải về lương tri, lương năng và lương tâm nói rằng Thánh Nhân và người thường không có gì khác nhau cả vì lương tâm là một ở tất cả mọi người, tức là ai cũng có lương tâm như nhau. Vua Tề nghe vậy bèn sai thuộc hạ theo dõi dò tìm xem coi Mạnh Tử có điều gì khác hơn người không và nếu có thì khác ở chỗ nào?

Mạnh Tử biết việc này nên giải thích rõ hơn rằng “ Ta không có gì khác người cả”. Vua Nghiêu, vua Thuấn cũng giống như mọi người, nào khác chi đâu? ( Hà dĩ dị ư nhân tai, Nghiêu Thuấn dữ nhân đồng nhi- Ly Lô Hạ). Với lời giải thích trên đây về Thánh Nhân và người thường không khác chi nhau, ý của Đức Mạnh Tử muốn nói gì, hay muốn ám chỉ cái gì, việc gì? Ông căn cứ vào đâu để mà nói như vậy? Và lời nói của Ông được hiểu và giải thích như thế nào trong giáo lý của Tam giáo , đặc biệt nhất là trong khuôn khổ tôn chỉ của Không giáo.

## **1-Thánh phàm không khác**

Khi bảo rằng Nghiêu Thuấn cũng giống như mọi người nào có khác chi, với ý nghĩa Thánh phàm không khác, Đức Mạnh Tử muốn nói gì?

Hậu thế hầu hết ai ai cũng đều công nhận Không Tử cũng như Mạnh Tử là những bậc Thánh Nhân mà theo sự hiểu biết thông thường của người đời thì Thánh Nhân có khác người thường. Thế mà Mạnh Tử lại nói không khác !

Đức Mạnh Tử nói không có gì khác nhau đâu, kể cả những bậc đế vương, thiên tử, thánh nhân như vua Nghiêu, vua Thuấn cũng không có gì khác người thường cả. Đây chính là câu nói đã làm cho vua Tề thắc mắc.

Vua Tề thắc mắc tại sao một bậc Thánh nhân như Mạnh Tử

mà lại nói thế. Như vậy là Mạnh Tử nói sai chăng? Sở dĩ vua Tề nghĩ rằng Mạnh Tử nói sai vì theo vua Tề cũng như bâng quan thiên hạ thì Thánh Nhân chắc chắn là có khác người thường, Bằng có là Nho giáo, hay nói rõ hơn là chính chữ Nho đã chỉ rõ điểm này. Thật vậy, nói chữ Nho, nếu chiết tự và nghiên cứu thì các chữ Nhân, Vương, Thánh được viết theo tượng hình của mỗi chữ hoàn toàn khác nhau, cũng như được giải thích ý nghĩa qua chiết tự khác hẳn nhau:

Nhân 人

Vương 王

Thánh 聖

### **a- Chữ Nhân: (人)**

Với tượng hình như một người đang đứng dang hai chân ra (人) để tượng trưng cho tất cả mọi người ở thế gian.

### **b-Chữ Vương :(王)**

Với ba gạch ngang và một gạch sổ thẳng đứng nối liền ba gạch ngang đó (王) biểu thị tượng trưng như sau:

\* Ba gạch ngang biểu thị Tam Tài mà trong tam giáo Tam Tài có nghĩa là Thiên Địa Nhân tức là Trời, Đất và Người được tượng trưng bằng ba gạch từ trên xuống dưới. Đây là ba thực thể chính yếu trong càn khôn vũ trụ mà theo đạo Nho là ba hình tượng bao gồm tất cả, đồng thời cũng tượng trưng cho bản thể cao nhất Là Trời, thực thể thấp nhất là Đất và nhân thể trung gian giữa Trời Đất là Người.

\* Còn gạch sổ đứng nối liền ba gạch ngang để lập thành chữ Vương (王) nhằm biểu thị con người sống giữa thế gian nhưng lại nối liền được Trời và Đất , có nghĩa Vương Đế là

người Đại diện cho Đất Trời , là biểu tượng cho Đất Trời , mà theo Đông Trọng Thư , một danh Nho đời Lương Hán thì đây là Vương Đạo Thông Tam.

Nói rõ hơn, với một con người sống giữa lòng nhân thế xứng đáng là người, sống với lương tri, lương năng và lương tâm như Đức Mạnh Tử đã giảng giải, sống không hề chao đảo, không thấy hổ thẹn với mình, dưới thì kiên hai chân trụ vững trên đất, trên thì Đức sánh tợ Trời, con người đó mới xứng đáng là Vua, là Vương, là Đế, và có những con người xứng đáng là Vương, là Vua mà không ai phủ nhận được, đó là Vua Nghiêu và Vua Thuấn.

Vua Nghiêu và Vua Thuấn là những vị Đế Vương đã hành xử bổn phận mình xứng đáng với chữ Vương (王) tức thông được Tam Tài Thiên Địa Nhân, trên không thẹn với Trời, dưới không hổ với Đất, và ở giữa là Nhân tức là tự mình xứng đáng với mình , coi mình như mọi người , và vì lòng nhân, vì nhơn nghĩa đại đồng , vì vị tha vô vị lợi mà mình chỉ biết phục vụ cho mọi người thôi. Con người với lương tri, lương năng và lương tâm như vậy, đức độ tợ Trời Đất, trên thì như Trời che, dưới thì như đất chở, con người đó mới xứng đáng với chữ Vương, và con người đó mới xứng đáng làm Vua. Đây là chữ Vương theo chữ Hán, hay là bổn phận và nhiệm vụ của người làm Vua theo quan niệm của Nho giáo, Khổng giáo, một quan niệm một chữ viết mà bất cứ ai thực hành được, thực hiện thông Tam Tài được thì người đó xứng đáng cho mọi người tôn sùng kính bái.

Ngày nay, nhiều người có đạo thường hay hành trì lễ nghi bái lạy, mà trong việc bái lạy, nhiều người có lẽ chưa hay biết là mình đang hành hạnh thông Tam Tài. Thật vậy khi bái lạy, đúng là người đang hành hạnh thông Tam Tài. Người bái lạy chấp hai tay lạy đưa lên trán khấn vái. Khi khấn vái thì ngoài

việc cầu khẩn van xin, người vái lạy còn cố thông công, tiếp xúc với chư Thiên, với Trời, với Phật tức cố đưa tâm hồn mình đến chư Thiên, đến Trời Phật mà mục đích không gì khác hơn là tâm nguyện thể nhập được với Trời Phật, nói rõ hơn là hội nhập tâm hồn mình với Phật với Trời.

Rồi khi cúi lạy xuống, đầu sát đất, đó là thể nhập với đất, mà nếu thể nhập được với đất thì người bái lạy đã là một vị Thánh, một vị Bồ Tát tại thế rồi.

Tại sao lại nói như vậy? Tại sao lại nói thể nhập được với đất thì đó là Thánh, là Bồ Tát? Tại vì không phải dễ gì thể nhập tâm hồn mình cũng như sắc thân mình với đất được đâu. Nói rõ hơn là không phải dễ làm đất đâu. Không phải ai ai cũng có thể làm đất được.

\* \* \*

Thật vậy, chúng ta thường nghe nói “Trời che, đất chở”. Đất chở có nghĩa “đất là nơi để mọi người sống trên đó, dặm đạp trên đó, khắc nhổ lên đó, thế mà đất vẫn luôn luôn âm thầm im lìm gánh chịu, nhận lấy tất cả, không hề oán than, không hề phản ứng, không trách móc, chẳng giận hờn. Đất dung chứa tất cả mọi người, chuyên chở tất cả mọi người, làm vừa lòng tất cả mọi người. Dù con người có đào xới, đục khoét đất cũng không than. Dù con người có đập, có đá, có nện, có cào, đất cũng không oán. Đất còn đùm bọc luôn tất cả những nắm xương tàn mà thể nhân sau khi lìa đời đã đem chôn cất. Nói khác hơn, đất che chở, chịu đựng, đùm bọc, nhận lãnh tất cả. Tất cả đau thương, hôi thúi, bẩn thỉu, dập bầm, trái oan đất đều âm thầm nhận, âm thầm thấm thấu mà chẳng một chút kêu ca, một lời oán trách. Cái đức độ của đất quá lớn, cái hạnh của đất quá cao vì thế mà trong động tác bái lạy, người lạy cố cúi đầu sát đất là để thể nhập với đất,

để học lấy cái đức của đất, tập lấy cái hạnh của đất, vui lòng thọ lãnh mọi điều ngang trái đau thương, vui vẻ âm thầm ôm lấy chướng duyên oan nghiệt, không buồn, không giận, mà cứ nghĩ đây là lúc mình giải oan, là lúc mình trả quả hay là mình đang xử kỷ vị tha, yêu thương, từ bi, đùm bọc, sẵn sàng để phục vụ Vạn Linh.

Nói tóm lại khi lạy thì ngoài tâm báo đền ơn đức, hay ngoài việc nguyện niệm van xin, người tu còn hạnh hanh thông tam tài. Đó là ở trên thì cố thông công, thể nhập chư Chơn Linh, chư Thiên, với Trời, với Phật được thì cố thực hiện cái Đức quá cao cả, là hành cái hạnh nhẫn nhục, đùm bọc thứ tha quá sâu rộng của đất. Thực hiện được cái Đức kia của Trời, hành được cái hạnh kia của đất như vậy đâu phải là việc dễ làm. Vậy thì người có tâm tu nên cố gắng! Có chờ được như đất thì cũng nên cố dụng tâm tu che được như Trời. Người ta chỉ cần làm được như đất thì quả mãn công viên và yếu chỉ của việc lễ lạy không gì khác hơn là thông tam tài cho công viên quả mãn. Đây là cách tu “Thiền Quán” và “Thiền Chi” là một trong những giáo pháp của Đạo Cao Đài với giáo lý “Tùng Tượng nhập Tánh” và Thiền trong Tứ đại oai nghi, một pháp Thiền mà Lục Tổ Huệ Năng cũng không làm khác.

\* \* \*

Đến đây xin trở lại chữ Vương (王) trong Nho Tông để luận bàn về chữ Thánh (聖).

Theo Nho Tông, hay theo Khổng giáo thì một khi đã là Vương, là Đế thì Đức phải sánh tợ Phật Trời, phải che chở cho chúng sanh, cho muôn dân như Trời che, phải chống đỡ hay lo lắng cho muôn dân như đất chở, như thế mới đúng danh phận là Vương, một chữ được dùng trong chữ Nho để

làm nền cho chữ Thánh.

### **c- Chữ Thánh (聖)**

Với chữ Vương đứng dưới làm nền, trên chữ Vương lại còn có chữ Khẩu (口) là miệng, và chữ Nhĩ (耳) là tai. Như vậy chữ Thánh trước nhứt với căn bản là chữ Vương thì trên chẳng khác nào Trời che, dưới thì cũng như Đất chở đối với mọi người.

Chẳng những thế, Thánh còn hơn Vương ở chỗ là nó có cả Khẩu và Nhĩ, tức tai và miệng đều viên thông, mà chỉ riêng chỉ có Nhĩ căn viên thông thôi (tai) thì Đức Quán Thế Âm Bồ Tát của Đạo Phật mà cũng là Đấng Nhị Trân Oai Nghiêm của Đạo Cao Đài, đã là Bồ Tát rồi nếu không nói là một vị Cổ Phật.

Như vậy tóm lại qua chiết tự các chữ Vương và Thánh thì những vị Thánh đang sống ở thế gian như vua Nghiêu và vua Thuấn đức độ được sánh như Bồ Tát, nhưng tại sao Đức Mạnh Tử lại nói chẳng khác người thường. Đức Mạnh Tử nói như vậy trong ý nghĩa nào và nhằm mục đích gì? Căn cứ vào đâu mà Đức Mạnh Tử lại nói như vậy?

Xin trước tiên được trình bày Đức Mạnh Tử căn cứ vào đâu mà nói như thế và tiếp theo đó sẽ giải rõ ý nghĩa và mục đích.

### **2- Căn bản của lập luận Thánh Phàm không khác.**

Căn cứ vào đâu mà Đức Mạnh Tử nói Thánh Phàm không khác tức Thánh Nhân cũng giống như mọi người thường.

Như chúng ta đã biết Mạnh Tử là học trò của Tử Tư, mà Tử Tư tức Khổng Cấp tác giả quyển Trung Dung mà cũng là cháu đích tôn của Đức Khổng Phu Tử.



Khi nói Thánh Phạm không khác, Đức Mạnh Tử đã theo đúng tông chỉ của Khổng giáo, qua lời dạy của Đức Khổng Phu Tử là “Ngô đạo nhất dĩ quán chi” được hiểu là “phù đạo nhất nhi dĩ hỹ” nghĩa là Đạo của Ngài nhất quán chỉ có một mà thôi.

Chỉ có một mà thôi, đây là chân đế đã làm nền cho tông chỉ không riêng gì Khổng giáo mà cả Tam giáo đã có từ trước. Còn ngày nay một tôn giáo là Đạo Cao Đài được hình thành tại Việt Nam với tông chỉ “Tam giáo quy nguyên” đang hiển dương cái lý “Nhất” qua việc thờ Thánh Tượng Thiên Nhân với một con mắt thì cũng chỉ có một mà thôi. Nói rõ hơn, Tam giáo Nho Thích Lão trước kia cũng như tôn giáo Cao Đài trong hiện tại, với tất cả tinh tuý giáo lý, với tất cả pháp tu dù rằng có thiên kinh vạn quyển nhưng tất cả đều không đi ra ngoài cái lý “Nhất là Một”.

“Một” là cái lý cao siêu nhất trong giáo lý Tam giáo mà cũng là của tôn giáo Cao Đài hiện tại. Người đời nói chung, cũng như nhiều người tu nói riêng, chỉ vì không chịu khó đi cho tới, và đạt cho đến cái lý này nên cứ chẻ chia phân biệt, tranh đua hơn thua, phân chia cao thấp, phê bình chỉ trích, tông này chẳng đồng ý với tông kia, chi này chê bai phái nọ . . . v . . . Đó chẳng qua là vì chưa thấu rõ cái lý “Nhất là Một”, hoặc có hiểu ít nhiều về Thánh hiền và chư Phật Bồ Tát đã có nói trong các kinh Tam giáo, nhưng mãi đến ngày nay chưa được phát triển hay xiển dương đúng mức, chưa được tìm hiểu tận tường, chưa thấm thấu và tâm chứng nhằm giúp đỡ không những cho Việt Nam, cho riêng vùng Đông Nam Á mà còn cho toàn thể thế giới đại đồng ngày nay đã là năm châu hợp chợ, để có thể mau chóng thấy được cái chân lý hiển nhiên và cao siêu nhất của vũ trụ đất trời, để từ đó phát triển tình thương, lòng nhân ái hay bác ái làm

cái nền, cái lý, cái phương pháp, cái phương tiện và là cái mục đích phải đạt đến. Đó là cùng nhau đưa tất cả nhân loại chung sống hòa bình tránh khỏi chiến tranh nhờ vào cái lý Nhất.

Xin được trình bày cái lý “Nhất “ tức chỉ có “Một” khi tìm hiểu về Thiên Nhân của Đạo Cao Đài. Riêng ở đây xin trở lại cái lý “Một” của Khổng giáo mà các đồ đệ của Ngài là những Nho gia dùng để dạy người đời.

Để dạy người đời tu tập theo đúng tông chỉ Phối Thiên của Đức Khổng Phu Tử, đồ đệ thân tín và tâm đắc của Ngài là Thầy Nhan Hôi, một bậc tiền bối của Đức Mạnh Tử cũng đã nói

“ Thuấn là ai, ta là ai, bất cứ ai theo Đạo mà làm, mà tu, thì cũng đều Phối Thiên được cả”. ( Thuấn hà nhân giả, dư hà nhân giả, hữu vi giả diệc nhược thị – Đằng Văn Công - Thượng).

Còn với Nho gia thì khi vua Tề Cảnh Công muốn tìm hiểu vì sao lại bảo Thánh phạm không khác tức Thánh phạm cũng chỉ “Một” mà thôi thì Nho gia Thành Nghiễn bèn bảo với nhà vua rằng “Thánh hiền là trượng phu, ta cũng là trượng phu, ta sợ gì mà không được như Thánh hiền” (Bỉ trượng phu giả, ngã trượng phu giả, ngô hà úy bỉ tai. – Nho giáo Trần Trọng Kim, quyền thượng, trang 196).

Tóm lại, những lời dạy trên đây của Đức Khổng Phu Tử, của Thầy Nhan Hôi, của Đức Mạnh Tử và của Nho gia Thành Nghiễn xác nhận rằng với Khổng giáo thì “ Thánh phạm không khác”. Không khác ở đây được hiểu và giải thích với mục đích có phải chẳng chẳng ngoài Tông chỉ Phối Thiên hay Thiên Nhân Hiệp Nhất.

### 3- Đức Mạnh Tử giải thích Thánh Phàm không khác

Đức Mạnh Tử nói Thánh phàm không khác và Ngài giải thích như sau:

Trong Tận Tâm Thượng Ngài bảo rằng “Vạn vật giai bị ư ngã hỹ, phản thân nhi thành lạc mạc đại yên” nghĩa là nơi con người, ta có đủ tất cả. Thánh phàm, Trời người, Vạn vật đều có đủ.(Vạn vật giai bị ư ngã hỹ). Chỉ cần ta sống theo lương tri, hành với lương năng, đừng gây vọng niệm, đừng tạo vọng tâm, không chạy theo vọng trần và đừng sống trong vọng thức để làm phàm phu, mà chỉ cần ta quay trở về nơi chơn tâm ta, hoàn thành con người ta, mà hoàn thành cũng có nghĩa là hoàn thiện, hoàn toàn hợp nhất với chân lý, nói rõ hơn là hợp nhất với Thiên Lý, với Thiên Mệnh, với Thiên Lương, với bản tính và lương tri, như vậy là phàm sẽ trở về với Thánh, và Phàm Thánh cả hai cũng là ta, không có gì khác nhau cả (phản thân nhi thành lạc mạc đại yên). Nói khác hơn Đức Mạnh Tử muốn bảo rằng Thánh Nhân là bậc “hoàn toàn” trong vạn vật. Còn ta thì ta cũng có đủ tất cả những gì là tinh túy của vạn vật , nghĩa là những gì trong sáng, tốt đẹp, cao cả của vạn vật cũng đều có đủ nơi chúng ta. Chỉ cần ta tự biết xét mình để thấy rõ mình, chỉ cần ta hồi tâm, tu dưỡng, phục hưng lại cái tinh túy đó thì ta không còn cần phải tìm đâu xa mà sẽ thấy rõ ta với Thánh nhân là đồng một thể vậy.

Để giải thích rõ ta với Thánh nhân đồng một thể như trường hợp ta với Nghiêu Thuấn nào có khác chi nhau, lời dạy của Đức Mạnh Tử được giảng luận như sau: Dẫu cho vua Nghiêu và vua Thuấn là bậc Thánh nhân nhưng cũng bẩm thụ một lý, một khí, tức là cũng đồng một tâm, một thân như tất cả mọi người, nào có khác chi ai. Chỉ có một điều là

những bậc ấy giữ được cái khí hạo nhiên là cái tánh khí, cái bản tính do Thiên Mệnh, tức cái mà Trời ban, nói rõ hơn là cái chánh tâm cái lương tâm hay cái chân tâm như nói theo Khổng giáo hay Phật giáo đó mà thôi! Vậy, nếu ai cũng giữ được cái tâm như thế hay tu để trở về được với chánh tâm hay chân tâm như thế thì chắc chắn là chẳng khác gì các bậc ấy. Đây là cái thấy cái biết có thể giúp cho con người lúc nào cũng có thể nghĩ đến cái bản thể hoàn hảo của mình giúp cho mọi người có lòng tự tin rằng mình có thể hay hơn, tốt hơn được, mình có thể thăng hoa được. Một khi con người có đủ lòng tin như vậy thì vật dục u trệ tức cái phần mê lầm, vô minh sẽ biến cải và biến dạng đi và cái phần quang minh sáng sủa, tỉnh thức, giác ngộ càng ngày càng phát triển ra, đưa đến thăng hoa thì phàm phu và Thánh nào có khác chi, chỉ một chớ chẳng hai.

Đi xa hơn một bước nữa với tông chỉ “Ngô đạo nhất dĩ quán chi” để minh chứng Trời Người (Dieu et Humanité) không khác, hay Phàm Thánh chỉ là Một chớ chẳng hai, Đức Mạnh Tử lại nói thêm rằng “Thê hữu quý tiện, hữu tiểu đại, vô dĩ tiểu hại đại, vô dĩ tiện hại quý. Dưỡng kỳ tiểu giả vi tiểu nhân, dưỡng kỳ đại giả vi đại nhân” ý nói sẽ dĩ có tiểu nhân hay đại nhân tức quân tử, có phàm phu hay Thánh là chỉ vì trong thân tâm của con người có phần quý mà cũng có phần tiện, có phần lớn mà cũng có phần nhỏ, có phần cao mà cũng có phần thấp. Vậy nếu ai cứ nuôi phần hèn mọn, phần nhỏ, phần thấp, phần tiện thì làm tiểu nhân, cũng như bất cứ ai chạy theo vọng trần vọng thức và sống với vọng niệm, vọng tâm thì người đó luôn luôn sẽ là phàm phu. Còn ai nếu biết nuôi phần lớn, phần quý, phần cao cả thì người đó sẽ là đại nhân, sẽ là quân tử, cũng giống như bất cứ thường nhân nào mà biết thông tam tài, tức dung thông được Thiên, Địa, Nhân, huyền đồng được với Trời Đất nghĩa là có cái

lý, cái khí, cái tâm, cái tác ý, cái hành xử như Trời che Đất chở, thương yêu và phụng sự tất cả mọi người, và hơn thế nữa còn được nhĩ căn viên thông, tức cái nghe thanh tịnh, tánh không và tú khẩu (□) là cái miệng chuyên chỉ nói điều thiện, điều lành, không nói láo, nói thêu dệt, nói đâm thọc, nói lời độc ác, người như vậy thì dù bên ngoài sắc tướng phạm phu vẫn giống như mọi người nhưng tánh khí thì đã hoàn toàn là Thánh rồi, nghĩa là Tánh đã đồng với Mệnh và Mệnh lại đồng với Thiên (Trời) mà Khổng giáo gọi là Phối Thiên, Lão giáo cũng gọi là Phối Thiên hay Phản Phục Huyền Đồng.

Nói rõ hơn, theo Đức Mạnh Tử viết trong Cáo Tử Thượng thì mỗi con người ai ai cũng có cái Tước của Trời ban và cái Tước của người cho (hữu thiên tước giả, hữu nhân tước giả). Với những cái được Trời phú và người ban cho ta đó, nếu ta biết gầy dựng lấy cái lớn là đại nhân hay Thánh nhân thì cái nhỏ là tiểu nhân hay phạm phu sẽ không lấn lướt lên được. Nói như thế có nghĩa là phạm phu cũng đó mà Thánh nhân cũng đó, cũng như Vạn Vật Đồng Nhất Thể tức là Một chứ chẳng phải hai. Vấn đề quan trọng là con người phải biết làm sao giữ cho được cái lớn mà bỏ đi cái nhỏ, giữ lấy cái cao thượng mà bỏ cái hạ tiện để “Siêu Phàm Nhập Thánh” mà muốn siêu phàm nhập Thánh thì trong Khổng giáo có một câu chuyện như sau được gọi là câu chuyện Núi Ngu Sơn.

\* \* \*

#### **4- Câu chuyện Núi Ngu Sơn**

Chuyện kể rằng xưa kia ở trên núi Ngu Sơn có cây hoa trái rất rườm rà tươi tốt. Ngặt một nỗi núi này lại ở vào một nước lớn, đất rộng người đông và vì kế sinh nhai, vì sự sống còn

nên ngày ngày con người cứ lần lượt đến Ngưu Sơn dùng búa rìu chặt phá, đốn cây, lấy củi. Thế thì cỏ cây hoa lá ở trên núi Ngưu Sơn nào còn làm sao tốt đẹp được. Núi bị trợ trụ xác xơ là vì cây cối đã bị chặt rụi hết cả rồi.

Mặc dù vậy, nhờ nghỉ ngơi, nhất là nắng mưa trời đất tưới vào nên sau đó cây cối cũng sinh sôi trở lại và đâm chồi nảy lộc. Thế nhưng cũng chỉ vì số chồi lộc non xanh tươi tốt này mà trâu bò dê nai lại tìm đến phá hoại, cứ tiếp tục ăn và ăn sạch cả khiến cho ngày nay núi phải hoàn toàn trợ trụ.

Có một người thấy núi trợ trụ lại bảo rằng núi ấy không mọc cây được. Nói như thế có thật đúng không?

Có phải đúng là núi ấy không mọc cây được hay không?

Há có phải cái bản thể, cái tính của núi ấy là trợ trụ hay sao? Là như thế hay sao?

Núi bị trợ trụ vì cây bị chặt còi cọc, chồi lộc xanh tươi, ngày đêm bị trâu dê nai gặm nhấm chẳng còn gì. Nếu cứ dùng búa rìu để đốn chặt hết tất cả cây, nếu cứ lừa trâu bò đến để gặm nhấm tất cả chồi lộc thì núi còn làm sao xanh tươi được, còn làm sao mà đẹp đẽ được nữa.

Con người ta cũng vậy.

Theo sách Lễ Ký, Lễ Vận IX của Nho giáo thì con người là một sự phối hợp của đất Trời, mang sẵn trong mình cái đạo đức của Trời đất. Con người là sự giao hợp giữa âm dương, là một sự tụ hội của Thánh Thần, là cái tinh khí của ngũ hành (Nhân giả kỳ thiên địa chi đức, âm dương chi giao, Thánh Thần chi hội, ngũ hành chi trí khí giả).

Mặc dù vậy, mặc dù con người là cái đức của đất Trời, nhưng nếu không biết “khử nhân đức để tồn Thiên Lý” tức

trừ bỏ đi những cái ham muốn thấp hèn để làm hiển lộ ra cái bản thể thánh thiện cao siêu, tức cái bản thể Trời sẵn có nơi mình thì cái thân ô trọc trần ai này sẽ chẳng khác nào như núi Ngưu Sơn kia bị búa rìu chặt đẽo, trâu dê nai đê nát tro trụi mà thôi.

Xin đừng nói bản chất núi Ngưu Sơn là như vậy. Đừng nói bản chất núi Ngưu Sơn là tro trụi. Núi Ngưu Sơn tự ngàn xưa đứng giữa Trời Đất vẫn là một ngọn núi xanh tươi, tốt đẹp, um tùm. Chỉ tại vì người ta không biết bảo vệ nó, mà lại cứ tàn hại, phá hoại nó cho nên nó mới tro trụi như bây giờ, chớ bản chất nó nào phải là núi không cây. Bản thể của nó nào có phải là một ngọn núi tro cành trụi lá.

Hình ảnh của núi Ngưu Sơn cũng chẳng khác nào hình ảnh của con người chẳng biết hay chẳng được bảo vệ vậy. Nếu con người chẳng chịu khử nhân dục để tồn Thiên lý, không chịu dưỡng tánh tồn tâm, tri túc thiểu dục, mà cứ lo chạy theo cái đam mê vật chất, cái ham muốn thấp hèn, để làm mất đi cái Thánh tâm, cái Phật tánh là cái Tánh Trời sẵn có của mình thì cũng chẳng khác nào như núi Ngưu Sơn kia bị búa rìu thẳng tay chặt đẽo và trâu bò dê nai tàn phá cho tan hoang hết vậy.

Không giáo hay Nho giáo nói rõ rằng con người ai cũng có Mệnh, là cái nguồn gốc, cái dòng dõi sang cả của mình. Cái Mệnh này nếu còn ở nơi Trời thì gọi là Thiên và khi Trời phú cho người thì gọi là Mệnh. Người nhận Mệnh của Trời để sống ở trần gian thì mệnh đó được gọi là Tánh. Tánh là bản thể và một khi bản thể này được đem ra để ứng cơ tiếp vật thì được gọi là Tâm.

Nói rõ hơn theo Không giáo hay Nho giáo Tánh là bản thể, Tâm là dụng, có nghĩa Tâm là Tánh, Tánh là Mệnh mà Mệnh

là Thiên Lý, là Trời. Như vậy nói tóm lại và nói rõ hơn, Tâm với nghĩa là Chánh Tâm hay Chân Tâm của ta là Mệnh của Trời ban vậy.

Biết cái Tâm của ta có bản thể là Tánh, mà Tánh là do Mệnh, và Mệnh có nghĩa là Thiên Lý tức từ Trời, vậy để cũng như Trời, giữ cho được cái bản chất của Trời thì ta phải giữ cái Tâm cho ngay chánh.

Muốn giữ cái Tâm cho ngay chánh thì phải giữ cái Tánh cho hoàn toàn tỉnh thức, sáng suốt, luôn luôn giác ngộ, cũng có nghĩa là luôn luôn phải thấy đúng cái sự thật của Ngã và Pháp tức con người của ta cũng như mọi sự vật quanh ta. Ngoài ra nhất động nhất tịnh còn phải tùy thuộc theo cái Mệnh tức cái Thiên Lý tự nhiên. Thực hành được như vậy tức là tu, luôn luôn kính Trời, thờ Trời, theo Trời để được trở về Trời, ở trên Trời, hay là phối hợp với Trời mà Khổng giáo gọi là Phối Thiên đó vậy.

Nói rõ hơn, tu là để giữ lấy cái Tâm, làm cho sáng cái Tánh, và làm như vậy là theo đúng cái Mệnh của Trời, tức là giữ được cái Thiên Lý là cái Tánh của Trời vậy.

Con người giữ được Tánh Trời (Thiên Mệnh chi Tánh) cũng có nghĩa là Trời Người không khác, phạm Thánh chẳng rời nhau. Vậy có sao chẳng chịu làm Thánh mà cứ mãi mê đeo đẳng làm phạm, trong khi biết rõ đã sẵn có một sự phối kết, một sự tương quan, một sự liên hệ chặt chẽ giữa phạm và Thánh, giữa Trời và Người.

\* \* \*

Sự tương quan hay sự liên hệ giữa Trời Người, nói rõ hơn là sự phối kết giữa phạm Thánh, Trời Người đã được nói đến trong Nho giáo hay Khổng giáo, rõ nhất là trong Tứ Thư và



Ngũ Kinh, Trung Hoa ngũ thiên niên dũ, quyển 3, chương Lão Tử trang 229 có nói “Dịch, Thi, Thư đa ngôn Thiên, ngôn Thần, ngôn Thượng Đế. Đại thể ngôn chi: kỳ ngôn bản thể thời viết Thiên, kỳ ngôn chủ thể vạn vật thời viết Thần, viết Đế . .v . .v. “ nghĩa là Kinh Dịch, kinh Thi, kinh Thư đều nói đến Thượng Đế, đều nói về chủ thể của muôn loài vạn vật qua chữ Đế tức là Trời, và Nho giáo hay Khổng giáo với thuyết “Thiên Nhân tương dũ” hay “Thiên Nhân hợp nhất” chủ trương rằng Trời Người hay Thánh phàm nào có khác chi nhau.. Chủ trương này của Nho giáo hay Khổng giáo xác nhận sự quan hệ thẩm thiết giữa phàm và Thánh, Trời và người, nghĩa là trong người có Trời, cũng như trong phàm có Thánh.

Nói rõ hơn, theo sách Nho giáo của Trần Trọng Kim quyển hạ, trang 137 và 103 thì con người sở dĩ có là do Mệnh của Trời, “Trời phú cho gọi là Mệnh, bẩm lấy ở ta gọi là Tính hay Tánh” mà danh nho đời Tống là Thiệu Khang Tiết gọi Mệnh đó gọi là Thiên Lý và Thiên Lý này khi đến với người, ở tại người thì được gọi là Tính vậy.

Căn cứ theo Thiệu Khang Tiết thì trong Tính có Tình và Tình là cái phản động, cái đối lại với Tính. Tính là Thần mà Tình là quỷ, có nghĩa Tính thì tinh anh sáng suốt, ngay thẳng, trọn lành, còn tình thì u minh, quỷ quái, mờ tối, luôn luôn bị khói bụi trần hoàn bao phủ.

Như vậy để trở về với nguồn gốc cao cả của mình, con người cần phải Phục Tính, tức là phải quay trở về với cái nguyên tính của mình. Một khi phục lại nguyên tính rồi thì tự mình sẽ minh mẫn, thông đạt, sáng suốt mà chữ Nho gọi đó là đã: “Khử nhân dục, tồn Thiên Lý” tức “Phản bản hoàn nguyên” cũng có nghĩa là quay về hay phục hồi Thiên Lý, phục hồi cái Mệnh của Trời, của Thượng Đế mà Tứ Thư là sách Đại

Học và Trung Dung đều có dạy rất rõ.

Trong sách Đại Học chương thứ 10, tiết thứ 5 có nói về Thượng Đế tức Trời và trong sách Trung Dung với câu “Thiên Mệnh chi vị tính” ngay tại đầu chương 1 cũng xác nhận tính nơi con người là do từ Mệnh của Trời tức là Thiên Mệnh hay tính bản nhiên nó luôn luôn tìm ẩn ở trong mỗi một con người. Như vậy điều quan trọng là con người phải cố gắng làm sao phục hồi lại được cái Thiên Tính ấy để không còn bị phiền não, khổ đau, trôi lặn với kiếp sống phàm phu, đua tranh giành giựt bởi cái “Khí chất chi tính”, mà nên “Phản Thân nhi thành” như nói theo Khổng giáo, “Hồi đầu thị ngọc”, như nói theo Phật giáo “Hồi quang phản chiếu”, như nói theo Cao Đài giáo để quay trở về với “Thiên địa chi tính” là cái tính thọ bẩm từ Thiên tính, tức cái tính có nguồn gốc thiêng liêng, có giá trị vô biên của mình, là cái gốc của dòng dõi sang cả của mình, hay nói rõ hơn đó là bản thể chân thật của mình, một bản thể có ngọn nguồn từ Trời Phật, tiềm tàng ngay tự tâm thân mà từ lâu mình vẫn tưởng là cách xa mình lắm. Mình cố đi tìm, cố đi kiếm, cố ngờ đâu bản thể ấy lại đang âm thầm ẩn tàng nơi mình mà từ lâu vì khói bụi trần ai che lấp mà mình đã quên mất hẳn đi. Vậy giờ đây nhớ lại, được nhắc lại dòng dõi cao sang của mình, mình phải làm sao cố phục hồi cho bằng được hầu Thiên Nhơn ( Dieu et Humanité) Hiệp Nhứt.

Phải phục hồi cho được phần Thiên tính đã từ lâu bị cát bụi trần hoàn bao phủ thì mình mới có thể sống một cuộc đời hoàn toàn an nhàn, thanh thoi tự tại dù ngay giữa cõi thế gian trần tục này. Phục hồi được như vậy là tự ta, ta đã hoàn thành được đại cuộc lập ngôn, lập công, lập đức, vì ta đã hoàn tất được đại nghiệp Thiên Nhơn Hiệp Nhứt (Dieu et Humanite’).

## 5- Kết Luận

Để kết luận chương này, có một điều cần nhắc lại và cần được ghi nhận, đó là với Khổng giáo hay Nho giáo, qua Tông chỉ Phối Thiên, thì Trời Người không khác, có nghĩa là “Thiên Nhân tương dữ” và cũng là “Thiên Nhân hiệp nhất”. Nói như thế có nghĩa là con người ai ai cũng có hai mặt hay hai tính. Một là tính phàm tức “Khí chất chi tính” hai là tính Trời tức “Thiên Mệnh chi tính”.

Tính phàm, đó là lục dục thất tình tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, hỉ, nộ, ai, lạc, ái, ố, dục, còn tính Trời đó là Thái Cực (Dịch, Hệ Từ), Minh Đức (Đại Học I) hay Lương Tâm cũng là Đạo Tâm (Kinh Thư, Đại Vũ Môn 15) mà Mạnh Tử gọi là Xích Tử chi Tâm (Mạnh Tử, Ly Lâu Hạ, 12) và Đức Hộ Pháp nói rõ ra rằng “Con nít sơ sinh nó chỉ sống với Chơn Linh mà thôi.”

Đức Mạnh Tử đã từng nói: “Tân kỳ tâm giả, tri kỳ Tính dã. Tri kỳ Tính tức trí Thiên hĩ”, còn các danh Nho đời Tống trong đó có Trình Hạo với Tống Nguyên Học Án quyển 13 trang 12 và quyển 15 trang 2 cũng đã nói như sau: “Thiên Nhơn bản vô nhị” tức Trời Người là một cũng có nghĩa Thiên Nhơn Hiệp Nhất, mà “Nhất nhân chi tâm tức Thiên Địa chi tâm”, đã được sách Trung Dung, một bộ sách nói về Đạo Trời, ý tứ rất cô động, cao siêu, có thể nói tinh túy của đạo Nho hay Khổng giáo dạy cách Phối Thiên, làm Trời, làm Phật, phần lớn đều nằm trong bộ sách này, cũng đã dạy rõ là “Tu tri nhân, bất khả bất tri Thiên” tức biết người ắt phải biết Trời, với ý nghĩa là trong mỗi một con người, tất cả đều có phàm và Thánh, cũng như có Trời và có Phật. Phật Trời nào có xa chúng ta, chỉ ta cố xa Trời Phật đó thôi.

“ Ngày nay, ít người đọc sách Nho hiểu được rằng tính con

người chính là Thái Cực, thật là vạn hảo. Con người không biết chuyện đó, chính vì xã hội đã làm cho họ sai lầm mà thôi.”<sup>3</sup>

Nói rõ hơn, con người ít có ai biết được rằng chính mình vốn là Thánh, là Trời, là Phật mà muốn trở về với bản thể đó thì trước tiên con người phải học để thực hành cái hạnh của đất đã được trình bày ở trên với đạo Nho hay đạo Khổng, và cũng được chỉ rõ trong đạo Phật khi Đức Phật Thích Ca dạy La Hầu La lúc ấy vẫn còn là một Sa Di.

Đức Phật nói với La Hầu La rằng: “Này Lahula, con hãy học hạnh của đất. Dù người ta có đổ rải lên đất những thứ tinh sạch và đẹp đẽ như hoa, nước thơm và sữa thơm hoặc người ta đổ lên đất những thứ dơ dáy, hôi hám như phân, nước tiểu và máu mủ hoặc người ta khắc nhỏ xuống đất, tiểu tiện xuống đất thì đất cũng tiếp nhận tất cả những thứ ấy một cách thản nhiên, không vui vẻ mừng rỡ và cũng không chán ghét tủi nhục.”<sup>4</sup>

Tóm lại, học hỏi và tu trì để thực hành được cái hạnh của đất là bước đầu để con người đi từ phàm đến Thánh. Còn muốn trở về với bản thể Chư Thiên hay Phật thì Đức Khổng Phu Tử cũng có dạy rất rõ trong sách Luận Ngữ qua mỗi Đạo Nhân, xin được trình bày trong “Con đường Tu của người Cao Đài” ở phần “Đạo Cao Đài Nho Tông chuyển Thế” đi từ Nhơn Đạo đến Thiên Đạo hay Phật Đạo.

---

3- *Bác sĩ Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, Vạn Vật đồng nhất thể, NXB Nhân tử Văn, USA 2002, trang 188.*

4- *Kinh Majjhima Nikaya trang 62, 147, Tăng A Hàm trang 17-1 và Giáo La Hầu La-Tiểu Kinh, Trung A Hàm trang 200.*

### PHẦN III

## THIÊN NHÂN BẤT NHỊ THEO LÃO GIÁO

Nho giáo hay Khổng giáo có nói rằng: “ Vạn vật giai bị ư ngã, phản thân nhi thành, lạc mạc đại yên” nghĩa là tất cả chúng ta, ai ai cũng đều có đủ một nguồn gốc thiêng liêng, một đại nghiệp cao cả (vạn vật giai bị ư ngã) chỉ cần chúng ta bình tâm tĩnh trí nhìn lại mình và nhận ra nó (phản thân nhi thành), thì như thế còn có vui thú nào bằng và hạnh phúc nào hơn (lạc mạc đại yên).

Quan điểm giáo lý trên đây của Khổng giáo hay Nho gia đã được đạo Phật và đạo Cao Đài hoàn toàn chia sẻ và tán đồng. Đạo Phật cũng bảo rằng tất cả chúng sanh ai ai cũng đều có Phật tánh (Nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh) nhưng chỉ hiếm vì mê ngộ chẳng đồng mà có người nhận ra được, kẻ lại không.

Còn Đạo Cao Đài thì lại nói rõ ràng hơn , đó là trong mỗi con người chúng ta, tức trong cái thú chất vật hình này còn có Ông Trời ở trong. Ông đồng sống với nó. Nói khác hơn là theo đạo Cao Đài thì trong mỗi chúng sanh ai ai cũng có Thần, có thú, tức có Phật và cũng có phàm phu, mà theo triết lý thất tình định duy chủ, muốn làm Phật thì làm, muốn làm thú thì làm.

Tóm lại, cả ba tôn giáo Khổng, Phật, Cao Đài đều xác nhận là mỗi chúng sanh đều có Thánh tâm hay Phật tánh, mà với Lão giáo, một trong tam giáo lớn nhất, lâu đời nhất, đã có từ mấy ngàn năm qua ở phương Đông, cũng nói không khác.

Lão giáo, qua hai bộ Kinh căn bản danh tiếng là Đạo Đức Kinh và Nam Hoa Kinh được gọi là “ túi khôn của nhân

loại”, cũng minh định một cách rõ rệt là “Nhơn Thiên bất nhị”, nghĩa là Trời Người là một chớ chẳng phải hai.

Chẳng những thế, không những chỉ minh định vậy thôi mà Lão giáo lại còn chỉ rõ con đường để làm sao con người trở về ngôi vị Phật, để làm Trời, làm Phật, và đây chính là lý do mà bài viết này lại ghi Thánh Tâm và Phật Tánh trong Lão giáo và xin được bắt đầu với Nam Hoa Kinh để chỉ ra Phật Tánh Thánh Tâm. Kế tiếp theo sẽ là Đạo Đức Kinh để chỉ rõ con đường tu để Phối Thiên, để trở thành Phật, sẽ được trình bày ở phần hai khi nói về Tình Thương và Công Chánh (Amour et Justice).

## **1- Thánh Tâm Phật Tánh trong Nam Hoa Kinh**

### **A-Ngoại Thiên: Thu Thủy.**

Cũng giống như Thái Thượng Bảo Phiệt Đồ thuyết nói rằng “*Thiên dã, nhân dã, nhất nhi nhị, nhị nhi nhất dã*” tức “Trời Người là một chớ chẳng phải hai”, Ngài Trang Tử trong Nam Hoa Kinh tại Phần 3: Ngoại Thiên, chương 17 Thu Thủy cũng nói: “*Thiên tại nội, nhân tại ngoại*”.

Thiên tại nội, nhân tại ngoại là sao?

Đó là Trời ở trong còn người ở ngoài. Cả hai chỉ là một, một cũng là hai mà cái thân tâm này của chúng ta mỗi người đều có như vậy.

Thật vậy, trong mỗi thân tâm chúng ta mỗi người đều có cả hai. Có Người mà cũng có Trời. Có phàm phu mà cũng có Phật.

Nếu chúng ta cứ ở tại bên ngoài tức sống chạy theo trần

hoàn ngoại cảnh thì chúng ta sẽ mãi mãi chỉ là một con người trần thế, thú chất vật hình, phàm phu mãi mãi.

Nói rõ hơn, nếu chúng ta cứ tham đắm cái sắc thân vốn là vay mượn, bất tịnh, duyên hợp vô thường vô ngã này và chúng ta cứ bám víu theo ngũ dục lục trần đam mê tham ái thì không làm sao chúng ta thoát khỏi được kiếp con người trần thế, luôn luôn bị bao vây và lôi cuốn bởi tam đồ lục đạo. Đây là mặt thứ nhất khi chúng ta vẫn còn đắm chìm trong “ Nhân tại ngoại” mà Ngài Trang Tử nói là trong ý nghĩa này.

Tóm lại, nếu chúng ta định tĩnh , quay trở vào trong mà đạo Lão gọi là Phản Phục và đạo Cao Đài gọi là Hồi Quang Phản Chiếu, tức “Phản giả đạo chi động” như Đức Lão Tử nói ở Chương 40 Đạo Đức Kinh nghĩa là thực hành cái động của Đạo, không phải chạy theo bên ngoài trần thế mà là trở vào bên trong , trở về cái gốc, cái nội tâm của chúng ta thì chúng ta sẽ thấy rõ Tánh Trời hay Tâm Phật của chúng ta (Thiên tại nội ).

Nói rõ hơn theo Trang Tử tại chương Thu Thủy của Nam Hoa Kinh thì ở trong là Trời (Thiên tại nội), ở ngoài là Người (Nhân tại ngoại). Cả hai chỉ là một và một tức là hai. Một là ta mà hai cũng là ta. Một tức hai, hai tức một, thấy biết được hay không là chỉ do mê ngộ mà thôi. Nói khác hơn là trong mỗi người đều có Trời, trong tất cả phàm phu đều có Phật, chẳng khác nào trong nước đục luôn luôn có nước trong mà tại chương Tề Vật Luận cũng trong Nam Hoa Kinh Ngài Trang Tử càng nói rõ hơn.

## **B- Nội Thiên: Tề Vật Luận.**

Tề Vật Luận là chương II ( thuộc phần Nội Thiên của sách

Nam Hoa Kinh).

Trong Nam Hoa Kinh, tại chương Tề Vật Luận Trang Tử viết: “ *Thiên địa dữ ngã tịnh sinh, nhi vạn vật dữ ngã vi nhất*” nghĩa là Trời đất cùng ta được sinh ra và ta với Trời đất là một chớ nào phải là hai.

Nói như thế có nghĩa là ta với Trời đất nào có khác chi nhau. Trời là Thể nơi ta và ta cũng là cái dụng của ta. Cả hai ở nơi ta. Cả hai chỉ là một . Thể và dụng chỉ là một, có nghĩa là ta có cả hai.

Trang Tử viết như thế này chẳng khác nào Lão Tử đã viết về Đạo, về cái thể của Đạo là “ vô danh thiên địa chi thủy” và cái dụng của Đạo là “ hữu danh vạn vật chi mẫu”.

Nói rõ hơn, với Lão Tử cũng như Trang Tử , cái mà hai Ngài muốn diễn tả, muốn chỉ, muốn dạy qua Chương I Đạo Đức Kinh và Chương I & II Nam Hoa Kinh đó là Thể và Dụng là một chớ không hai. Trong một có hai, Cả hai là một, là để chỉ sự tương dữ, tương hợp. Đó là Đạo, đó là Nhơn Đạo cũng như Thiên Đạo mà mọi người có mang sẵn trong mình từ lúc mới sanh ra thể mà ít người hay biết. Nói khác hơn là trong mỗi con người luôn luôn có Thể và Dụng , Thiên và Nhơn mà Thiên Nhơn tương dữ và Thiên Nhơn hiệp nhưt, cũng có nghĩa là Trời Người ( Dieu et Humanité) không khác, hay nói rõ hơn là Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể, mà đây là một học thuyết chung cho nhiều đạo giáo, và ngày nay đạo giáo xiển dương rõ nhất là đạo Cao Đài.

Thuyết này với Đạo Cao Đài cũng như với Khổng Giáo và Lão giáo và nhiều đạo giáo khác chủ trương rằng Thập Loại chúng sanh hay Bát Hồn Vạn Chuyển , tất cả đều có một Thể và một Dụng. Thể và Dụng tuy nói như là hai nhưng thật ra



chỉ là một, đó là một pháp.

Trong pháp có Thể là Tâm Điểm mà Thể hay Tâm Điểm thì duy nhất , trường cửu bất biến . Còn Dụng tức cái hình tướng bên ngoài thì lại dị biệt biến thiên. Nói khác hơn ta với cái biến thiên dị biệt bên ngoài còn có cái duy nhất , vĩnh cửu, bất biến ở bên trong . Cả hai tuy nói cho dễ hiểu là hai nhưng chung qui chỉ là một, vì thế nên Trang Tử mới nói Trời đất và ta cùng sinh (*Thiên địa dữ ngã tịnh sinh*) và Ta cùng vạn vật sự tình chẳng hai. (*Nhi Vạn Vật dữ ngã vi nhất*). Trang Tử nói như thế để chỉ rõ nếu càng nhìn ở bên ngoài thì càng thấy chẻ chia , cách biệt, tôn ti quý tiện, cao thấp , dở hay . .v. . v. . và đây là nguồn cơn mà trong nhiều tôn giáo không ít vị ý chưa thông, tâm chưa chứng rồi cứ đứng ở bên ngoài nên hay tranh luận, cãi cọ , phải quấy hơn thua. Tuy nhiên nếu càng đi sâu vào bên trong thì tất cả đều thấy chỗ tương đồng. Tương đồng vì tất cả đều có Trời, có Phật , có Thượng Đế , có Chí Tôn, có Vô cực, có Thái Cực. Đó là Vô cực và Thái cực mà Lão giáo cũng như Khổng giáo xiển dương và đó là Thái cực mà Đạo Cao Đài hiện đang chờ.

Đạo Cao Đài thờ Thái Cực vì đó là nguồn gốc âm dương, mà âm dương thì mỗi người đều mang, mỗi người đều có, tức mỗi người ngoài cái xác thân thú chất vật hình còn có cái Mệnh hay cái Tánh của Trời, mà theo Trang Tử trong Tề Vật Luận nếu con người biết Phản Phục như theo giáo thuyết đạo Lão , tức trở về với Đạo, với Trời , với Phật, sống hòa với Đạo với Trời, tức là sống theo Chân Thể , theo Bản Tính, theo Thiên Mệnh đã có sẵn ở nơi mình, thì đó sẽ là Thiên. Thiên đây có nghĩa là Trời, là Phật, là Đạo và hễ sống thuận được với Đạo rồi thì những gì mà mình nghĩ , mình nói, mình làm thì đó không phải là mình nghĩ , mình nói, mình làm mà đó là Đạo nghĩ, Đạo nói, Đạo nói mình làm. Cái

nghĩ, cái nói, cái làm ấy là những gì do Đạo nơi ta, có nghĩa là cái làm của Vô Ngã, cho nên những nghĩ nói làm ấy được gọi là Vô Vi, cũng có nghĩa là Phối Thiên theo Nho Lão hay giải thoát theo Phật, mà tại chương 16 Đạo Đức Kinh Đức Lão Tử đã chỉ rõ con đường Phối Thiên hay giải thoát chẳng khác nào đạo Phật.

### **C- Nội Thiên: Đức sung phù**

Tại chương V phần Nội Thiên Đức sung phù<sup>5</sup> của Nam Hoa Kinh Ngài Trang Tử dạy rằng: “ Nếu nhìn chỗ dị biệt thì thấy gan mật, như Sở Việt chia phối. Nhưng nếu biết nhìn điểm tương đồng thì vạn vật đều là một (*Tự kỳ dị giả thị chi, can đởm Sở Việt giả. Tự kỳ đồng giả thị chi, vạn vật giai nhất dã*).

Sở dĩ Ngài Trang Tử nói như trên là vì theo Ngài thì vạn vật đều mang Thái cực, nói rõ hơn là vạn vật đều có cái Mệnh tức là Thiên, mà nếu con người cứ chạy ra bên ngoài, chạy theo thanh trần tiền cảnh cũng có nghĩa là chạy theo cái số kiếp phàm phu thì sẽ thấy rằng quý tiện có khác biệt nhau, nhưng nếu càng trở về bên trong, càng đi vào nội tâm, càng Hồi Quang Phản Chiếu, càng Phản Thân Nhi Thành thì sẽ trở về nội tâm, thấy tất cả đều trở về Một, đều trở về Đạo và tất cả đều tương đồng, vì với tâm Thánh, tâm Phật, với Đạo thì có gì mà lại chẳng đồng nhau “ *Dĩ Đạo quan chi vạn vật vô quý tiện. Dĩ vật quan chi tự quý nhi tương tiện*” (Nam Hoa Kinh-Thu Thủy)

Tóm lại phàm nhơn mà có tâm Thánh thì đó là Thánh tâm. Chúng sanh mà có tâm Phật thì đó là Phật tánh. Tâm, Phật, chúng sanh tam vô sai biệt, cũng có nghĩa là phàm Thánh

---

5- *Đức sung phù* : *Đức sung mãn và tự nhiên, Trang tử Nam hoa Kinh, Nguyễn hiến Lê, nxb Văn Hóa, năm 1994 - trang 203*

nhất như, Thiên Nhơn Tương Dữ cũng như Thiên Nhơn Hiệp Nhứt.

Phàm Thánh một khi đã nhất như, Thiên Nhơn một khi đã hiệp nhứt thì thôi còn có hạnh phúc nào bằng. Hạnh phúc này chúng ta không những chỉ tìm thấy nơi giáo lý của Khổng giáo, Phật giáo hay Cao Đài giáo, mà một khi chúng ta đã trở về nội tâm để thẩm thấu thì chúng ta cũng sẽ trực nhận được với Lão giáo qua giáo lý và học thuyết của Đạo Lão.

## **2- Thánh Tâm Phật Tánh trong Đạo Đức kinh**

Trong Đạo Đức Kinh, Đức Lão Tử vị Thánh nhân dạy người đời cái Đạo Vô Vi, đã nói tại chương II rất rõ về cái điều mà người thế gian cần phải nhớ, đó là đừng nên chẻ chia phân biệt. Đừng thấy có hai và chỉ nên thấy có một, vì hai cũng là một mà thôi.

Đức Ngài nói: “ *Thị dĩ Thánh nhân cử Vô Vi chi sự* ” nghĩa là Thánh nhân, thì chỉ theo Vô Vi mà xử sự, vì có theo Vô Vi mà xử sự thì mới hoàn thành được cái Đức của Thánh nhân, hay bảo toàn được cái bản thể của Thánh nhân. Đó là cái bản thể mà trong đó có cái đức không chẻ, không chia, cái đức Bình Đẳng, Công Bình, Công Chánh thấy rõ chẳng có tướng ngã, tướng nhơn, thấp cao, tiểu đại, tức là chẳng thấy có hai mà cả hai chỉ là một.

Đức Ngài đã giải rõ ràng:

Hữu vô tương sanh

Nan dị tương thành

Trường đoản tương hình

Cao hạ tương khuynh

Âm thanh tương hòa

Tiền hậu tương tùy

Nghĩa là:

Có và không sinh lẫn nhau

Đễ và khó cùng thành.

Dài và ngắn ảnh, hình tùy nhau.

Cao và thấp cùng chiều

Giọng và tiếng cùng hòa

Trước và sau cùng tùy nhau.

Với ý nghĩa Thánh phạm không khác, Trời Người (Dieu et Humanité) chẳng phải hai, cũng có nghĩa nước trong có từ nước đục, phiền não tức bồ đề và chúng sanh tức Phật mà vào thời Nhị kỳ Phổ Độ hình ảnh không hai rõ nhất là xác thân của Thái Tử Tất Đạt Ta và báo thân của Đức Phật Thích Ca cũng chỉ là một mà thôi.

### **3- Kết luận**

Theo Đạo Lão thì chúng ta cũng như tất cả vạn vật trên thế gian này đều do Đạo mà ra. Mỗi người hay mỗi vật đều có cái Tánh hay cái Lý của nó mà giáo lý đạo Lão gọi là cái “Tánh Tự Nhiên”, còn theo Khổng giáo hay Cao Đài giáo thì đó là “Thiên Mệnh chi vị Tánh” và Phật giáo gọi đó là “Chơn Như Bản Thể” và đó chính là Phật tánh.

Với Thiên Mệnh chi vị Tánh hay Phật Tánh là cái “Tánh Tự Nhiên” nếu con người chịu trở về với Tánh ấy, sống với Tánh ấy, làm theo Tánh ấy mà không theo Tự Ngã phạm phu đăm mê hám dục thì hạnh phúc sẽ có tức thì, có ngay tại lúc đó không cần phải cầu cạnh bất cứ ai, chạy tìm bất cứ nơi nào khác bên ngoài.

Trong Nam Hoa Kinh, Ngài Trang Tử đã nói: “*Thiên địa dĩ ngã tịnh sinh, nhi vạn vật dĩ ngã vi nhất*” được học giả Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ dịch ra là:

Ta và Trời đất cùng sinh.

Ta và vạn vật sự tình chẳng hai.

Quả thật đã nói rõ ta là ai rồi.

Theo Lão giáo, ta chỉ cần “Phản Kỳ Chân” hay “Phục Kỳ Bản”, Phản Quan Tự Kỷ hay Hồi Quang Phản Chiếu như đạo Cao Đài hay đạo Phật, hoặc Phản Thân Nhi Thành Lạc Mạc Đại Yên như đạo Khổng thì hạnh phúc sẽ có tức thì, có với chúng ta ngay và không vui thú nào hơn được.

Tại sao lại có một số người trong chúng ta chẳng chịu trở về nội tâm, chọn hạnh phúc tự tại an vui mà hình như có ý chọn lấy phiền não khổ đau để rồi tuông bờ lướt bụi, xông ra bên ngoài để tìm kiếm, đấu tranh, như vậy có phải là việc đáng làm không?

Tại sao chúng ta lại không chịu thấy thế gian là vô thường, vô ngã để trở về với Bản Thể, với Tự Nhiên, với Thiên Tánh sẵn có nơi ta và sống với Vô Ngã. Sống với Vô Ngã đó là sống với Đạo để mà giải thoát.

Về với Đạo rồi, sống thuận với Đạo rồi thì cái gì mình làm, mình nói, cái nói cái làm ấy là cái làm cái nói của Thiên Lương, của Đạo nơi mình làm. Cái làm ấy là cái làm của Thiên Tánh. Đó là cái làm của Vô Ngã và việc làm hay hành động đó là việc làm hay hành động vô vi.

Vô vi nói ở đây được hiểu là “Vô vi nhi vô bất vi” tức là hành vi của vô ngã, của thể nhân để trở về với Bản Thể, mà theo Trang Tử đó là hành vi đã sống hòa làm một với đạo,

tức là sống theo Thiên Mệnh, theo Bản Thể nên được gọi là Thiên. Đó là sống với cái chánh kiến, chánh tư duy, là cái thấu hiểu, cái tâm tưởng của Thánh nhân là “ Ta là trời đất cùng sinh, Ta và vạn vật sự tình chẳng hai.” có nghĩa phạm Thánh cũng là ta. Nếu ta thấu hiểu tất cả cũng là một, tức phạm Thánh chẳng hai tức là đã thấy được Đạo nơi ta, thấy được diệu lý của Thiên Nhân chỉ một không hai. Bằng trái lại, nếu ta cứ sống với tâm thể nhị nguyên, giai phân nhị ngã, cứ sống theo tự ngã phạm tâm, coi cái ngã của mình là cao, là quý hơn tất cả, sống theo cái sống ước lệ và giả tạo của xã hội quanh ta thì đó là ta sống theo lẽ sống thể nhân nhị nguyên ngã chấp. Đó là cách sống của phần lớn những ai sống căn cứ trên nền tảng của tâm làm lạc, của bản ngã, thể rồi cứ mãi lo tom góp, tóm thâu, đua chen, giành giật, chạy theo thể danh quyền chức, mà quên hẳn rằng một ngày sẽ đến không xa, một khi về trước “ Nghiệt Cảnh Đài” thì sẽ thấy là chẳng còn gì cả, còn chẳng chỉ có Tội Phước mà thôi theo như Kinh đã nói, đó là:

“ Đài Chiếu Giám cảnh minh nhẹ bước

Xem rõ ràng tội phước căn sinh.

Lần vào cung Ngọc diệt Hình

Khai Kinh Vô Tự đặng nhìn quả duyên.

Hạnh phúc có không là do tự nơi ta. Hạnh phúc chính ta tự có mà khổ đau cũng do ta tự tạo. Chỉ cần ta chịu Hồi Quang Phản Chiếu, trở về với nội tâm, sống với Thiên Mệnh chi vị Tánh thì hạnh phúc sẽ có tức thì. Nhược bằng cứ để tâm trí dui rong, cứ đua chen chạy theo trần cảnh thì làm sao tránh khỏi khổ đau phiền não khi còn ở tại thế gian này, mà con đường tự do để siêu thăng giải thoát về sau cũng sẽ hoàn toàn nghẽn lối.

Chuyển tâm được không sẽ do tại nơi ta.

Tâm chúng được không, thực chúng được không cũng chính tự nơi ta, đừng nên đổ thừa là do bởi căn cơ hay nghiệp dĩ.

## PHẦN IV

### NGUỒN GỐC CAO CẢ CỦA CON NGƯỜI THEO GIÁO LÝ CỦA ĐẠO CAO ĐÀI: TRỜI NGƯỜI KHÔNG KHÁC

Viết về giáo lý vi diệu thậm thâm của Đạo Cao Đài có một điểm cần ghi nhận: Điểm cần ghi nhận đó không phải kinh kệ của Đạo Cao Đài khó hiểu hay giáo lý của Đạo Cao Đài chẳng viên thông.

Kinh kệ Đạo Cao Đài được viết bằng tiếng Việt mà bất cứ ai biết chữ Việt đều có thể đọc và hiểu được. Còn giáo lý của Đạo Cao Đài là tam giáo quy nguyên, gồm tinh túy giáo lý của Nho Thích Lão vốn viên dung và dễ hiểu.

Dễ hiểu và viên dung ở chỗ giáo lý Đạo Cao Đài là một nền giáo lý Nho Tông chuyển thể, từng tướng nhập tánh, nhị đế dung thông nghĩa là đi từ Tướng đến Tánh, từ Sự đến Lý, từ Thể Pháp đến Bí Pháp, từ phụng sự đến giải thoát một cách dung thông, mà đạo Phật gọi “ Nhị đế dung thông tam muội ấn” là đó.

Nói cách khác đạo Cao Đài giáo Đạo từ Sự, từ Tướng, từ Pháp có định hình, định vị, được đạo Nho hay Khổng giáo gọi là Việc hay Vật trong chữ Cách Vật Trí Tri mà đạo Cao Đài gọi là Thể Pháp và đạo Phật bảo là Thế Gian Pháp để đi đến Tánh, đến Lý, mà Lý là danh từ phát xuất từ Khổng giáo, còn với Phật giáo thì chữ Lý đó có nghĩa là Chân Đế, xa hơn nữa là Chân Như Pháp Tánh.

Nói rõ hơn, vì Đạo Cao Đài là Nho Tông chuyển thể nên có



cách tu đi từ Cách Vật đến Trí Tri để có Thành Ý rồi mới được Chánh Tâm nhằm Tu Thân. Đó là một cách rất cụ thể tu ngay với Sự rồi mới đến Lý, với Thể Pháp trước và Bí Pháp sau, tức là tu ngay tại Đời vì đang sống ở Đời thì mới thấu được Đạo, mà như Đức Ngự Mã Thiên Quân Thượng Tôn Quân Thế trong đêm Thuyết Đạo tại Đền Thánh ngày 12 tháng 5 Kỷ Sửu 1949 có nói: “Bản Đạo cho biết rằng Bí Pháp của Đạo và Bí Pháp của Đời có liên quan với nhau. Nếu làm biếng không nghe Đời thì không thể gì biết đến Đạo. Nói khác hơn là phải biết rõ Thể Pháp thì mới mong tu hành đạt Bí Pháp được” nghĩa là phải đi từ Đời đến Đạo, từ Sự đến Lý, từ Tượng đến Tánh hay từ Tục Đế rồi mới đến Chân Đế. Kết luận lại là phải tu từ Đời “ từ Vật, từ Sự, từ Tượng tức là Thể Gian Pháp, là Thể Pháp.

\* \* \*

Nói về Thể Pháp đạo Cao Đài có rất nhiều pháp môn tu nhằm hướng dẫn người đời dễ hiểu, dễ chấp nhận và dễ tu để mỗi người tùy căn cơ mà tu đạt Đạo.

Có nhiều Thể Pháp được chỉ rõ trong Kinh, Cơ, Ngữ, Lục nhưng hình hiện rõ nhất và dễ thấy nhất, đó là ảnh tượng Tam Thánh đặt nơi Đài Tịnh Tâm tiền đình Tòa Thánh.

Bất cứ chư tôn nào vào Tòa Thánh Cao Đài cũng thấy ngay ảnh tượng Tam Thánh này với bốn chữ Dieu et Humanité, Amour et Justice, mà hai chữ Dieu et Humanité được dịch là Trời và Người cũng có nghĩa là Thiên Nhơn Tương Dữ hay Thiên Nhơn Hiệp Nhứt là Bí Pháp để tu đạt Đạo mà Cao Đài Tự Điển, quyển 3 nơi trang 1014 có ghi rõ như sau:

“ . . . . . Đức Chí Tôn cam kết với nhơn loại nếu người nào thực thi được bốn chữ Bác Ái Công Bình (Amour et Justice)

thì Đức Chí Tôn rước về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống, được ban thưởng các ngôi vị Thần, Thánh, Tiên, Phật thoát khỏi luân hồi.»

\* \* \*

Trên đây là sự luận giải qua Cao Đài Tụ Điền.

Có thể nói đây là một cách luận giải để chỉ rõ người tu nếu thực hiện được Bát Ái Công Bình thì sẽ được về cõi Trời, sống ở trên Trời, có một phẩm vị ở trên Trời, tức Trời Người không khác, cũng có nghĩa là Thiên Nhơn Hiệp Nhứt .

Nói rõ hơn, ảnh Tượng Tam Thánh với bốn chữ Dieu et Humanité, Amour et Justice là một Thể Pháp của Đạo Cao Đài nhằm để nói rõ cho tín đồ nói riêng hay nhơn sanh nói chung là Trời và Người không khác, mà việc luận giải chứng minh – theo người viết – sẽ không tránh khỏi một ít khó khăn vì sách viết sẽ không chuyển hết được lời, mà lời thì không diễn tả hết được ý. Lý do là vì ý tại ngôn ngoại. Nói khác hơn với việc luận giải Thể Pháp hay giáo lý thì bất cứ luận giải hay chứng minh nào tất nhiên cũng phải căn cứ vào ngôn ngữ, danh ngôn hay khái niệm. Mà ngôn ngữ, danh ngôn hay khái niệm thì lại bị đóng khung theo mỗi thể nhân, trong khi đó ngôn ngữ, danh ngôn hay khái niệm lại được dùng để chuyên chở tức diễn tả giáo lý. Chính vì lý do này có thể nói ngôn ngữ, danh ngôn hay khái niệm vì bị đóng khung với ngã, với ta mà ngã hay ta thì vẫn còn ít nhiều hữu lậu, nên ngôn ngữ, danh ngôn hay khái niệm được dùng sẽ không làm sao tránh khỏi hữu lậu, do đó mà sẽ khó làm sao chuyển tải hay thuyết minh hết được giáo lý, Thể Pháp hay Bí Pháp. Đây là mối bận tâm và cũng là điểm cần ghi nhận mà người viết xin toàn thể nhơn sanh niệm tình hiểu cho.

## **Dieu et Humanite = Trời và Người**

Dieu et Humanité là Trời và Người hay Thiên Nhơn để chỉ Trời Người không khác hay Thiên Nhơn Hiệp Nhứt, tức Trời Người hay Thiên Nhơn cũng chỉ là một chứ chẳng phải hai.

Hai chữ Dieu et Humanité là một phần trong tinh túy giáo lý của Đạo Cao Đài bắt nguồn từ tinh túy giáo lý Tam giáo.

Mục đích của hai chữ Dieu et Humanité là để chỉ dạy một pháp môn tu nhằm đạt Đạo để con người trở thành Trời , phạm phu trở thành Phật mà Đạo Cao Đài gọi đó là Vạn Linh hiệp với Chí Linh hay: “các con là Thầy và Thầy là các con” cũng không ngoài ý nghĩa này.

Trong bốn chữ “ Dieu et Humanité, Amour et Justice” thì hai chữ Dieu et Humanité là Trời và Người dùng để chỉ bản thể cao quý, nguồn gốc sang cả, tâm linh dễ mến dễ thương của con người mà tiếc thay con người hầu như đã quên đi, ít ai còn nhớ đến.

Vậy để có thể tìm lại, hay trở về với nguồn gốc đó, bản tánh bản thể dễ mến dễ thương đó, thì con người phải rán nhớ lại và chịu khó lo tìm. Muốn dễ nhớ dễ tìm, cũng như tìm thế nào cho có kết quả thì phải cậy nhờ vào hai chữ Amour et Justice.

Amour et Justice là hai danh từ mà cũng là hai giáo pháp tu trong giáo lý của Đạo Cao Đài không khác giáo lý Tam Giáo và Thiên Chúa Giáo nhằm chỉ rõ và hướng dẫn việc hoàn mãn Thiên Nhơn Hiệp Nhứt hay Phạm Phu tức Phật.

Mặc dù vậy nhưng việc học hay tìm để làm cho Nhơn Thiên hiệp lại thì cách tu của Đạo Cao Đài có phần nào khác cách tu của mỗi tôn giáo trong Tam giáo mà một học giả uyên

thâm Tam giáo và uyên bác giáo lý hầu hết các tôn giáo khác trên thế giới là Bác Sĩ Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ trong quyển Tinh Hoa các Đạo giáo ấn hành năm 2002 tại Hoa Kỳ đã phát biểu như sau khi nói về Đạo Cao Đài:

1- Đạo Cao Đài không muốn theo các đạo giáo thông thường, nhưng muốn tìm cho ra tinh hoa các đạo giáo trong thiên hạ

2- Chính vì vậy mà Đạo Cao Đài muốn “ học để làm Trời”.

3- Đạo Cao Đài tin mình đồng thể với Trời.

4- Trên nguyên tắc Đạo Cao Đài không câu nệ lễ nghi, hình danh sắc tướng, và Đạo Cao Đài chủ trương khoan dung độ lượng . . .”

Thật vậy Đạo Cao Đài hoàn toàn tin mình đồng thể với Trời và chữ mình với Đạo Cao Đài có nghĩa là toàn thể Nhơn sanh Nhơn loại chớ không riêng gì tín đồ của Đạo Cao Đài.

Nói khác hơn, cũng giống như Nho Thích Lão , đạo Cao Đài tin rằng Nhơn sanh ai ai cũng đều có Thánh tâm hay Phật tánh, tức có bản thể Trời mà Thể Pháp hay Bí Pháp cũng như cách tu của Đại Cao Đài được nghiên cứu qua kinh cơ và ngữ lục đã chứng minh.

## **1-Kinh**

Mục tiêu của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ theo như Kinh dạy, đó là :

“ Đóng địa ngục, mở tầng Thiên,  
Khai đường Cực Lạc dẫn miền Tây Phương”

### **Kinh Giải Oan.**

Mục đích này nhằm cứu độ toàn thể nhân sanh, không phân

biệt nam nữ, già trẻ, một khi từ già cõi đời này thì sẽ được siêu thăng giải thoát.

Đây chính là lý do mà kinh của Đạo Cao Đài đã nhấn mạnh về chữ Từ Bi, kêu gọi tâm từ hay hạnh từ bi, mà từ bi là đức tính đầu tiên của một vị Phật.

Nói rõ hơn bất cứ nguyên nhân hay hóa nhân nào nếu muốn thành Phật thì đức tính đầu tiên cần phải tìm lại, cần phải có, đó là đức tánh từ bi mà trường hợp của Đức Phật Thích Ca là rõ nhất.

Tiền thân Đức Phật Thích Ca, khi còn luân hồi sanh tử đã có một kiếp phải đọa vào địa ngục bị quỷ sứ hoành hệ hoành hành. Có một hôm khi đang ở trong ngục, tiền kiếp Ngài thấy bọn quỷ sứ dắt một tội nhân đi, vừa đi vừa đánh vừa chửi. Ngài thấy vậy động từ tâm nên phản đối bằng cách nói to lên rằng: “Làm gì mà đánh đập, chửi mắng người ta dữ vậy.”

Bọn quỷ sứ liền quay trở lại dùng chĩa ba đâm vào bụng Ngài và trên người Ngài nhiều lần làm cho Ngài chết ngay.

Vì chết do từ tâm, do lòng từ bi thương xót và lo lắng cho người khác nên tiền kiếp của Ngài được đầu thai trở lại làm người. Việc đầu kiếp trở lại như thế đó là hồi phục được nguyên nhơn để thấy mình có Phật tánh mà ngày nay Kinh Cao Đài gọi là “Phục nguyên nhơn hườn tồn Phật tánh” (Phật Mẫu Chơn Kinh) để rồi từ Phật tánh đó mà lo tu đạt Đạo, đi từ siêu thăng đến giải thoát được Kinh Phật Mẫu Cao Đài tụng là:

“Siêu thăng phụng liên qui khai,  
Tiên cung Phật xứ Cao Đài xưng danh.”

Nói rõ hơn kinh kệ Đạo Cao Đài có mục đích chỉ rõ cho mọi người thấy rằng dù có bị đọa địa ngục làm ngựa quỳ hay súc sanh nhưng bất cứ ai nếu có từ tâm, có lòng từ bi, biết thương yêu lo lắng cho người khác thì cũng có thể huân kiếp trở lại làm người tức phục được nguyên nhơn.

Một khi đã phục hồi được nguyên nhơn, thấy và biết mình có Phật tánh để lo tiếp tục tinh tấn tu hành thì người tu sẽ được siêu thăng giải thoát.

Tóm lại, là con người bất cứ ai cũng có xác thân phàm phu và trong xác thân phàm phu này thì mọi người cũng đều có Phật tánh. Đây chính là lý do mà Đức Phật Thích Ca mới nói: “Nhất thiết chúng sanh, giai hữu Phật tánh.” Và Kinh Tắm Thánh Đạo Cao Đài nói rõ như sau:

“ Những vạn vật âm dương tạo hoá,  
Dù cỏ cây hoa quả biến sanh.  
Con người đứng phẩm tối linh,  
Nửa người nửa Phật nơi mình anh nhi.”

Nghĩa là bất cứ người nào, dù nam hay nữ, dù sang hay hèn tất cả già trẻ bé lớn ai ai cũng đều có nửa người nửa Phật. Nhưng có một nỗi khổ, là Phật thì người ta hay quên, đã quên hoặc quên mất đi rồi. Còn là người, cái con người phàm phu, thì trái lại cứ được bám víu, mân mê, ôm ấp, đeo đẳng và luôn luôn nhớ mãi, bảo vệ mãi, lại cho chỉ có nó là ta, là ngã. Đây chính là nguồn gốc đã làm cho chúng sanh khổ đau đọa lạc do quên Phật và cứ bám víu lấy Phàm mà nhà Thiền gọi là quên mình theo Vật với câu chuyện như sau:

Thiền sư Cảnh Thành ngồi trong thất nghe tiếng nhái kêu. Thiền sư hỏi thị giả: “Tiếng chi vậy ?” .

Thị giả trả lời rằng tiếng con rắn bắt con nhái và con nhái bị rắn cắn nên kêu .

Thiền sư liền nói : “Chúng sanh khổ lại khổ chúng sanh.”

Chúng sanh khổ ở đây là con nhái bị con rắn bắt ăn thịt nên khổ. Còn khổ chúng sanh là vì chúng sanh cứ lo chạy theo cái bên ngoài, cái có rồi không, cái đến rồi đi, cái còn rồi mất mà quên hẳn là mình đang hiện diện. Nói cách khác là chúng sanh cứ mãi mê chạy theo ảo ảnh, hình danh sắc tướng, vọng tâm, vọng thức, vọng trần, chạy theo những cái vô thường sanh diệt như cái thân tự tại này. Chúng sanh nhận nó là ngã, là ta trong khi cái ngã, cái ta này lại là một vật nay còn mai mất.

Đã biết nó nay còn mai mất, ấy vậy mà chúng sanh cứ mãi vô minh tham ái rủi dơng theo nó đến đỗi không còn nhớ hay đã quên mất đi một sự thật. Sự thật đó là trong cái ngã hay cái ta hư vọng đó lại còn có cái ngã chân thật, cái ngã bất sinh bất diệt. Đó chính là Chân Ngã, là Phật tánh hay nói rõ hơn là phân nửa Phật trong mình như kinh Cao Đài đã dạy ở trên.

Nói tóm lại, do việc lầm chấp chạy theo cái hư vọng, hình danh sắc tướng, ngũ dục lục trần mà con người đã quên đi Chơn linh, Pháp thân hay Phật tánh của mình. Con người sống với cái giả mà quên cái thật. Đây chính là nguyên nhân làm cho chúng sanh buồn đau khổ não và cứ mãi trôi lặn trong luân hồi lục đạo. Ngày nào mà chúng sanh còn cứ chạy theo cái ảo ảnh, cái ngoại cảnh ngoại trần để cho thân tâm mình sống với cái vọng cái hư thì ngày đó chúng sanh luôn vẫn còn buồn khổ mà Thiền sư Cảnh Thành nói “Khổ chúng sanh” là vậy.

\* \* \*

Lại một lần khác, cũng đang khi ngồi trong thất, Thiền sư lại nghe tiếng tí tách bên ngoài, Thiền sư liền hỏi thị giả: “Tiếng gì vậy?” Thị giả trả lời: “Tiếng mưa rơi.” Thiền sư lại bảo:

“ Chúng sanh quên mình theo vật”.

Theo vật ở đây, ý của Thiền sư muốn nói là chúng sanh thường hay chạy theo sự vật bên ngoài. Mắt thấy sắc luyến lưu với sắc. Tai nghe thanh mê đắm nghe thanh. Cứ mê thanh đắm sắc rồi chạy theo danh sắc, chạy theo ngũ dục lục trần mà người ta đã quên đi con người thật của mình, một con người vốn có Thánh tâm, có Phật tánh mà Thiền sư Cảnh Thành muốn nhắc nhở mọi người, cũng như ngày nay Đạo Cao Đài khuyên mọi người nên nhớ lại là con người mình, bất cứ ai ai cũng đều có căn Tiên, cốt Phật, có Tiên vị, Phật duyên mà kinh kệ hay Thiên thư của Đạo Cao Đài bảo rằng:

“ Tam kỳ khai hiệp Thiên Thi,

Khoa môn Tiên vị ngộ kỳ Phật duyên “

Phật Mẫu Chơn Kinh.

là để nhắc toàn thể nhơn sanh nhớ rằng ta vốn có một nguồn gốc rất cao sang, một giòng họ rất cao cả, một vận mạng rất cao quý, và một tâm tánh vốn rất dễ thương. Đó là trong nửa người phàm phu này ta còn có một nửa Phật. Vậy phải cố gắng thế nào làm hiển lộ Phật tánh Thánh tâm đó, như thế thì ta sẽ được tự tại an nhàn và người người cũng sẽ như ta được hoàn toàn hạnh phúc.

Để thấy rõ và làm hiển lộ được một nửa Phật mà ta có đó qua câu: “ Nửa người nửa Phật nơi mình anh nhi” xin được ghi lại đây những tri kiến và tâm chứng của những bậc Thánh nhân Khổng giáo và Phật giáo chỉ rõ trong phàm có Thánh, trong ngu có trí, trong thân tứ đại trôi lặn với luân hồi sanh



tử này luôn luôn có sẵn Phật và Thánh như sau:

### **A-Thứ nhất: Với Khổng giáo có Vương Dương Minh.**

Vương Dương Minh từ thuở nhỏ bé lúc mới đi học một hôm đã hỏi thầy rằng : “Ồ đời việc gì là hơn cả?” Thầy trả lời: “Chỉ học và thi đỗ là hơn cả.” Vương Dương Minh không chịu và nói rằng: “ Chỉ có học để làm Thánh Hiền là hơn cả.”

Thế rồi khi lớn lên, thành danh và đỗ đạt, Vương Dương Minh trở thành một danh Nho, vừa là một triết gia mà cũng lại là một danh tướng.

Nói danh tướng, vì một thời làm tướng giúp vua, Ngài đánh đâu thắng đó, đi đến đâu là nơi đó được an bình vì thế mà danh tướng của Ngài một thời lừng lẫy và nhà vua luôn luôn trọng vọng Ngài.

Nói triết gia vì Ngài đã để lại cho hậu thế một nền triết học mà ngày nay tên tuổi và thuyết Tri Hành Hợp Nhất của Ngài vẫn còn là một nền triết lý đông phương quan trọng đã đi vào Đại Học thời đại.

Riêng nói về Nho gia hay Khổng gia thì chính Ngài đã làm Tổng Đốc Lương Quảng làm rạng rỡ Khổng Giáo, làm sáng tỏ và thăng hoa bộ sách Đại học của Tăng Tử, của Khổng gia với Thiên Đại học Vấn do chính Ngài để lại.

Tóm lại, được mệnh danh là một tướng gia, một triết gia, một Nho gia quả thật Vương Dương Minh đã không hổ danh với những tước hiệu danh xưng mà đời đã dành để hiến tặng cho Ngài.

Chính Ngài là người – như nói theo danh từ nhà Phật – đã được khai thị và đại ngộ Thánh tâm mà cũng là Phật tánh đã

có sẵn trong mỗi con người.

Trong lúc bị đày ra ở trạm Long Trường do gian thần hãm hại, Ngài luôn luôn lúc nào cũng tự hỏi: “Vị phông Thánh nhân gặp cảnh ngộ như thế này thì phải xử trí ra sao, tức là phải có cái Đạo để tự khiên” Ngài cứ suy nghĩ mãi.

Nhân một hôm, vào lúc nửa đêm, Ngài chợt tỉnh ngộ ra cái nghĩa của Cách Vật Trí Tri trong sách Đại học mà từ lâu Ngài cố tìm, cố hiểu cho ra cái nghĩa, cái lý của nó thì trong lúc mơ màng Ngài thấy như có người nói rõ cái nghĩa ấy ra, bắt giấc Ngài kêu to lên và nhảy múa như cuồng vậy. Từ đó Ngài thấy rõ cái Đạo của Thánh nhân nó đủ cả ở trong tính của con người ta, nghĩa là trong bản tính, bản thể con người ta luôn luôn lúc nào cũng có cái Đạo của Thánh nhân, hay nói rõ hơn là cái tâm Thánh tàng ẩn, mà bản phận của con người khi muốn tìm lại Thánh tâm hay Phật tánh là một phần phân nửa của mình thì phải làm sao cho cái đạo Thánh ấy sáng tỏ ra để tự mình cũng như giúp cho người khác tìm chỗ nhập Đạo, ý nói chẳng khác nào tự giác rồi giác tha theo Phật giáo, mà người Đời dù nói nôm na nhưng lại rất súc tích là:

Ma ma Phật Phật tự do ta,  
Ma Phật khác nhau chỗ chánh tà.  
Hễ tâm vọng tưởng là Ma đến,  
Còn khi chơn chánh Phật là ta.

Nghĩa là Ma Phật chỉ là một, Trời người cũng chẳng hai, Thánh phàm vẫn không khác, đó chính là ta, là con người vừa phàm phu mà cũng vừa là Thánh Phật, vì thế mà kinh kệ Đạo Cao Đài mới nói:

“ Phục nguyên nhơn hườn tôn Phật tánh,

Giáo hóa hồn hữu hạnh hữu duyên.

Trụ căn qui khí cửu tuyền,

Quảng khai Thiên thượng tạo quyền chí công”

Phật Mẫu Chơn Kinh.

Để chỉ con người hay nguyên nhơn ai ai cũng đều có Phật tánh cần phải hườn tồn.

### **B-Thứ hai: Với Phật giáo có Lục Tổ Huệ Năng**

Đây là trường hợp của một vị tâm chứng khác đúng ra là một bậc giác ngộ. Đó là Lục Tổ Huệ Năng.

Lục Tổ Huệ Năng nói rõ rằng trong mỗi phàm nhân đều có nửa người nửa Phật có nghĩa Phật là chúng sanh hay chúng sanh tức Phật.

Lục Tổ Huệ Năng nguyên người Lãnh Nam, thuở nhỏ cha chết sớm, ở vậy nuôi mẹ với nghề bán củi.

Nhân một hôm gánh củi đi bán về gặp một người đang trì kinh Kim Cang, Huệ Năng hỏi thăm và qua câu chuyện mới biết được Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn ở huyện Huỳnh Mai.

Rồi cũng do duyên tiền kiếp, Huệ Năng được người trì kinh giúp tiền để nuôi mẹ, nên sau đó tìm đến được Huỳnh Mai và bái kiến tổ Hoàng Nhẫn để xin học Đạo.

Khi Huệ Năng vào đảnh lễ, tổ hỏi: “Ngươi là người phương nào, muốn cầu việc chi?”.

Huệ Năng đáp: “Đệ tử là người huyện Tân Châu, xứ Lãnh Nam, từ phương xa đến đây lạy tổ để cầu làm Phật ! ”.

Tổ liền nói: “Ngươi là người xứ Lãnh Nam, là giống man rợ, thể nào thành Phật được sao ?”.

Huệ Năng trả lời : “Con người tuy có phân Nam Bắc, nhưng Phật tánh vốn chẳng có Bắc Nam. Cái thân này đối với hòa thượng tuy chẳng giống nhau, nhưng Phật tánh vẫn đồng, nào có khác.”

\* \* \*

Phật tánh nào có khác, có nghĩa là con người bất cứ ai cũng đều có Phật tánh như nhau mà trong Pháp Bảo Đàn Kinh được coi là bộ kinh trấn sơn của Thiền Tông đông độ, thì Lục Tổ Huệ Năng có nói như sau:

“ Nhất niệm tu hành pháp thân đồng Phật.

Nhất niệm nhược ngộ, chúng sanh thị Phật.

Nhất ngộ tất tri Phật giả.

Nhất đặng năng trừ thiên niên ám

Nhất trí tuệ năng diệt vạn niên ngu.”

Nghĩa là người trí và người ngu không khác. Ngu là vì thiếu trí mà một khi có trí rồi thì sẽ tự hết ngu. Cũng như không có ánh sáng thì là tối mà một khi đèn đã được đốt lên rồi thì bóng tối lại tự biến đi ( nhất đặng năng trừ thiên niên ám).

Con người cũng vậy, nếu chịu lo sửa, lo tu, tìm tòi học hỏi để có được chánh kiến, chánh tư duy, chánh niệm, chánh định, chánh tuệ thì sẽ thấy ngay chánh tâm, Phật tánh nơi mình, thấy ngay tự thân đồng với Phật. Đây chính là ý nghĩa của hai câu đầu mà tổ nói là “Nhất niệm tu hành pháp thân đồng Phật và nhất niệm nhược ngộ chúng sanh thị Phật” nghĩa là một niệm ngộ chúng sanh tức Phật mà một niệm mê thì Phật thị chúng sanh. Nói rõ hơn là chúng sanh hay Phật chỉ do mê hay ngộ mà thôi, chớ đã là người ai ai cũng đều có Phật tánh nên Đức Phật Thích Ca mới nói “ Nhất thiết chúng

sanh, giai hữu Phật tánh” để chỉ Phật tánh đã có sẵn nơi mọi người, có nhận là có, có tu là được. Phật tánh hiển lộ đầy đủ ở thân, với 5 căn của mỗi chúng sanh, cần nhìn lại thì thấy, đừng chạy tìm cầu bên ngoài làm chi chỉ luống uổng công.

Khổ cho một nỗi là chúng ta phần lớn ít ai và ít khi nào dám nhận Phật tánh nơi mình. Có phải chăng vì chúng ta đã quen kiếp phàm phu và có phải chăng là chúng ta vẫn còn đang ham làm phàm phu quá, vì thế mà lại cứ ham nhận cái thân tứ đại, ngũ hành duyên hợp này là mình, mà chẳng thấy rõ nó là cái vay mượn, duyên hợp, bất tịnh, vô thường để rồi đến khi thân chết đến nơi thì chúng ta lại hốt hải, hoảng loạn lo cho cái thân này sẽ mất.

Chúng ta nào có nhớ được cái thân tứ đại do đất nước gió lửa tạo thành này nó chỉ là một chiếc bè giả tạm nào có khác chi một quán trọ bên đường mà ta là khách lữ hành trong một chuyến viễn hành buộc phải dừng chân.

Nếu chúng ta cứ lo nhận cái giả, cái bất tịnh, cái duyên hợp, cái vô thường, cái đến rồi đi, cái còn rồi mất, cái mà giờ đây nó đang cố sức phô trương, bay nhảy, tung hoành nhưng chỉ một thoáng qua hay vài chục năm sau nó sẽ biến sâu vào trong lòng đất lạnh để cho cỏ vùi gió dập, côn trùng đục khoét, trâu bò dẫm đạp lên trên. Nếu chúng ta cứ lo bám víu, cứ giống rui chạy theo để nhận cái giả, cái tạm ấy là ngã, là ta thì lúc nào chúng ta cũng phải lo toan còn mất, vì bản chất của nó là vốn mất còn. Chúng ta sợ sệt nó sẽ mất đi, sợ nó sẽ biến đi, ngại cho vô thường bất chợt đến với nó, mà chung qui cũng chỉ vì mê, vì vô minh nên ta lo sợ, chớ nào có ai tránh khỏi được việc sẽ mất nó đâu, nào có ai tránh được cái chết bao giờ.

Nếu chúng ta cứ bám víu cái giả, cái vô thường tức chúng ta

cứ mê chẳng tỉnh thì chúng ta sẽ quên rằng mình đã có sẵn cái thật. Cái thật đó là Phật tánh mà phạm làm người thì ai ai Phật tánh cũng vẫn đồng.

Đó là chân ngã, là thật ngã thanh tịnh, bất biến, thường hằng mà một khi hết mê, tỉnh lại, thấy được, biết được, tri kiến được, lo tu để ngộ nhập được, sống được với chân ngã này, với bản thể chân thật này của ta thì chừng đó mọi lo âu sẽ tiêu tan biến mất, thế thì còn gì làm cho ta hoảng hốt lo sợ, còn gì làm hại được Thánh tâm Phật tánh tức Chân tánh, Chân ngã này. Thần chết dù có đến đó là vì bốn phạm của thần chết chớ nào có hề hấn chi ta, vì như lời Đức Hộ Pháp Đạo Cao Đài thuyết minh đêm 29 tháng 5 Kỷ Sửu 1949 tại Đền Thánh là: “Giá trị cái sống của ta khác hẳn thiên hạ tưởng tượng, mà tưởng tượng cái chết của ta là buổi nghỉ ngơi, buổi hết cực. Cái chết ấy chẳng phải do mình, mà do nơi Đức Chí Tôn định, là tới buổi Đức Chí Tôn nói các con đã làm xong phận sự Thầy cho con về.”

Ta về được với Đức Chí Tôn, đó là ta đã về với Chơn linh hay Pháp tánh, chớ báo thân của ta tức là thân do âm dương ngũ hành gây dựng, đất nước gió lửa tạo thành thì xác thân ấy phải tùy theo định luật tuần hoàn của vũ trụ tức là thành trụ hoại không, có nghĩa là chẳng ngoài sinh lão bệnh tử.

Như vậy với cái sanh diệt của các thân này, cũng có nghĩa là cái mất của “ nửa người nhân thế ” đó là đạt được cái “ nửa Phật “ là cái bất sinh, bất diệt, vĩnh cửu thường hằng, duy ngã độc tôn, vậy thì còn có cái vui nào hơn được nữa.

Ta lia nơi cõi tạm để nhập với Đạo, với Pháp tánh, với Vũ trụ mà theo như Trang tử nói trong Nam Hoa Kinh ở Chương Chí Lạc thì: “đó là ta sinh ra chỉ gởi tạm ở đời này, nói khác hơn là sống cũng như tạm gởi mà thôi và khi ta chết đi rồi

thì trên không còn có vua, dưới không hề có kẻ bầy tôi, không còn khổ tâm bận rộn với công việc trong bốn mùa nữa, thung dung thọ với Trời Đất (dĩ thiên địa vi xuân thu), thì dù cho làm vua cũng không làm sao vui bằng. Làm sao mà ta chịu bỏ cái vui hơn Ông vua để trở về với cảnh lao khổ của con người trần thế được.”

Đây chính là lý do mà khi vợ của Trang tử chết thì thay vì khóc than thảm thiết Trang Tử lại ngồi giữa nhà xoay chân ra gõ nhịp vào một cái vò và hát khiến cho Huệ Tử đến để điếu tang thấy vậy bất mãn bèn bảo: “ Ăn ở với người ta, người ta nuôi con cho. Nay người ta chết, chẳng khóc đã là bậy rồi, lại còn hát và gõ nhịp vào vò, chẳng là quá tệ lắm ư ?”.

Trang Tử đáp:

“ . . . Không phải vậy, khi nhà tôi mới mất, làm sao tôi không thương không xót. Nhưng rồi nghĩ lại thấy lúc đau, nhà tôi vốn không có sinh mệnh, chẳng những không có hình thể mà đến cái khí cũng không có nữa. Hỗn tạp ở trong cái khoảng thấp thoáng mập mờ mà biến ra thành khí, khí biến ra thành hình, hình biến ra thành sinh mệnh. Bây giờ sinh lại biến ra thành tử, có khác nào bốn mùa tuần hoàn vận hành đâu. Nay nhà tôi đã nghỉ yên trong cái Nhà lớn tức Trời Đất Vũ Trụ mà tôi còn ồn ào khóc lóc ở bên cạnh thì như thế là tôi không hiểu được cái lẽ sống chết rồi. Vì vậy mà tôi không khóc” (Trang tử- Nam Hoa Kinh- Nguyễn Hiến Lê, NXB Văn hóa 1994 trang 343-345).

Thái độ hay hành động của Trang tử, tức việc làm nói chung, dù bị Huệ Tử chưa hiểu chê bai trách móc nhưng đã biểu thị chân tâm tri kiến và ngộ nhập của Trang Tử về hiện tượng và bản thể của mỗi một con người.

Mỗi một con người đều có một nửa là hiện tượng hay hiện thân tức xác thân, và một nửa là bản thể tức Chơn linh hay Pháp thân Pháp tánh.

Cái hiện tượng hay xác thân vì hữu lậu nên phải tùng luật hữu vi hữu hình hữu hoại, nhưng phần phân nửa kia là Chơn linh hay Pháp tánh thì vẫn luôn luôn thường hằng vĩnh cửu. Trang Tử ngộ được Pháp này nên vợ chết mà vẫn không khóc, ngồi xoạc chân nhịp vò mà hát, đó là biểu thị của sự tri kiến thấy biết Chơn lý mà ngày nay Kinh Tắm Thánh của Đạo Cao Đài đã nói rõ ra là:

“ Những vạn vật âm dương tạo hóa,  
Dù cỏ cây hoa quả biến sanh.  
Con người đứng phẩm tối linh,  
Nửa người nửa Phật nơi mình anh nhi.”

Để chỉ cho thấy con người ai cũng có Thánh tâm Phật tánh và Trời Người nào có khác chi nhau mà phần cơ bút sau đây của đạo Cao Đài có thể bổ túc nhằm thâm thấu Chân Đế Trời Người ( Dieu et Humanité).

## **2- Cơ Bút : Một đặc trưng của Đạo Cao Đài**

Trong Đạo Cao Đài, cơ bút là pháp dùng thông công với các Đấng Thiêng Liêng với mục đích để tiếp thụ sự hiển bày chơn lý và để phổ truyền chơn đạo.

Cũng giống như Kinh, trong cơ bút, Đấng Chí Linh tức Đức Chí Tôn có dạy rất rõ như sau:

Tại đàn cơ ngày 20 tháng 2 năm 1926 Thầy bảo: “Thầy là các con, các con tức là Thầy” với ý nghĩa là Thầy và các con nào có khác chi nhau, có khác chăng là vì mê ngộ chẳng đồng, vì một niệm mê thì Phật là chúng sinh, còn với một



niệm ngộ thì chúng sinh đồng Phật”.

Đến một đàn cơ khác vào ngày 15 tháng 9 Bính Dần (24-10-1926) Đức Thích Ca Mâu Ni Văn Phật, tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát giáo Đạo Nam Phương lại dạy thêm “ Khai Thiên Địa vốn Thầy, sanh Tiên Phật cũng Thầy. Thầy là chư Phật, chư Phật là Thầy. Các con là chư Phật, chư Phật là các con. Có Thầy mới có các con. Có các con mới có chư Thần Thánh Tiên Phật.”

Tóm lại, qua hai đàn cơ nói trên, Đấng Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát đã nói rõ cái lý Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể, hay Nhất Bản Tán Vạn Thù, Vạn Thù qui Nhất Bản cũng có nghĩa là Thiên Nhơn Hiệp Nhứt hay Trời Người không khác, để chỉ cho người đời thấy cái nguồn gốc cao quý, cái giòng họ sang cả của mình, đáng kính, đáng thương, đáng mến làm sao mà kính của Đạo Cao Đài bảo rằng:

“ Con người vốn phẩm tối linh,  
Nửa người nửa Phật nơi mình anh nhi!”

Xin được luận bàn tiếp theo sau đây trước tiên là danh từ Thầy, kế tiếp là hai đàn cơ nói trên chỉ rõ: “Dieu et Humanité” được hiểu là Trời và Người, hay Thiên Nhơn với ý nghĩa là Thiên Nhơn Hiệp Nhứt.

### **A-Thứ nhất: Danh từ Thầy,**

Danh từ Thầy trong Đạo Cao Đài là Đức Chí Tôn và Đức Chí Tôn là một Đại Linh Quang, một Đại Thể mà “ Vũ trụ này là sự hình hiện, hiển dương của Đại Thể linh minh huyền diệu, bất khả tư nghi đó.”<sup>6</sup>

---

6- Nhân Tử Bác Sĩ Nguyễn Văn Thọ: *Vạn vật đồng nhất thể*, NXB Nhân Tử Văn, CA, USA 2002, trang 10.

“ Vì Đại Thể nói trên đã lấy chính bản thể của mình để hình hiện, biến hóa ra vũ trụ hữu hình này, nên tất cả quần sinh trong vũ trụ này đều cùng nhau chia xẻ Bản Thể siêu việt nói trên , vì thế mới nói Nhất tức Nhất Thiết, Nhất Thiết tức Nhất <sup>7</sup> có nghĩa là Một là tất cả, tất cả là một và Đạo Cao Đài thờ Thiên Nhân chỉ có Một, đó là hình hiện Đại Thể ấy để nói lên Chân Đế Nhất Bản Tán Vạn Thù, Vạn Thù qui Nhất Bản mà Đạo Lão với chữ Đạo hay Vô Cực, Khổng Giáo với Thái Cực hay “Ngô đạo nhất dĩ quán chi” và Phật giáo với Chơn Như Pháp Tánh hoặc ngón tay chỉ lên Trời hay “Qui thể giải ư nhưt khí chi trung” (Kinh Thích giáo, Cao Đài) là để hiển dương Đại Thể hay Chân Lý đó. Tóm lại “ Đại Thể tức Bản Thể nói trên được hài danh bằng nhiều cách, được gọi hay tả bằng nhiều tên như Vô Cực, Thái Cực, Đạo, Chơn Như, Trời, Thượng Đế <sup>8</sup>, Chí Tôn hay Thầy.

\* \* \*

Trong Đạo Cao Đài Thầy dạy rằng “ Thầy là chư Phật, chư Phật là Thầy. Các con là chư Phật, chư Phật là các con” trong ý nghĩa các con với Thầy không khác, các con và chư Phật cũng chẳng khác nhau. Còn Đạo của Thầy với giáo lý Trời Người (Dieu et Humanité) tức Thiên Nhân cũng có nghĩa Thiên Nhân Tương Dữ, Thiên Nhân hiệp Nhưt hay Trời Người Bản Thể cũng là một mà thôi. Bản Thể đó là gốc Trời hay căn Phật, phần độc tôn, phần cao quý nhất của mọi chúng sanh mà Đạo Phật gọi là Viên Ngọc Quý hay Hạt Châu vô giá và Đạo Cao Đài gọi là Chí Bảo Chúng Sanh được kể qua những câu chuyện qua Thánh Thơ, Thánh Giáo hay bài kệ sau đây:

---

7- Như ghi chú 3.

8- Như ghi chú 3.

## **B- Thứ hai: Chí Bảo Chúng Sinh (Cao Đài) hay Thánh Tâm, Phật Tánh (Không, Phật).**

Để chỉ rõ Chí Bảo Chúng Sinh hay Thánh Tâm Phật Tánh có những câu chuyện với giáo chỉ sau đây được tìm thấy trong Kinh điển Phật giáo và Thánh Thi Thánh giáo của Đạo Cao Đài.

### **1-Câu chuyện thứ nhất.**

Nói về Chí Bảo Chúng Sinh của Đạo Cao Đài hay theo Đạo Phật là Hạt Châu vô giá, nguyên căn của Thiên Nhơn hiệp Nhứt, có một vị tăng hỏi Thiền sư Thạch Trụ:

“ Thế nào là Hạt Châu trong tay Địa Tạng, trong tay Ông có chăng?”

Sư trả lời với bài kệ như vậy:

“Bất thức tự gia bảo  
Tuỳ tha nhân ngoại trần.  
Nhật trung đàn ảnh chất  
Cảnh lý xuất đầu nhân.”

Được dịch là:

“Báu nhà mình chẳng biết  
Theo người nhận vật ngoài.  
Giữa trưa chạy trốn nắng,  
Kẻ soi gương mất đầu.”

Có nghĩa là chúng sinh chẳng biết rằng trong nhà mình, hay tự nơi mình đã có sẵn của báu. Chúng sinh hay quên hoặc thường ít nhớ như vậy để sử dụng của báu nhà mình, của

mình mà trái lại cứ chạy theo bên ngoài để tìm ngoại trần ngoại vật. Việc làm này chẳng khác nào như kẻ cỡi trâu mà đi tìm trâu hay giữa trưa mà chạy trốn cái bóng của mình (nhật trung đàn ảnh chất). Mà trốn làm sao được. Đây là việc làm điên rồ chẳng khác nào như kẻ soi gương rồi sau khi buông gương xuống không còn thấy cái mặt và cái đầu của mình, do đó nên điên loạn chạy la hoảng lên rằng ta mất đầu. Đó là nói về trường hợp của Diễn Nhã Đạt Đa, một nhân vật trong kinh điển nhà Phật (Kinh Lăng Nghiêm).

Kinh nhà Phật có kể về Diễn Nhã Đạt Đa thường ngày hay soi gương, thấy trong gương có cái đầu và cái mặt của mình. Một hôm soi gương xong, Diễn Nhã Đạt Đa buông gương xuống thì không còn thấy cái mặt và cái đầu của mình đâu nữa. Diễn Nhã Đạt Đa hoảng sợ chạy ra ngoài la to lên rằng : “ Ta mất đầu! Ta mất đầu!” và phát điên.

Người đi tìm Đạo cũng vậy. Chạy đi kiếm, chạy đi tìm, tìm Thánh, tìm Phật, tìm đạo Trời, tìm Chí Bảo Chúng Sanh, Hạt Châu vô giá, thế mà lại chẳng biết rằng tất cả vốn có sẵn nơi mình mà trong Chứng Đạo Ca Ngài Vĩnh Gia Huyền Giác nói rằng: “Ma Ni Châu, nhơn bất thức” nghĩa là mỗi người đều có hạt châu ma ni mà chẳng biết, và Trúc Lâm Đầu Đà, một vị vua nhà Trần Việt Nam có bài kệ như sau:

“ Cư trần lạc Đạo thả tùy duyên  
Cơ tác xan hề khôn tác miêu.  
Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch  
Đối cảnh vô tâm mạc vấn Thiền.”

Đây là bài kệ chỉ rõ cho thấy của báu nhà mình, của báu của mình mà chẳng thấy chẳng biết, còn chạy kiếm ở đâu đâu (gia trung hữu bảo hưu tầm mịch). Đó là của báu trong nhà,

trong mình, đó là tánh giác, Đó là Thánh tâm, là Phật Tánh, là Thiên Mệnh chi vị Tánh, là Tánh của Trời ban thể mà không tri kiến lại cứ chạy tìm cầu, giống như kẻ cỡi trâu mà lại đi tìm trâu, hay kẻ có đầu như Diễn Nhã Đạt Đa mà cứ chạy la mắt đầu để cố lo tìm lại cái đầu.

Câu chuyện Diễn Nhã Đạt Đa diễn tả nhiều ý nghĩa với nhiều mục đích mà một trong những mục đích đó là nhằm nhắc nhở người đời đừng quên mà nên nhớ rằng trong tay Bồ Tát Địa Tạng có hạt châu, và tự nơi ta, trong người ta cũng có hạt châu, đó là tánh giác, là Thánh tâm, là Phật tánh mà Thánh giáo Đạo Cao Đài gọi là “ Chí Bảo Chúng Sinh”, qua bài Thánh ngôn sau đây:

“ Hảo Nam Bang ! Hảo Nam Bang!

Tiểu quốc tảo khai hội Niết Bàn.

Hạnh ngộ Cao Đài truyền Đại Đạo,

Hảo phùng Ngọc Đế ngự trần gian.

Thi ân tế chúng thiên tai tận,

Nhược thiệt nhược hư vạn đại an.

Chí Bảo Nhơn Sinh vô giá định

Năng tri giác thể sắc cao ban,”

Có nghĩa là thật vô cùng tốt đẹp cho nhà Nam, cho đất nước Việt Nam. Một tiểu quốc ở vùng Đông Nam Á mà ngày nay được ơn Trên ban hồng ân với nền Đại Đạo Tam kỳ Phổ Độ, đứng ra khai hội Niết Bàn, thực thi cơ Tận Độ bằng cách chỉ cho nhơn sanh thấy rõ những việc thiện lành, thi ân tế chúng, cứu độ quần sanh. Đó là việc trước mắt mà mình phải làm với bốn phận đối nhân xử thế. Đó là phần bên ngoài. Còn bên trong tức tự nội tâm thì mình phải thấy rằng trên đời này tất cả là không, chẳng có gì tồn tại mãi đâu, thế gian vô thường,

vạn pháp vô ngã, mọi việc mọi vật hết có rồi không, cũng như con người có đến rồi đi, nay còn mai mất, thiệt thiệt hư hư mà bất cứ ai thấy biết được yếu chỉ nhược thiệt nhược hư đó là đã tri kiến được cái lý sắc không, tức đã có được cái trí tuệ của một bậc giác ngộ rồi.

Tóm lại, bất cứ người nào, nếu bên trong đã có được trí tuệ tri kiến không sắc, thiệt hư và bên ngoài thực hiện được Từ Bi-Bác Ái, thì đó là đã thực hành được hai đức tánh ban đầu và quan trọng nhất của một vị Phật. Nói rõ hơn, hai đức tánh này, tức Từ Bi và Trí Tuệ, là Phật tánh, là “Chí Bảo Nhon Sanh” vô giá, không gì có thể sánh bằng, mà bất cứ ai năng tri giác thể tức biết rõ và hành trì đúng thì người đó tự nhiên đã bước vào quả Phật mà Thánh Thi Đạo Cao Đài gọi là “Sắc cao bang” có nghĩa một khi lòng Từ Bi trọn vẹn và trí tuệ sắc không tràn đầy thì chúng sanh sẽ đồng với Phật, tức là chúng sanh đã bước vào đất Phật mà nói rõ hơn theo Đạo Cao Đài Nho Tông chuyển thế đó là Thiên Nhon Hiệp Nhứt.

## **2-Câu chuyện thứ hai.**

Để minh chứng Đạo Cao Đài với giáo chỉ “Thầy là các con, các con là Thầy. Thầy là chư Phật, chư Phật là Thầy. Các con là chư Phật, chư Phật là các con, có các con rồi mới có Thần, Thánh, Tiên, Phật” với ý nghĩa là Thiên Nhon hiệp Nhứt, tức con người ai ai cũng có thể là Thánh, cũng có thể thành Phật, xin được kể lại tiếp theo đây câu chuyện để chứng minh được rút ra từ Kinh Pháp Hoa, Phẩm 20 với một vị Bồ Tát có hồng danh là Thường Bất Khinh.

Bồ Tát Thường Bất Khinh, theo Kinh Pháp Hoa, vốn là tiền thân của Đức Phật Thích Ca. Bồ Tát thường có thói quen là hay trì kinh Pháp Hoa và thay vì tụng đọc thì Ngài lại hay đi tới lui, gặp người này người nọ và bất cứ với ai Ngài cũng

nói “ Tôi không dám khinh các Ngài vì các Ngài sẽ thành Phật.”

Bồ Tát Thường Bất Khinh cứ nói như vậy, dù ai có nghe hay không nghe tùy ý. Dù ai có khó chịu không muốn nghe nhưng bị Ngài quấy rầy nói mãi nên chửi Ngài, thậm chí rượt đánh Ngài. Ngài chỉ nín im và chạy, nhưng cũng vẫn la lớn lên rằng

“ Tôi không dám khinh các Ngài vì các Ngài sẽ thành Phật.” Đây là câu chuyện của Phẩm 20 Kinh Pháp Hoa được gọi là Phẩm Thường Bất Khinh Bồ Tát.

Với Phẩm này, Bồ Tát Thường Bất Khinh muốn chỉ cho chúng sinh thấy mục đích của Kinh Pháp Hoa, đó là khai thị cho chúng sinh Ngộ, Nhập, Tri Kiến Phật, tức mở bày ra và chỉ rõ cho chúng sinh thấy để giác ngộ được tánh Phật của mình sẵn có mà lo tu để thành Phật.

Nói tóm lại, việc làm của Thường Bất Khinh hay mục đích của Kinh Pháp Hoa là chỉ cho mọi người thấy rằng mình vốn có Phật tánh. Đây là một bằng cứ chứng minh giáo lý Đạo Cao Đài cũng như giáo lý Tam Giáo hay nói rõ hơn là giáo lý Đạo Phật về điểm Thiên Thượng Thiên Hạ (Dieu et Humanité) và Thiên Nhơn Hiệp Nhứt không có gì khác nhau. Chúng sinh ai ai cũng có tánh Phật và nếu chịu tu thì ai ai cũng có thể thành Phật, thành Trời.

### **C- Chúng sinh bất cứ ai cũng có thể thành Phật.**

Trong Kinh Pháp Hoa, Bồ Tát Thường Bất Khinh nói: “Các Ngài sẽ thành Phật”, và trong Kinh Niết Bàn, Đức Phật nói rõ là tất cả chúng sanh đều có Như Lai Tánh tức Pháp Thân, Pháp Tánh, Phật Tánh, Chơn Tánh hay Chơn Ngã.

Còn với Đạo Cao Đài Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát mà cũng là Đức Thích Ca Mâu Ni Phật tá danh vẫn nói: “Thầy là chư Phật, chư Phật là Thầy. Các con là chư Phật, chư Phật là các con . . .”

Như vậy Đạo Cao Đài cũng như Đạo Phật, cả hai đều xác nhận là chúng sanh hay Nhơn sanh ai ai cũng đều có Phật tánh và cũng có thể thành Phật. Chử ai ai ở đây được dùng để xác định là không hề có sự phân biệt nam nữ, lành dữ, nam bắc, trí ngu . . . v . . . v . . .

Về nam bắc trí ngu thì khi Lục Tổ Huệ Năng đến gặp Tổ Hoàng Nhẫn để cầu làm Phật, được Ngũ Tổ bảo rằng “Người là người xứ Lĩnh Nam (tức Phương Nam) lại là giống dã man (có nghĩa là ngu không có trí) thế nào làm Phật được”. Lục Tổ bèn trả lời rằng “Con người tuy có phân Nam Bắc nhưng Phật tánh vốn không có Bắc Nam. Cái thân dã man này với Hòa Thượng tuy chẳng giống nhau chớ Phật tánh nào có khác.”

Câu trả lời trên đây của Lục Tổ xác nhận là với Phật thì không hề có phân biệt. Kẻ Bắc người Nam, kẻ ngu người trí, kẻ thiện người ác, kẻ nam người nữ, tất cả đều có Phật tánh và Phật tánh vẫn đồng. Thật vậy, như về trường hợp nam nữ, có một số ít người nghĩ rằng người nữ không thể hay khó có thể thành Phật vì còn có nhiều chướng. Muốn thành Phật thì nữ phải chuyển thành nam trước đã. Đây là một cách luận giải không phù hợp với giáo lý Đạo Cao Đài vì Thê Pháp của Đạo Cao Đài trước tiên đã cho thấy rõ việc này. Với Đạo Cao Đài không hề có phân biệt nam nữ. Một bằng cứ rõ rệt là trong tổ chức và nghi lễ cúng kiếng của Đạo Cao Đài thì nam nữ đều ngang nhau, chức phẩm cũng ngang nhau và chức sắc các cấp thì nữ cũng có đối phẩm như nam.



Đây là một đặc điểm trong Thê Pháp Đạo Cao Đài xác nhận nữ nam bình đẳng, không có kẻ hơn người kém và cả hai đều có thể tu để thành Phật, không cần nữ phải chuyển thành nam trước rồi mới có thể tu để thành Phật sau.

\* \* \*

Phần giáo lý hay Thê Pháp của Đạo Cao Đài được tìm thấy sự tương đồng trong Kinh Đạo Phật. Nói rõ hơn là được xác nhận bởi Kinh Pháp Hoa.

Trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, nơi phẩm 13 được gọi là Phẩm Trì do Đức Phật Thích Ca thuyết giảng có ghi lại như sau:

“ Khi đó, dì của Phật là Đại Ái Đạo Tỳ Kheo Ni cùng chung với bực “học” và “vô học” Tỳ Kheo Ni 6000 người đồng từ chỗ ngồi đứng dậy chấp tay chiêm ngưỡng dung nhan của Phật, mắt chẳng tạm rời. Bấy giờ Thế Tôn bảo Kiều Đàm Di<sup>9</sup> : “ Có chi có sắc buồn mà nhìn Như Lai, tâm bà toan cho rằng tôi chẳng nói đến tên bà, để thọ ký thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh giác ư ?”

“ Kiều Đàm Di! Tôi trước từng nói tất cả Thanh Văn đều đã được thọ ký, nay bà muốn biết thọ ký đó, đời tương lai bà sẽ ở trong pháp hội của sáu muôn tám nghìn ức đức Phật làm vị đại Pháp Sư. Bà lần lần đủ đạo hạnh Bồ Tát như thế sẽ được thành Phật, hiệu là Nhất Thiết Chúng Sanh Hi Kiến Như Lai, Ứng cúng. Chánh biến tri, Minh Hạnh túc, Thiệu Thế, Thế gian giải, Vô Thượng sư, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.”

---

9- Kiều Đàm Di là dì ruột mà cũng là mẹ nuôi của Phật Thích Ca.

Bấy giờ mẹ của La Hầu La là bà Gia Du Đà La <sup>10</sup> Tỳ Kheo Ni nghĩ rằng: “Thế Tôn ở trong Hội thọ ký riêng chẳng nói đến tôi.”

Phật bảo Gia Du Đà La: “ Ngươi ở đời sau trong Pháp Hội của trăm nghìn muôn ức đức Phật tu hạnh Bồ Tát làm vị đại Pháp sư, lần lần đầy đủ Phật Đạo ở trong cõi thiện quốc sẽ được thành Phật hiệu là Cụ Túc Thiên Vạn Quang Tướng Như Lai. . . .Phật sống lâu vô lượng vô số kiếp.” Nghĩa là Phật thọ ký cho hai vị Tỳ Kheo Ni Kiều Đàm Di và Gia Du Đà La được thành Phật.

Tóm lại với Đạo Cao Đài được chứng minh qua Đạo Phật thì việc tu thành Phật không hề có phân biệt nam nữ và bắt buộc nữ phải chuyển thành Nam trước khi đắc quả Phật. Vậy ai nghĩ nữ kém nam hay nữ thua nam thì nên nghĩ lại rằng nam nữ bình đẳng, đồng đẳng, đồng tu, đồng là tín đồ, đồng là chức việc, chức sắc và đồng thành Phật chẳng có gì khác biệt. Nữ chẳng khác chi nam mà bà Kiều Đàm Di và Gia Du Đà La, nhất là trường hợp của nàng Long Nữ đã xác nhận lời Phật nói được ghi rõ nơi Phẩm 12 <sup>11</sup> .

Tại phẩm 12 có trường hợp của nàng Long Nữ. Mặc dù Long Nữ mới có 8 tuổi nhưng nàng cũng được thọ ký thành Phật, mà ngay đến cả Ngài Xá Lợi Phất, một đại đệ tử của Đức Phật, trí tuệ bậc nhất cũng chưa dám tin. Câu chuyện được chính Kinh Pháp Hoa ghi lại rằng:

“ Bấy giờ Ngài Xá Lợi Phất nói với Long Nữ rằng: Ngươi nói không bao lâu chúng được đạo Vô Thượng, việc đó khó

---

10- Gia Du Đà La là vợ Thái Tử Tất Đạt Đa, sau Thái Tử thành Phật Thích Ca.

11- Kinh Diệu Pháp Liên Hoa giảng giải - Hòa Thượng Thích Thanh Từ - NXB Tôn giáo - VN - 1999, Trang 452-454.

tin. Vì sao? Vì thân gái như ướm chẳng phải là pháp khí, thế nào có thể được thành Vô Thượng Chánh Giác? Đạo Phật xa rộng phải trải qua vô lượng kiếp cần khổ, chừa nhóm công hạnh, tu đủ các độ, vậy sau mới thành được. Lại thân gái có 5 điều chướng;

Một: chẳng được làm Phạm Thiên Vương,

Hai: chẳng được là Đế Thích.

Ba: chẳng được làm Ma Vương.

Bốn: chẳng được làm Chuyển Luân Thánh Vương.

Năm: chẳng được làm Phật.

Thế nào thân gái được mau thành Phật?.

Lúc đó Long Nữ có một hột châu báu giá trị bằng cõi tam thiên đại thiên đem dâng lên Đức Phật. Phật liền nhận lấy. Long nữ nói với Trí Tích Bồ Tát cùng Tôn giả Xá Lợi Phất rằng: “Tôi hiến châu báu, Đức Thế Tôn nạp thọ, việc đó có mau chẳng?”

–“Rất mau” Ngài Xá Lợi Phất đáp.

–Long Nữ nói: “Tôi thành Phật lại mau hơn việc đó”

Đương lúc đó cả chúng hội đều thấy Long nữ thoát nhiên biến thành nam tử, đủ hạng Bồ Tát, liền qua cõi vô cấu ở phương Nam, ngồi tòa sen báu thành Bạc Chánh đẳng giác (Phật), đủ ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp khắp vì chúng sanh mười phương mà diễn nói pháp mầu.

Khi ấy trong cõi Ta Bà, hàng bồ Tát, Thanh Văn, Trời, Rồng, Bát Bộ, nhân cùng phi nhân ở xa đều thấy Long Nữ thành Phật.

Trí Tích Bồ Tát và Ngài Xá Lợi Phất tất cả trong chúng hội

yên lặng mà tin nhận.”

Trên đây là chính văn của Kinh Diệu Pháp Liên Hoa được dịch ra tiếng Việt Nam ghi rõ việc nàng Long Nữ làm Phật ở Phẩm 12 với tựa đề là Phẩm Đề Bà Đạt Đa.

Cũng tại phẩm 12 Đề Bà Đạt Đa, Đức Phật Thích Ca lại còn cho biết thêm một điều quan trọng nữa để mọi người có thể vui vẻ, bình tâm tỉnh trí lo tu hành. Đó là Đức Phật nói rõ kẻ thiện người ác, cả hai cũng đều có Phật tánh, cũng đều có thể thành Phật và đây là trường hợp của Đề Bà Đạt Đa <sup>12</sup> .

Căn cứ vào Kinh A Hàm thì đương thời với Đức Phật Thích Ca, Đề Bà Đạt Đa là một người có rất nhiều tham vọng thay Phật thống lãnh tăng đoàn, nên đã chia phe lập phái, đòi sửa đổi giới luật và đã ba lần âm mưu hãm hại đức Phật, mong cho Đức Phật chết đi và Đề Bà Đạt Đa sẽ lên thay thế.

Lần thứ nhất Đề Bà Đạt Đa toa rập với Thái Tử A Xà Thế, con vua Tần Bà Xa La để giết Phật.

Đề Bà Đạt Đa mượn A Xà Thế một con voi lớn, cho uống rượu say, chờ đến khi Đức Phật đi ngang qua Hoàng cung thì thả voi ra để dẫm chết Phật.

Khi Đức Phật đi đến cửa cung Vua Đề Bà Đạt Đa liền thả voi ra, nhưng thay vì dẫm nát Phật thì voi lại chạy đến quì trước mặt Phật sau khi nghe Phật thét lên tiếng thét của con voi Chúa mà Phật học được từ một đàn voi rừng xuống hồ sen uống nước lúc Phật rời Cù Thường Di và đi vào rừng <sup>13</sup> .

---

12- Đề Bà Đạt Đa là anh ruột của A Nan, bà con chú bác với Đức Phật Thích Ca - Kinh Diệu Pháp liên Hoa - Sđd - trang 446-447.

13- Đường Xưa Mây Trắng - Thích Nhất Hạnh- NXB Lá Bối - USA- 1999 - Trang 302

Lần thứ hai, Đề Bà Đạt Đa muốn một bọn cướp mai phục sẵn tại một khe núi, chờ Phật đi ngang qua để giết. Khi Phật đi đến, bọn cướp xông ra, nhưng trước tâm từ của Đức Phật, chúng lại quì xuống và xin quy y Phật.

Đến lần thứ ba, Đề Bà Đạt Đa lại tự mình đứng ra thực hiện âm mưu. Đề Bà Đạt Đa mai phục trên một sườn núi và lăn đá xuống để đề cho Phật chết khi Phật đi khát thực trở về ngang qua bên dưới. May thay, khi lăn xuống đá bề vỡ ra và không đề Phật được mà chỉ có một miếng đá nhỏ rơi trúng một ngón chân Phật làm cho chảy máu mà thôi.

Đã nhiều lần cố ý hãm hại toan giết Phật nên Đề Bà Đạt Đa bị tổn phước lâm bệnh trọng mà chết. Sở dĩ Đề Bà Đạt Đa cố hãm hại Phật là vì quá hám danh thống lãnh tăng đoàn mà phạm tội, do đó phải bị hình phạt đọa vào địa ngục. Sau thời gian bị hình phạt ở địa ngục xong, nhờ trước khi phạm tội, Đề Bà Đạt Đa cũng có một thời gian tu trì, nhờ vậy mà Phật Thích Ca mới thọ ký cho Đề Bà sau này thành Phật hiệu là Thiên Vương, một vị Độc Giác Phật.

Tóm lại, với trường hợp của Đề Bà Đạt Đa, gia Du đà La, Kiều Đàm Di, Nàng Long Nữ, chúng ta thấy rằng ai ai cũng đều có Phật tánh, ai ai cũng có thể thành Phật, không hề có sự phân biệt nữ nam, già trẻ, sang hèn hay kẻ hiền người dữ. Vấn đề quan trọng là phải thấy biết rằng mình có Phật tánh là cái nhân và việc Tu để thành Phật thì đó là cái quả.

Theo Đức Phật, qua Kinh Pháp Hoa, thì ai ai cũng đều có tánh Phật. Chỉ khác có một điều là nơi người hiền thì dễ hiển lộ, còn ở kẻ dữ thì Phật tánh lại bị lãng quên, nếu không hẳn bị chôn vùi.

Có một điều đáng tiếc và cũng là nguyên nhân gây ra thắc mắc, đó là người tu thì khá đông mà người thành Phật thì

quá ít, như vậy là lý do tại sao <sup>14</sup> ?

Có rất nhiều lý do làm cho người tu khó đạt được Đạo, khó tròn vẹn Thánh duyên hay hoàn thành Phật quả, mà nguyên nhân chánh là tại vì con người khi tu chỉ cứ thỉnh cầu chớ không chịu hay không thấy và không biết là tự mình, mình đã có sẵn Thánh Tâm, Phật tánh.

### **D- Lý do khó thấy hay khó nhận Thánh tâm, Phật tánh.**

Có nhiều lý do khiến cho con người khó thể hay không thể thấy mình có Thánh tâm hay Phật tánh.

**Lý do thứ nhất** là có người không chịu tìm hiểu Đạo và đến với Đạo.

**Lý do thứ hai** nhiều người muốn tu nhưng chỉ lo tu tướng chớ chẳng chịu tu tâm với hậu quả tai hại nhất là người tu lại tự gạt mình mà nguyên nhân chỉ vì không đến được với chân lý là Đạo.

Người tu tự dối gạt mình bằng cách biết rõ rằng mình có Phật tánh Thánh tâm nhưng không chịu nhận hay không dám nhận và chỉ lo tu phước mà thôi. Sở dĩ không dám nhận hay không chịu nhận là do sợ tội, là vì nơi “Chôn hồng trần quen lặn gió bụi” (Kinh Tắm Thánh), nên mình đã vô tình hay cố ý phạm lỗi lầm thì làm sao còn dám nghĩ đến việc siêu thăng giải thoát, thành Thánh, thành Tiên, thành Phật, mà Kinh Giải Oan Đạo Cao Đài có nói rõ như sau:

“ Dòng khổ hải bề thường chìm đắm,

Mùi đau thương đã thấm chơn linh.

---

*14- Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp tại Đền Thánh - 31-3-1948 - NXB Đường Sáng - Trang 46.*

Giây oan se chặt buộc mình,  
Nhớ nơ lục đục thất tình nhiễm thân.

\* \* \*

Chịu ô trọc chơn thân nặng trĩu  
Mảnh hình hài biếng hiểu long tâm.  
Phong trần quen thói cung âm,  
Cảnh thẳng ngơ ngẩn lạc lằm phong đô.

\* \* \*

Khỏi trái chủ nhặng lo vay trả,  
Mới gầy nên nhân quả nợ đời.  
Rảnh mình đâu đặng thanh thai,  
Thiên cung lỗ lối chơi voi cỡi trần.

Với ba đoạn Kinh trên, bốn câu thứ nhất ý nói hễ con người không chịu tự cứu mình, cứ lo lặn ngụp trong vòng khổ hải, trong bể ái ân, mà : “Khổ hải thì vạn trùng ba, ái hà thì thiên xích lằng” nghĩa là trên biển khổ thì nước dùi gió dập, còn nơi sông ái ân thì sóng簸 ngập trời, vậy thì con người làm sao mà không phải khổ, không đắm chìm trong bể khổ.

“Bể khổ mệnh mộng sóng ngập trời,  
Khách trần chèo một chiếc thuyền chơi.  
Thuyền ai ngược gió, ai xuôi gió,  
Chung cuộc cùng trong bể khổ thôi !”

Bể khổ nói ở đây được rút ra từ bài Khai Kinh và Kinh Giải Oan của Đạo Cao Đài.

Bài Khai Kinh của Đạo Cao Đài viết rằng “Biển trần khổ voi

vời trời nước” có ý nhắc nhở nhơn sanh chớ nên chìm trong khổ hải, vì nếu cứ chìm đắm nơi đó thì “mùi đau thương sẽ thấm chơn linh” tức xác thân con người trước tiên vốn đã chịu lắm đau thương thì Chơn Thần và Chơn Linh tức linh hồn cũng phải bị ảnh hưởng, bị thấm đượm, tức cũng bị pháp trần vùi dập, phủ che làm cho ô trược.

Một khi đã bị ô trược rồi thì cựu vị sẽ khó thể qui hồi, cũng chỉ tại con người do tham đắm tài, lộc, ái, ân mà đã tự buộc chặt mình vào vòng oan nghiệt, bình bồng nổi trôi theo lục đục thất tình làm ô nhiễm vẫn đục xác thân và chơn thần, còn chơn linh tức linh hồn cũng không tránh khỏi bụi hồng trần nhớp nhơ mờ phủ. Đây là ý nói của hai câu : “Dây oan xe chặt buộc mình. Nhớp nhơ lục đục thất tình nhiễm thân.” (Kinh Giải Oan).

\* \* \*

Sau khi thất tình đã nhiễm thân tức một khi con người đã tự lặn ngụp vào vũng lầy của thất tình lục đục xác thân hoen ố luốc lem thì thử hỏi chơn thần tức hào quang bao phủ chở che đùm bọc xác thân làm sao trong sạch sáng sủa được, nghĩa là chơn thần cũng bị ô trược theo, nên nói “Chịu ô trược chơn thần nặng trĩu” là vậy.

Vì chơn thần đã bị ô trược nặng trĩu không còn linh minh, thanh tịnh, trong sáng nên không làm sao còn có thể giúp đỡ, hướng dẫn xác thân thấy rõ, biết rõ và sống với lương tâm hay chân tâm, tức là mãnh hình hài biếng hiểu lương tâm cũng có nghĩa đã quên lương tâm hay xa rời lương tâm.

Vì đã xa rời lương tâm hay chân tâm nên con người hay xác thân sẽ chạy theo vọng tâm là tư tâm hay tà tâm.

Sống với vọng tâm hay tà tâm, con người sẽ càng mê vọng



cảnh phong trần, cùng quen thói cung âm từ giọng kèn tiếng quyển, làm cho con người say đắm, ngẩn ngơ, quên hẳn đi cảnh thẳng hay con đường giải thoát. Thế thì thôi “cũng liều nhắm mắt đưa chân; thử xem con tạo xoay vần nơi nao” (Cung Oán Ngâm Khúc), vì thế mà Thánh tâm Phật tánh đành phải bị che mờ, tạo tiền đề cho cảnh Phong Đô ló dạng, nghĩa là con người sẽ không làm sao còn thấy tâm Thánh tánh Phật của mình do “Phong trần quen thói cung âm; cảnh thẳng ngơ ngẩn lạc lầm phong đô” là vậy.

\* \* \*

Về việc lạc lầm Phong Đô, còn một lý do quan trọng hơn nữa. Đó là tại vì con người thế gian nhất nhất cứ lo đeo đẳng theo trái oan, oan trái, vay trả, trả vay mà một trong 4 câu Kinh đoạn ba nói rằng “Khỏi trái chủ nhặng lo vay trả” nghĩa là nếu cứ chạy theo việc báo oán trả ân thì ân oán sẽ chất chồng vây chặt lấy thân tâm, do đó mà “mới gây nên nhân quả nợ đời”.

Nói rõ hơn nếu cứ lo trả vay, vay trả, nhân quả, quả nhân chồng chất thì thử hỏi với kiếp sống phù du ở trần thế đầy phong ba này, con người làm sao còn được nhàn rảnh thanh thoi (Rảnh mình đâu đặng thanh thoi), vì thế còn thì giờ đâu mà nhớ lại mình, nhớ lại con người thật của mình, nhớ lại nguồn gốc cao quý của mình, dòng họ sang cả của mình, làm sao nhớ được mình có Thánh tâm Phật tánh để lo hồi đầu thị ngạn, hồi quang phản chiếu, vậy thì đường về Thiên cung sẽ mờ lối và mình sẽ cứ mãi trôi lặn trong lục đạo luân hồi nên câu kinh cuối cùng mới nói “Thiên cung lờ lối chơi vui cảnh trần” là vậy.

Để khỏi Thiên cung lờ lối chơi vui cõi trần, giờ đây con người nên nhớ trong cái khổ còn có cái vui, trong cái họa

còn có cái phước, trong cái rủi còn có cái may, như thế thì con người mới có cơ vui sống thanh thoi thấy được đâu là cái may, cái phước của mình.

Cái may, cái phước đó là mặc dù có người vẫn không tin nơi Đạo, chẳng tưởng có Trời, có Chúa, có Phật nhưng Trời, Phật, Chúa vẫn luôn luôn chực chờ và sẵn sàng để cứu vớt mọi chúng sanh, chỉ dẫn cho chúng sanh hồi đầu hướng thiện, rửa sạch bao nhiêu tội lỗi tiền khiên và hiện kiếp bằng cách giải sạch trái oan, làm cho con người chẳng hờn, chẳng giận, không oán không thù và chỉ biết thương yêu.

Yêu thương là đức tánh đầu tiên của Phật, Chúa hay Thánh, mà con người nếu biết thực hành, năng thực hành chỉ yêu thương, từ bi, bác ái, hay nói rộng hơn là vị tha đối với người khác thì đó là cơ may để tự độ lấy mình hay tự giải cứu lấy mình trên bước đường siêu thăng giải thoát, mà Kinh Giải Oan bốn câu kế tiếp nói rõ như sau:

“ May gặp đặng hồng ân chan rưới,  
Giải trái oan sạch tội tiền khiên.  
Đóng địa ngục, mở tầng Thiên,  
Khai đường Cực Lạc dẫn miền Tây Phương.”

Đóng địa ngục, mở tầng Thiên. Khai miền Cực Lạc dẫn miền Tây Phương là hai câu kinh nói rõ mục đích và tôn chỉ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Đó là tận độ chúng sanh, nhằm cứu vớt toàn thể sanh linh, tránh cảnh sa chơn địa ngục, đoạ lạc luân hồi để được siêu thăng giải thoát, để “Đã quá chín tầng Trời đến vị và Thần đặng an tinh khí cũng an” (Kinh Khai cửa).

Đây là mục tiêu của một tôn giáo đến với con người. Nhưng con người nói chung, hay tín đồ của tôn giáo nói

riêng, có thể “đóng được địa ngục, mở được tầng Thiên”, có thể siêu thăng giải thoát được hay không?

Câu trả lời là có thể được và chắc chắn sẽ được nếu nhơn sanh thực hành được hai chữ “ Amour et Justics” tức Tình Thương và Công Chánh, với tinh thần kiên chí, kiên trì là đức tánh cuối cùng và cũng là đức tánh thứ chín của bất cứ vị Phật nào.

Như vậy, để đóng được cửa địa ngục , mở được các tầng Thiên thì người tu trước tiên phải giữ gìn giới luật và tri kiến được chân lý “ Thiên Nhơn hiệp Nhứt” ( Dieu et Humanité), để biết rằng mình có Phật tánh, và ai ai cũng có thể thành Phật. Kế đến là phải hành trì được Từ Bi, Bác Ái, Nhân Ái, Vị tha và Công Chính, Công Bằng, Không Hai, Không Phân biệt ( Amour et Justice). Còn riêng việc tội phước nếu đã có tạo ra từ tiền kiếp hay ngay tại kiếp này thì việc đó người thế gian ai ai cũng ít nhiều vấp ngã chớ chẳng phải riêng mình. Điều quan trọng là mình phải biết lo tu và tu thế nào để giải nghiệp đạt Đạo.

Có nhiều người nghĩ rằng mình đã lỡ gây nhiều tội lỗi rồi tự cho là mình không làm sao có thể đạt Đạo hay thành Phật được.

Đây là những ý nghĩ hoàn toàn sai nếu nhìn vào trường hợp của Đề Bà Đạt Đa, một người đã phạm tội ngũ nghịch phải đọa địa ngục mà vẫn được Đức Phật Thích Ca thọ ký cho thành Phật sau này.

Trường hợp của Đề Bà Đạt Đa được ghi lại nơi đây là với mục đích nhắc cho người đời thấy rõ rằng con người sống giữa bụi trần, chen chân vào thế sự, mấy ai tránh khỏi lỗi lầm, không làm điều sai quấy. Những lỗi lầm sai quấy là

do bản chất của nhiều kẻ phàm phu sống giữa thế gian mà tiền thân của một vị Phật khi còn mang kiếp phàm trần cũng không làm sao tránh khỏi và cũng không ngoại lệ.

Đó là lúc con người chưa tỉnh thức, còn vô minh, chưa thấy mình có Thánh tâm hay Phật tánh, hoặc có thấy có biết nhưng đã quên, chỉ còn nhớ được mập mờ, còn nghi, còn ngờ, còn ngại ngùng nên không dám nhận mà ngày nay Kinh Cơ Đạo Cao Đài nhắc lại về Luật Nhân Quả và Cửa Luân hồi nhằm mục đích với “Luật Nhân Quả để răn Thánh đức, cửa Luân Hồi nhắc bực cao siêu” ( Kinh Giải Oan-Cao Đài) mà những bậc cao siêu và thánh đức ở đây là mọi người, là nhân sanh đều có sẵn Thánh tâm hay Phật tánh, để tất cả nhớ mà hồi tâm phản tỉnh nhớ lại coi mình là ai, biết rõ mình chính là ai? Phải chăng mình vốn có sẵn Phật tánh Thánh tâm nhưng đã bị bụi trần hoàn bao phủ nên mình muốn quên hẳn đi hay không còn dám nhớ mà Kinh Pháp Hoa của Đạo Phật đã kể lại qua 2 phẩm 3 và 4 là phẩm Tín Giải và Dược Thảo Vụ.

Xin được trình bày kế tiếp sau đây phần Ngũ Lục và Luận Giải của Đạo Cao Đài để hiển dương Chánh Pháp Thánh Tâm Phật Tánh cũng như Thiên Nhân Tương Dữ hay Thiên Nhân hiệp Nhất

### **3- Ngũ Lục**

Không khác thiên kinh vạn điển Phật giáo nhằm hướng dẫn chúng sanh Tri Kiến Phật, Kinh Cơ Luật Luận của Đạo Cao Đài cũng có mục đích chỉ cho toàn thể nhơn sanh thấy rõ là mỗi người chúng ta ai ai cũng có Thánh Tâm hay Phật Tánh, với Nhân Thiên Tương Dữ cũng có nghĩa là Thiên Nhân hiệp Nhất.

Thật vậy, sau hơn 3 năm từ năm 1947 đến năm 1949 thuyết pháp tại Tòa Thánh, Đức Hộ Pháp Đạo Cao Đài đã nói rõ về thân phận thật sự của mỗi con người, được ghi qua quyển Thuyết Đạo năm Mậu Tý (1948) và Bí Pháp (1949) như sau:

“ Chúng ta đến làm người cốt yếu để đạt được cơ Tào Đao, trở nên Chí Linh Chí Thánh, mỗi một kiếp học thêm một bậc, để ngày kia mong mỏi làm Trời” (Thuyết Đạo đêm 15 tháng 2 Đinh Hợi 1947).

“Chúng ta ngó thấy trong mình chúng ta có Thần có Thú, vì thế cho nên triết lý thất tình định duy chủ, muốn làm Phật thì làm, muốn làm thú thì làm, bởi nó định theo tình dục của nó. Bây giờ trong thân thể của chúng ta vẫn thường chiến đấu. Phật chiến đấu với thú, thú chiến đấu với Phật. Muốn Phật được Phật, muốn Thú được Thú.” (Thuyết Đạo đêm 18 tháng 6 Kỷ Sửu 1949) <sup>15</sup> .

Nói rõ hơn, theo như những lời thuyết Đạo trên đây thì Đức Hộ Pháp Đạo Cao Đài trước tiên muốn chỉ cho nhơn sanh thấy rằng trong mỗi nhơn sanh ai ai cũng có Thần có Thú, có Thánh có phàm tức có Nhơn có Phật để rồi kế tiếp theo đó Ngài lại hướng dẫn hai con đường cho nhơn sanh tự mình quyết định và chọn lựa. Đó là phàm phu thú chất vật hình hay là Phật Tánh, Thánh Tâm, Chí Linh Chí Diệu.

\* \* \*

Để giải thích thật tận tường cho mọi người thấy được sự thật hầu dễ bề lựa chọn, Đức Hộ Pháp Đạo Cao Đài đã không còn dấu diếm và nói thẳng ra trường hợp thân phận của Ngài như sau: “ Trong thi hài của Phạm Công Tắc còn có một vị làm chủ nó nữa, đó là Hộ Pháp. Quyền của Hộ Pháp mạnh mẽ

*15- Bí Pháp - Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc thuyết Đạo - NXB Ban Thế Đạo Hải Ngoại - USA - Năm 2012 - Trang 207.*

hơn và Phạm Công Tắc chỉ là một con ngựa để cỡi mà thôi, còn Hộ Pháp là người cỡi nên con ngựa không thể không tuân mạng lệnh của chủ nó được. Hộ Pháp có một phần mà Phạm Công Tắc cũng có một phần. Phạm Công Tắc là tôi, còn Hộ Pháp là quyền năng của Đức Chí Tôn” (Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp năm Mậu Tý 1948- Nhà XB Đường Sáng, CA USA 1996 trang 1).

Nói Phạm Công Tắc ở đây, ý của Đức Hộ Pháp muốn chỉ cái báo thân tức cái thân nhục thể của Ngài. Còn nói Hộ Pháp là nhằm nhắc đến Thiên Mạng mà cái thân tứ đại Phạm Công Tắc thụ lãnh để cứu nhân độ thế. Nói khác hơn Hộ Pháp Phạm Công Tắc không phải là một, mà trong cái một hữu hình hữu tướng này lại có đến hai, đó là báo thân Phạm Công Tắc và Pháp Thân hay Thiên Mạng Hộ Pháp, nghĩa là ngoài cái thể xác còn có Thánh Tâm Phật Tánh hay Thiên Mạng Chí Linh.

Thiên Mạng là nhiệm vụ thiêng liêng mà một nguyên nhân hay Bồ Tát khi nhập thể mang theo để độ đời nâng Đạo.

Theo giáo lý Đạo Cao Đài thì mỗi hoá nhân khi tái trần hay mỗi nguyên nhân khi nhập thể phải mang theo ít nhất là một trong năm bốn phận hay nhiệm vụ mà ba bốn phận hay nhiệm vụ chính là thực hành Luật nhân quả, Du học và Thiên mệnh.

Thực hành Luật Nhân Quả, Du Học và Thiên Mạng là nói theo Đạo Cao Đài. Còn với Đạo Phật thì thực hành Luật nhân quả là hành hạnh Báo Oán, Du học là tu trì và Thiên Mạng là Bồ Tát Đạo. Đây là ba Hạnh Nhập cộng thêm với Lý Nhập tức Lý Hạnh.

Lý Hạnh cần đạt đến đó là Lý Tánh Thanh Tịnh tức Xứng

Pháp Hạnh mà bất cứ Phật tử hay tín đồ Cao Đài nào nếu muốn nhập Đạo tức đạt Đạo thì cũng phải hoàn thành Lý Nhập và Hạnh Nhập này thì mới có thể hiển dương được Thánh Tâm hay Phật tánh đã có tự nơi mình để rồi đạt cơ giải thoát, tức là đạt Đạo.

\* \* \*

Nói hiển dương hay trở về với Thánh tâm Phật tánh lại một lần nữa muốn nhắc nhở với tất cả mọi người rằng chúng ta ai ai cũng đều có Thánh Tâm Phật Tánh hay Thiên Mạng.

Khổ một điều là kể từ khi tái nhập hồng trần đầy luyến lưu mê đắm, đầy đục lạt ái ân, đầy gió bụi mịt mù, chúng ta lại quên mất đi cái nguồn gốc sang cả, cái nhiệm vụ thiêng liêng cao quý của mình, và cứ ngày lại ngày qua kiếp này sang kiếp khác ta càng xa rời xa diệu vợi, để làm khách phong trần dần thân vào khổ hải vạn trùng ba, ái hà thiêu xích hủy nên quên cả cội nguồn mà vua Trần Thái Tông, vị Thiền sư Yên Tử Trúc Lâm đã thân mến diễn tả như sau:

“ Vinh vi lãng đảng phong trần khách,  
Nhật viễn xa xăm vạn lý trình”

Được diễn dịch một cách rất dễ thương là:

“ Áo trần con đã mặc vào,  
Nợ trần con biết ngày nào cởi ra.  
Cũng như đứa trẻ xa nhà,  
Lạc loài càng bước càng xa xa vời.”

Càng bước càng xa, để chúng ta làm khách phong trần vinh vi lãng đảng. Càng dần thân, càng mê đắm lại càng lạc loài, vì thế mà ta đã quên đi hầu như tất cả, nhất là quên hẳn rằng

mỗi người chúng ta ai ai cũng đều có cội căn, một bản chất, một tâm tánh rất dễ thương dễ mến, một nguồn gốc sang cả, một nhiệm vụ cao quý và đó là cái Đại Nghiệp, một Đại Nghiệp cho mỗi chúng ta mà trong lần thuyết pháp đêm 19 tháng 2 năm Mậu Tý (29-3-1948) tại Đền Thánh, Đức Hộ Pháp bảo rằng:

“Đức Chí Tôn nói của mỗi đứa con Ông còn giữ một Đại Nghiệp. Đại Nghiệp ấy không phải của Ông cho, mà là của tự mình chúng ta đã đào tạo” nhưng chúng ta nữa quên phứt nó đi, để cho thân thể ra hèn tiện, khổ não truân chuyên và cái đại nghiệp kia ta lại không thể nào bảo trọng được. Nếu đương đầu với mạng sống mà ta không Tự Tỉnh, kiếm phương pháp sống cho Chí Thành, rồi ta lén lút tìm cái sống theo qui pháp thử hỏi Đức Chí Tôn sẽ phải đau đớn như thế nào?

“Thầy đã nói: gia tài của các con Thầy không bao giờ lấy cho kẻ khác, kỳ dư kẻ nào chê bỏ” Nếu chúng ta làm thất thoát tất cả của cải phụ ẩm ấy và không hưởng được là tại nơi ta từ chối, hay tại ta đã quên mình mà từ bỏ cái đại nghiệp ấy. Như vậy thì thử hỏi ta sống một trăm tuổi có nghĩa gì đâu? Ví như mỗi phen có một đám xác đi qua thì dường như người quá cố nhắc nhở chúng ta một điều gì? Người chết nói với chúng ta rằng “Tôi đi đây là đến cảnh thiệt, còn quý Ngài ở lại đó là cảnh giả đa nghe”! “Phải sáng suốt, phải biết thiệt giả, mới bền vững cơ nghiệp Thiêng Liêng, chớ đời sống phàm gian là một khổ hải đa nghe !” (Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp năm Mậu Tý 1948, NXB Đường Sáng, San Jose, CA-USA-1996, trang 42-43).

Chúng ta được cho biết đời sống phàm gian là một khổ hải, là một cảnh giả chớ không phải thiệt và chúng ta cũng được nhắc nhở cần phải sáng suốt để phân biệt thiệt giả, hầu



gìn giữ cho bền vững cơ nghiệp thiêng liêng, đó là cái Đại Nghiệp mà chúng ta đã gây tạo và Đức Chí Tôn đang giữ cho chúng ta, không cho bất cứ một kẻ nào khác, chỉ chờ chúng ta quay trở về để nhận, để vun đắp và xây dựng cho vững bền.

Lời Thuyết Đạo trên đây của Đức Hộ Pháp cho thấy mỗi phạm nhân tại thế gian này ai ai cũng có một cơ nghiệp thiêng liêng và đó là một Đại Nghiệp.

Nói khác hơn là giữa lòng vũ trụ biến thiên luôn luôn tiềm ẩn Bản Thể Bất Biến, đó là Chân Tâm, là Phật tánh của thiên hạ, của tất cả các con Trời, có nghĩa rằng Trời chẳng phải xa xôi đâu cả, mà lại ở ngay trong tự đáy tâm hồn của mỗi chúng sanh, mà nếu chúng sanh chịu hồi đầu thị ngạn, phản quan tự kỷ như nói theo đạo Phật, hay Hồi quang Phản Chiếu như nói theo Đạo Cao Đài thì chúng sanh sẽ tìm lại được ngay cái huyền diệu sang cả, cái Chân Ngã Vĩnh Hằng, cái Thật Tướng ngôn lự niêm tuyệt của mình và tri kiến được rằng mình vốn dĩ sẵn có cái Phật tánh Chân Tâm, cái Thiên Mệnh siêu tuyệt, cái Định Mệnh Thiêng Liêng được Đạo Cao Đài gọi đó là Đại Nghiệp.

#### **4- Kết Luận**

Con người ai ai cũng có thể làm Thánh làm Phật vì tự mỗi một con người đã có căn cốt Thánh Phật. Thế mà có rất nhiều người đã chẳng để ý, chẳng tìm hiểu hay chẳng hiểu biết.

Thật là một mất mát vô cùng to lớn đã khiến cho không biết bao nhiêu người phải hốt hải, hoảng loạn khi thần chết đến gần.

Hai điển tích về hai vị muốn làm Thánh làm Phật là danh

nho Vương Dương Minh và Lục Tổ Huệ Năng cho thấy Thánh Phật vốn là bản thể của mỗi một con người, là căn cốt của thập loại chúng sinh hay Bát hồn vạn chuyển. Vậy mà tiếc thay hầu hết tất cả mọi người đều chẳng đến được, trở về được hay đạt được. Lý do là tại sao?

Câu hỏi được đặt ra ở đây là tại sao ai cũng ưa thích, cũng cần nước trong hơn nước đục, nhưng vì lý do gì lại không chịu lọc, không chịu lắng cho nước đục trở thành trong?

Tại sao ai cũng đều mong mỗi mình được nể vì như Thánh, được kính trọng như Phật, nhưng vì lý do gì mà không chịu trở về với bản chất hay bản thể của mình là Thánh hay Phật, dù rằng lúc vẫn còn đang sống ngay cả ở thế gian này.

Để trả lời câu hỏi trên đây, mà đó cũng là đề luận giải Thiên Nhơn (Dieu et Humanité) bất nhị, Thánh phàm không khác hay phàm Phật chẳng hai, xin được kể lại sau đây hai câu chuyện:

### **I-Câu chuyện thứ nhất:**

Câu chuyện thứ nhất liên quan đến một vị cao nhân đi tìm chân lý hay nói rõ hơn là đi tìm Đạo. Trên đường đi vị cao nhân kia đã gặp ba chúng sanh trong thập loại chúng sanh mà vị nào cũng thấp kém hơn mình, thua mình quá xa, ấy thế nhưng đã cho những bài học mà vị cao nhân kia vui lòng ghi nhận.

#### **A- Bài học thứ nhất liên quan đến Lòng Tin đã được vị cao nhân này kể lại như sau:**

“Có một lần ta đi lạc trong sa mạc. Khi ta tìm đến một khu làng thì trời đã quá khuya, mọi nhà và mọi người đều đi ngủ cả. Nhưng cuối cùng ta cũng tìm được một người đàn ông

đang khoét vách một căn nhà ở trong làng.

Ta hỏi anh ta xem coi ta có thể nào tá túc ở đêm không. Anh ta trả lời khuya khoác thế này thật khó tìm chỗ nghỉ chân. Ông có thể đến ở chỗ của tôi, nếu ông không ngại ở chung với tôi . . . . vì tôi là một tên trộm.

Người đàn ông ấy thật tuyệt vời.

Ta đã nán lại ở với ông ấy gần một tháng cứ mỗi đêm ông ta bảo: “ Tôi đi làm đây. Ông ở nhà nhớ cầu nguyện cho tôi nhé!” Rồi mỗi khi ông trở về nhà thì ta hỏi “ Hôm nay có trộm được gì không?” Ông ta trả lời hôm nay thì chưa nhưng ngày mai tôi sẽ cố gắng.

Tôi chưa bao giờ thấy Ông ấy ở trong tình trạng tuyệt vọng. Ông ta luôn luôn có lòng tin.

Có lần ta suy gẫm và suy gẫm trong nhiều năm ròng để rồi không ngộ ra một chân lý nào. Ta đã rơi vào tình trạng tuyệt vọng, tuyệt vọng đến nỗi ta nghĩ rằng mình phải chấm dứt tất cả những điều vô nghĩa về việc đi tìm chân lý. Ngay khi Ông ta lại chợt nhớ đến tên trộm, một kẻ chẳng là ai, chẳng bằng ai, nhưng vẫn luôn luôn tin tưởng ở ngày mai và quả quyết rằng ngày mai sẽ làm được một việc gì!

Đó là bài học thứ nhất với người thầy thứ nhất: Bài học Lòng Tin.

## **B- Bài học thứ hai: Dũng**

Còn bài học thứ hai ta tìm được nơi một chúng sinh thứ hai: đó là một con chó.

“ Khi ta rời nhà tên trộm để ra đi, ta lại một lần nữa tiếp tục băng qua sa mạc. May mắn thay là sau hơn nửa ngày đi mệt

nhọc trời nắng chang chang, ta lại gặp được một con suối lớn. Khi ta đến bờ suối để uống nước thì có một con chó xuất hiện. Nó cũng khát nước lắm. Nhưng khi nhìn xuống dòng suối nó thấy cái bóng của mình mà tưởng là một con chó khác. Nó hoảng sợ, tru lên và bỏ chạy. Nhưng rồi vì khát quá, nó bèn quày trở lại và cuối cùng mặc nỗi sợ hãi trong lòng, nó nhảy vọt xuống suối, cái bóng biến mất và nó uống được một bụng nước no nê. Ta hiểu rằng đây là một thông điệp được gửi đến cho ta, đó là con người phải biết chiến thắng nỗi hoài nghi và niềm sợ hãi ở trong lòng để mà hành động, nói rõ hơn là phải có cái Dũng”.

Bài học thứ hai là phải có cái Dũng.

### **C-Bài học thứ ba: Kiến thức**

Cuối cùng người đã cho ta bài học thứ ba lại là một đứa bé.

“ Ta đi đến một thành phố nọ vào một buổi chiều sắp tối. Ta thấy một đứa bé trên tay cầm một cây nến đã thắp sáng để đem đặt trong bàn thờ. Ta hỏi đứa bé :

- Con tự thắp cây nến này phải không”.

Đứa bé đáp: Thưa phải.

Ta hỏi tiếp: Lúc này nến chưa thắp sáng, nhưng chỉ một thoáng sau đã cháy sáng, vậy con có biết ánh sáng đến từ đâu không?

Đứa bé cười to, vụt thổi cho tắt ngọn nến ngay và nói:

Thế là Ngài vừa thấy ánh sáng đã biến mất. Vậy Ngài bảo đi, ánh sáng đi về đâu?”

Ôi cái tội cao nhân, thông thái, khoa bảng, ngạo nghễ của ta

hoàn toàn sụp đổ. Kho kiến thức cổ kim của ta cũng sụp đổ theo. Lúc ấy ta nghiệm ra và thấy rõ sự dốt nát của bản thân và từ đó ta vất đi tất cả những tự hào về kiến thức của mình.

### **\*-Ý nghĩa của ba bài học.**

Qua quá trình đi tìm chân lý hay tìm Đạo, vị cao nhân kia đã thu lượm được ba bài học.

**1-Ý nghĩa bài học thứ nhất, đó là Lòng Tin:** Tin rằng ngày mai sẽ tươi sáng, ngày mai sẽ tốt đẹp hơn, ngày mai sẽ tìm được một vật gì, làm được một việc gì, như tên trộm vẫn tin.

Tên trộm là một người trong xã hội chẳng là gì, chẳng là ai, chẳng bằng ai, chẳng ra gì, ấy thế mà lại có chỗ hơn người khác. Đó là luôn luôn vẫn có lòng tin.

Giả sử như tên trộm suốt đời chỉ đi đào tường khoét vách nhưng không vào được nhà nào và chẳng lấy được gì cả, nhưng có một cái mà tên trộm vẫn luôn luôn có, đó là lòng tin. Chính lòng tin đã giúp cho tên trộm có thể lặn lội suốt những đêm trường khuya khoắt, khó khăn chông chát, nguy hiểm chực chờ, thế mà tên trộm cũng vẫn kiên gan bền chí.

Lòng tin quan trọng như vậy. Thật là nó vô cùng quan trọng. Thảo nào người xưa chẳng nói: “Tín thành sở chí, kim thạch vị khai” nghĩa là đối với người có lòng tin và thành khẩn thì dù sắt đá cũng phải động lòng, và đạo Cao Đài với câu kinh thứ nhất của toàn thể bộ kinh Thiên Đạo và Thế Đạo cũng đã nói

“Đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp” nghĩa là bất cứ ai nếu có lòng tin và lòng thành thì có thể đến được với chân lý, hiệp được với Đạo, hội nhập được với Chí Tôn, Thượng Đế và ít nhất là ngay tại trần thế, có thể trở về được với nội tâm, mà

tức tâm là tức Phật.

Thảo nào mà trong 52 quả vị Bồ Tát của đạo Phật thì với bản vị Bồ Tát mới phát tâm qua Thập Tín, giáo lý thứ nhất và trước tiên đã dạy là phải Tín Tâm, vì có tín tâm thì mới có thể làm Bồ Tát, làm Phật, lý do là “ Tâm, Phật, chúng sanh, tam vô sai biệt.”

Nói rõ hơn là với Đạo Cao Đài hay đạo Phật cũng như hầu hết nhiều tôn giáo khác thì con người có thành Phật được không, Phối Thiên được không, hội nhập với Chơn Như Pháp Tánh, Thượng Đế, Chí Tôn hay với Đạo được không, đó là trước nhất phải do ở Tâm mình, do ở lòng tin của mình, tín tâm của mình.

Với Đạo Phật, nếu không bắt đầu từ Thập Tín và trước nhất là tín Tâm thì quả vị Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương và Thập Địa sẽ không khi nào đạt đến được, vậy thì không thể nào nói đến Đẳng Giác hay Viên Giác.

Nói chung, ở trong Đạo, nếu có ai muốn tu đến đâu, hay ngoài đời, bất cứ ai muốn làm việc gì, điều trước tiên là phải có lòng tin. Không có lòng tin thì người ta sẽ khó có thể làm gì chắc chắn đạt kết quả được. Nếu chẳng thể hay chẳng dám tin ai, thì ít nhất cũng phải mình, tin nơi tâm mình và nhớ rằng “ Lìa tâm không Phật, lìa Phật không tâm”. Phật ở trong tâm như trầm hương ở trong cây và khi không vọng tưởng thì một tâm là một nước Phật, đúng như Đức Bồ Đề Đạt Ma trong Thiếu Thất Lục Môn nơi cửa thứ năm Ngộ Tánh Luận đã nói.

Trái lại, người thầy thứ nhất của vị cao nhân trong câu chuyện mà cũng là của mọi thể nhân ở trên đời, đó là Lòng Tin. Tin ở mình, tin nơi tâm mình và được gọi là Tín Tâm.

Tin ở tâm tỉnh thức của chúng ta thì chúng ta sẽ không mất mát gì cả. Tin như triết gia, danh nho, danh tướng Vương Dương Minh, tin rằng ta có thể làm Thánh, tin như Lục Tổ Huệ Năng tin là ta có thể làm Phật vì “ Khi mê thì Phật độ chúng sanh, còn lúc tỉnh hay ngộ thì chúng sanh độ Phật”.

Nếu cứ tin chúng ta là Thánh, là Phật thì thử hỏi chúng ta có mất mát gì đâu. Chỉ có được chớ chẳng có mất. Chúng ta sẽ không mất mát gì cả nếu chúng ta biết trở về sống với Chánh Tâm, Lương Tâm hay Chân Tâm của chúng ta. Sự trở về đó đạo Cao Đài gọi là Hồi Quang Phản Chiếu, đạo Phật gọi là Phản Quan Tự Kỳ hay Hồi Đầu Thị Ngạn, đạo Lão gọi là Phản Phục, đạo Khổng gọi là Phản Thân Nhi Thành. Đây là việc mà chúng ta phải làm sớm chừng nào tốt chừng nấy, càng sớm càng hay để trong thời gian tam thập và tứ thập nhi lập chúng ta có thể tránh được ít nhiều phiền não, rồi đến khi ngũ thập tri thiên mệnh thì sẽ khỏi phải khổ đau và thân tâm sẽ được thanh thoi, an nhàn và tự tại. Điều chúng ta nên nhớ là “ Phiền não hết thì Phật sẽ theo tâm ra” cũng như “ Vô mục hết thì hương trầm sẽ theo cây ra” mới biết “ngoài cây không có hương, ngoài tâm không có Phật” như Đức Bồ Đề Đạt Ma đã nói ở cửa thứ năm Ngộ Tánh Luận trong Thiếu Thất Lục Môn mà mục đích không gì khác hơn là khuyên người đời phải có Lòng Tin.

## **2- Ý nghĩa bài học thứ hai là Dũng.**

Bài học thứ hai mà cao nhân tìm được đó là ý chí can đảm, dẫn thân, sự quyết tâm hay lòng cương quyết mà đạo Cao Đài và đạo Phật gọi là Dũng trong Bi, Trí, Dũng, đạo Khổng cũng gọi là Dũng trong Nhân, Trí, Dũng và đạo Lão gọi là Cường.

Chữ Cường với nghĩa đen nói cây cung cứng, hàm ý chỉ

sức mạnh, mà với con người thì đó là nội tâm, nội lực hay cái dũng, mà đạo Khổng thường gọi là cái Dũng của Thánh nhân.

Chữ dũng ở đây để chỉ tình trạng không còn e dè hay sợ sệt, mà trái lại can đảm và cương quyết dần thân, rõ nhất là tự thắng được mình.

Con chó cuối cùng đã tự thắng được mình. Nó không còn sợ cái bóng của nó mà nó tưởng là con chó khác chực chờ để cắn nó nên nó bỏ chạy. Nó chạy vì sợ, nhưng liền theo đó nó lại tự thắng được mình, lấy lại can đảm, chẳng còn sợ nữa và quay đầu trở lại.

Với cái nội lực, cái quyết tâm, nói rõ hơn là cái Dũng, nó nhảy ùm xuống suối, cái bóng của con chó và chính là cái bóng của nó tan biến mất, cũng có nghĩa là sự sợ sệt đã tan biến mất.

Thế là nó uống một bụng nước no nê, hết còn khát nữa, xong trở lên bờ. Nó từ tốn, chậm rãi bước đi như vừa thắng trận, mà thật sự là nó đã tự thắng được mình, điều mà Đức Lão Tử gọi là “Tự thắng giả cường” tức tự thắng mình là Dũng, là khó khăn hơn cả, là dũng mãnh hơn cả, hơn cả việc thắng người nhờ có sức mạnh, chỉ do thể lực bề ngoài thôi, được Đức Lão Tử gọi là “Thắng nhân giả hữu lực vậy”.

Nói rõ hơn, bài học mà cao nhân muốn nêu ra để chỉ cho thế nhân, cũng như Đức Lão Tử trong Đạo Đức Kinh muốn viết ra để dạy người đời, đó là không phải thắng người có thể gọi là giỏi đâu. Chỉ có thắng được mình thì mới thực sự có nội tâm, nội lực, đó mới đúng là Dũng, là Cường.

Đức Lão Tử nói Tự Thắng Giả Cường là trong ý nghĩa chỉ có tự thắng mình là khó khăn hơn cả, nhọc nhằn hơn tất



cả, lý do là con người phần lớn ai cũng vậy, với thói quen hiếu danh, háms lợi, ái sắc, tham tài, nên luôn luôn đắm mê thanh sắc phù du, luyến lưu lợi danh huyền ảo, để rồi tự buông mình chạy theo tiền trần ngoại cảnh, chỉ thấy người mà chẳng thấy mình, cũng như con mắt có thể trông ra ngoài hàng trăm hàng ngàn thước, nhưng lông mi ở ngay liền kề trước mắt thì mắt có thấy bao giờ.

Cái điều mà Đức Lão Tử muốn nói qua chữ Cường cũng như Cao Đài, Phật giáo hay Khổng giáo muốn nói với chữ Dũng, đó là không phải chạy theo người để dùng sức đua tranh, mà hãy quay trở lại mình để tự thấy mình với nội tâm, nội lực, đó mới là căn nguyên nguồn gốc, và đó mới đúng là Cường hay Dũng.

Thắng được người cố nhiên là nhờ sức có dư, nhưng làm sao bằng được việc mình tự thắng được mình. Đây là tự thắng để không còn bị ngũ dục lục trần sai sử, tài, sắc, danh, thực, thù quyến rũ cuốn lôi, không còn để cho ngoại vật tiền trần làm cho Thiên Chân mình hao tổn, làm bại hoại Thánh Tâm, Phật Tánh của mình.

Tóm lại, thắng người không bằng tự thắng mình. Chỉ có thắng mình là khó khăn, cam go và cao cả hơn hết. Con chó tự thắng được nó, thắng được cái sợ mà nó đã sợ, nên uống được một bụng nước no nê. Con người tự thắng được mình thì sẽ là Hiền, là Thánh, là Thiên mà trước mắt tự nhiên ai ai cũng đều nể nang mến phục. Chỉ có tự thắng mình, thắng được tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến là rời được vô minh, và chẳng còn vô minh là giác ngộ, mà giác ngộ tức là Phật.

Bài học thứ hai mà cao nhân muốn nói ở đây, đó là cái Dũng, cái Cường, hàm ý lòng can đảm, cương quyết dẫn thân để tự cứu lấy mình, là tự giác, và cũng để cứu độ quần sanh, là

giác tha còn được đạo Cao Đài gọi là Đại Lực mà Đức Hộ Pháp trong lần thuyết đạo tại Đền Thánh vào đêm 30 tháng 11 năm Mậu Tý (1948) về Đại Hùng, Đại Lực, Đại Từ Bi đã nói như sau:

“ . . . Đại Lực câu ấy có lẽ để một phương ngôn luận, công lý của một môi Đạo mình tu phải có một đức tin hùng dũng mới đặng. Cả thầy con cái Đức Chí Tôn đều biết từ ngày mở Đạo đến giờ, một trường khảo đảo kịch liệt. Từ ngày Đạo mới phôi thai đến giờ nếu không có tinh thần hùng dũng của con cái Đức Chí Tôn cương quyết lập Đạo cho thành, cương quyết phải thắng, và vì tổng số cả tinh thần hùng dũng của con cái Đức Chí Tôn nên ngày nay nền Đạo mới thiết tướng như vậy.”

“ . . . Những kẻ thất Đạo, không theo dõi bước thiêng liêng của Đức Chí Tôn là do nhút nhát, sợ sệt, bạc nhược, sợ cường quyền. Họ chưa có chí hùng dũng, quyết tranh đấu, quyết thắng nên họ thất Đạo. Cái thất Đạo của họ là thiếu chí hùng dũng, là tại nơi họ nhút nhát . . . “

“ . . . Tinh thần hùng dũng chẳng phải ở nơi cửa Đạo mà thôi, ngoài đời cũng vậy. Các bậc vĩ nhân đã tạo thời cải thế từ thượng cổ đến giờ, nếu không có tinh thần hùng dũng thì phải bị làn sóng đời lôi cuốn như một dề bè trôi giữa dòng sông kia vậy. . . “

“ . . . Như Đức Chúa Jesus Christ khi Ngài chết trên cây Thánh Giá. Chúng đóng đinh Ngài trên cây Thánh Giá và quân vô đạo đứng dưới cây Thánh Giá kêu Ngài, nhức mắng Ngài. Chúng nói Ngài là con Đức Chúa Trời, quyền năng vô biên, cứu cả thiên hạ đặng, đâu người thử cứu người coi. Người làm sao xuống khỏi đặng bốn cây đinh đóng hai tay hai chân của người đó coi . . . Ngài chỉ ngó lên Trời và cầu

nguyện: “Thưa Cha, xin Cha tha tội tình cho chúng nó, vì chúng nó chưa biết lỗi lầm của chúng nó,” Nếu Chúa không có chí hùng dũng, không có Đại Hùng, Đại Lực, Đại Từ Bi thì chưa có tinh thần ấy<sup>16</sup> . . .

Tóm lại, bài học thứ hai mà cao nhân muốn nói, đó là con người - bất cứ ai – nếu muốn tiến đến chân lý, muốn tìm lại được giá trị vô biên của mình thì điều cần thiết là phải có cái Dũng Lực.

### **3- Ý nghĩa bài học thứ ba: Kiến Thức**

Sau hai bài học về Tín và Dũng, bài học thứ ba mà cao nhân muốn nêu ra, đó là Kiến Thức.

Có thể nhiều người nghĩ rằng mình có bằng này hay bằng nọ thì đó là cây thước để đo sự hiểu biết hay giá trị của mình, nói khác hơn là kiến thức mà mình có.

Hiểu như vậy thì trong thế giới đua tranh để thăng tiến cũng chẳng có gì là xa lạ hay quá đáng.

Tuy nhiên, có một điểm cần nên suy nghĩ lại, và cũng nên tự hỏi rằng từ khi được cha mẹ sinh ra và ở vào cái thuở sơ sinh đó thì có gì được gọi là kiến thức.

Xin cứ nhìn một đứa bé sơ sinh. Nó cũng có sắc thân như sắc thân bao nhiêu người khác nhưng về ngôn ngữ, ý kiến hay kiến thức thì nó có được gì.

Thế rồi ngày càng lớn lên nó càng học hỏi, đậu bằng này, được học vị nọ. Với mỗi học vị nó có một số kiến thức nhất định, mà tất cả chẳng qua là những gì được vay mượn từ bên ngoài. Đây là kiến thức thế gian hoàn toàn hữu lậu. Thảo

*16- Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp năm Mậu Tý 1948 - NXB Đường Sáng - Hoa Kỳ - Trang 239, 240, 244*

nào mà vị cao nhân khi thấy đứa bé cầm cây đèn vừa đốt sáng thì hỏi đứa bé rằng ánh sáng của ngọn đèn từ đâu đến. Đứa bé chẳng trả lời mà lại vụt thổi phụt tắt ngọn đèn và hỏi lại:” Thế là Ngài vừa thấy ánh sáng đã biến mất. Vậy Ngài bảo đi, ánh sáng đi về đâu?” Vị cao nhân lại không trả lời được và thốt lên rằng:

” Ôi cái tội ngạo nghễ của ta hoàn toàn sụp đổ. Pho kiến thức cổ kim của ta cũng sụp đổ theo. Lúc ấy ta nghiệm ra và thấy rõ sự đốt nát của bản thân, và từ đó ta vất đi tất cả những tự hào về kiến thức của mình.”

Tại sao cao nhân lại phải vất đi tất cả những tự hào về kiến thức của mình?

Để giải đáp câu hỏi này, xin được ghi lại phát biểu về kiến thức thế gian của Tiên sĩ Nguyễn Anh Tuấn viết trong Tập San Thế Đạo số 42, xuất bản tại San Jose, USA 2009, trang 181-182 ghi như sau:

“ . . . Khi đề cập đến trí thức, con người nghĩ ngay đến kiến thức, học thức, học vị và bằng cấp đại học, nhưng không mấy ai để ý đến giá trị minh triết có hay không nơi người trí thức.”

“ Tôn giáo là lương tâm của xã hội. Chính trị là lưỡi gươm trừ gian diệt bạo và là chân tay của xã hội. Và trí thức là trí tuệ của xã hội. Khi ba phạm trù giá trị và chức năng của ba thành phần cột trụ này yếu ớt, đời sống của con người sẽ sụp đổ tan vỡ ê chề. Đó là thảm trạng đau đớn và buồn bã của nhiều xã hội hiện nay. Hiện trạng đó buộc chúng ta phải tra vấn: tôn giáo có còn là lương tâm của xã hội không? Chính trị là lưỡi gươm để trừ gian diệt bạo để làm cho quốc thái dân an, hay chánh trị là tên bạo chúa đi gieo rắc khổ

đau oán hờn cho muôn dân? Còn lại những người trí thức, họ có còn minh triết đủ để là biểu tượng trí tuệ cho xã hội không? Không có tầng lớp trí thức xã hội không thể nào tiến bộ được. Khi nào xã hội còn cần sự hiểu biết (understanding), còn cần kiến thức (knowledge) và còn cần sự minh triết (Wisdom) thì xã hội con người còn cần những người trí thức chân chính.”

“ Tuy nhiên kể từ thời phục hưng cho đến hôm nay (1365-2008) trước sự thành tựu vượt bậc của văn minh vật chất của thời hiện đại, phần đông tầng lớp người có học thức, kiến thức, học vị và bằng cấp, họ có rất nhiều sự hiểu biết, có rất nhiều kiến thức về rất nhiều phương diện, nhưng họ đã đánh mất sự minh triết. Đó là một sự mất mát quá lớn lao. Minh triết không thể tìm thấy trong học thức, kiến thức, học vị và bằng cấp. Minh triết là ánh sáng của tâm linh và ánh sáng của trí tuệ. Phật giáo gọi là Tuệ Giác hay Trí Tuệ Bát Nhã. Kitô giáo gọi là Ánh Sáng Thế gian, Lão Khổng Mặc gọi là Chiêu Minh Linh Giác. Muốn tìm lại minh triết người trí thức phải quay về với tôn giáo và đạo lý để trùng phùng với con người Đại Ngã của chính mình. Ánh sáng của minh triết chỉ xuất hiện với con người khi họ có một đời sống trưởng thành chín chắn về đời sống tâm linh hay tinh thần sung mãn mà thôi. Con người chỉ có thể tìm kiếm sự minh triết với chính đời sống tâm linh của mỗi người. Ở đó có đạo lý, có chân lý và có sự sống chân thật sung mãn tràn đầy. Ngoài ra tìm kiếm minh triết trong học thức, kiến thức, học vị và bằng cấp là mê sảng, là bắt chước ảo vọng hảo huyền” (trang 181-182).

“ Xưa Lý Đông A có lần nói: Nuôi thân sinh nô tài, nuôi trí sinh nhân tài, nuôi tâm sinh thiên tài. Lý Đông A là người không có học vị và bằng cấp trong thế giới hàn lâm nhưng

nờu tu tâm đạo mà thành con người minh triết của Đông Phương . . .”

Trên đây là phát biểu của Tiến sĩ Nguyễn Anh Tuấn một minh triết gia đã thấy rõ Thiên Địa Nhân đồng nhất thể.

Những lời phát biểu này không khác với cái thấy của một nhà nghiên cứu đã tâm chứng, một học giả thời đại lỗi lạc, uyên thâm tam giáo, uyên bác hầu hết giáo lý tất cả tôn giáo thể gian, đó là Bác sĩ Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ.

Nhân tử Nguyễn Văn Thọ xác nhận “ Thượng Đế Ngoại Tại (God without) sẽ trở thành Thượng Đế Nội Tại (God within)” vì “ Giữa lòng Vũ Trụ biến thiên luôn tìm ẩn Bản Thể bất biến” và “ Trời đất chẳng ở đâu xa, mà ở ngay trong lòng sâu của mọi người” để rồi Nhân Tử kêu gọi mọi người “ đi sâu vào nội tâm mà tìm Đạo, tìm Trời. Đó chính là Đạo tâm linh, Đạo nhất quán, là Đại Đạo mà con người có thể tìm ra được <sup>17</sup>”

Với Đạo tâm linh, Đạo nhất quán, là Đại Đạo thì đạo Cao Đài tức Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, một tôn giáo hình hiện tại Việt Nam cũng hoàn toàn xác nhận Chân Đế mà chư vị học giả, minh triết gia trình bày. Đó là “Dieu et Humanité” là Trời Người, tức Thiên Nhơn, cũng có nghĩa là Thiên Nhơn Hiệp Nhứt. Đó là “Nhất tức Nhất Thiết, Nhất Thiết tức Nhất, nghĩa là một là tất cả, tất cả là một, mà Đạo Cao Đài thờ một “Thiên Nhãn”, chỉ một chớ không hai, đó là “ Đạo, Hư không, Vô Cực, Thái Cực, Chân Như, Chân Tâm, Trời hay Thượng Đế . . .”, Chí Tôn hay Phật, tất cả đều là một Thượng Thần Vô Ngã (Dieu impersonal)

Đề tựa kết câu chuyện một, tóm lại, với ba bài học mà cao

17- “*Vạn vật đồng nhất thể*” Bác sĩ Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ - NXB Nhân tử Văn - CA USA - trang 7-10, 17, 35.

nhơn đã nêu ra cho thấy con người - bất cứ ai - nếu muốn tìm lại được giá trị vô biên của mình thì trước tiên phải có lòng tin.

Tin rằng con người ai ai cũng có thể thăng hoa (transcendental), ai ai cũng có Thiên tính, Phật Tính, nói rõ hơn là ai ai cũng có thể là Thánh, làm Tiên hay làm Phật.

Thứ đến là phải có cái dũng lực, tức cái tự cường theo như Đức Lão Tử đã dạy, để trở về cho được với cái bản thể đó, cái nguồn gốc đó.

Cuối cùng, để chắc chắn có thể trở về được với nguồn gốc đó thì trước nhất phải dẹp bỏ những cái trở ngại ngăn che, mà cái ngăn che mạnh nhất là kiến thức.

Cần phải thấy rõ đâu là kiến thức thế gian, đâu là trí tuệ minh triết, và để có thể thấy được như vậy thì xin nhớ lời của Lý Đông A, một nhà minh triết Đông Phương đã nói. Đó là nuôi thân sinh nô tài, nuôi trí sinh nhân tài, nuôi tâm thì sinh thiên tài.

Đến đây vấn đề đặt ra là nuôi tâm, hay nói rõ hơn là trước tiên phải trở về với nội tâm mà đạo Cao Đài gọi là Hồi quang Phản Chiếu sẽ được trình bày trong câu chuyện thứ hai.

## **II-Câu chuyện thứ hai**

Đây là câu chuyện của một người mù cầm đèn đi giữa ban đêm.

Có một người mù cả đôi mắt, chẳng thấy gì cả, nhưng dốc tâm đi tìm chân lý.

Người mù này thường hay đến nhà một người bạn thân, vốn là một bậc chơn tu, để cả hai cùng nhau luận bàn việc Đạo.

Người mù cũng thường hay tiếc rẻ và than phiền với bạn vì mình mất tất cả nhãn quan, không thấy và không đọc viết được nên khó tìm ra lẽ Đạo.

Người bạn nghe vậy nhắc nhở rằng tiền trần ngoại cảnh chỉ là những cám dỗ đăm mê, tất cả đều là những cái ngăn che chân lý, cản trở con đường tìm đến với Đạo. Chỉ có việc trở về với tâm mình, soi sáng nội tâm, tự tịnh kỳ ý thì mới có thể thấy ánh sáng lẽ Đạo mà thôi.” Tâm địa nhược thông, tuệ nhật tự chiếu” nghĩa là nếu tâm thông thì đó là đuốc tuệ. Vậy cứ quay lại với nội tâm thì mình sẽ thấy được Đạo, còn ánh sáng hay vật dục bên ngoài chỉ là những cái ngăn che.

Cả hai cứ lo luận bàn lẽ Đạo mãi mà trời tối lúc nào cũng chẳng hay. Người mù cáo từ xin lui bước và người bạn Đạo bèn lấy một cây đèn lồng đốt lên bảo bạn mù của mình cầm lấy để đi đường.

Người mù nói rằng tôi đi đâu nào có thấy gì đâu vậy cầm đèn theo làm chi, có ích gì.

Người bạn Đạo mới khuyên rằng” Ấy, anh cứ cầm lấy mà đi. Người khác thấy cây đèn sẽ thấy anh để tránh không đụng anh và anh cũng sẽ không đụng ai cả”.

Người mù nghe có lý, chịu ý bạn, cầm cây đèn lồng lặn theo đường cũ đi về.

Bỗng dung, có một người ngược đường đi đến đụng mạnh và làm người mù loạng choạng. Anh lớn tiếng hỏi rằng: “Tôi cầm cây đèn sáng như vậy mà tại sao anh chẳng thấy lại đụng tôi.”

Người đi ngược đường mới nói “Ánh sáng ngọn đèn của cây đèn anh cầm đã tắt từ lâu rồi!”



Người mù bây giờ tỉnh ngộ mới hiểu ra rằng những gì mà người bạn chân tu của mình nói quả thật không sai. Ánh sáng bên ngoài là vật hữu vô còn mắt và vật đục bên ngoài cũng không gì khác hơn là những cái cảm dờ, ngăn che hay sai sử. Chỉ có ánh sáng nội tâm mới là đuốc tuệ.

Như vậy, muốn tìm ra được đuốc tuệ thì con người trước tiên phải trở về với nội tâm mà đạo Cao Đài gọi là Hồi Quang Phản Chiếu, đạo Phật gọi là Phản Quan Tự Kỳ, đạo Khổng gọi là Phản Thân Nhi Thành, đạo Lão gọi là Phản Phục.

Có Hồi Quang Phản Chiếu thì con người sẽ thấy rõ là tự ở ta Nhơn Thiên, Phạm Thánh, Phật Trời ta đều có đủ tất cả (Vạn vật gia bi ư ngã), chỉ cần ta “Phản Thân nhi Thành” là trở về với ta, với nội tâm ta thì ta sẽ đến được với Đạo như nói theo Khổng giáo. Còn nói theo đạo Lão thì đó là Phản Phục, cũng có nghĩa là trở về với bản tánh mà đạo Phật hay đạo Cao Đài

Gọi là Phản Quan tự Kỳ hay Hồi Quang Phản Chiếu.

Có Hồi Quang Phản Chiếu theo như lời Đức Hộ Pháp đã dạy, để trở về với nội tâm thì con người mới biết được mình là ai, mới thấy rõ được Thánh Phạm không khác, phạm Phật chẳng hai.

Thật vậy, Đức Phật Thích Ca với Thái Tử Tất Đạt Ta, một là pháp thân, một là báo thân, tuy hai mà một. Đức Hộ Pháp đạo Cao Đài và Ngài Phạm công Tắc cũng là một pháp thân hay ứng thân và một báo thân hay sắc thân. Ứng thân thì hiện đó là Phật Hộ Pháp, còn sắc thân đó là Phạm Công Tắc. Cả hai tuy hai mà một như chính Đức Hộ Pháp đã xác nhận, và đây cũng là sự xác nhận phạm phu tức Phật, cũng có nghĩa là Trời Người hay Thiên Nhơn (Dieu et Humanité) không khác, tức Thiên Nhơn hiệp nhứt mà ảnh tượng Tam

Thánh đặt trước Đền Thánh, ngay tại Tịnh Tâm Đài đã chỉ rõ và hướng dẫn cho mọi nhơn sanh trên con đường Qui Nguyên Phản Bản.

Tóm lại, qua 2 câu chuyện trên đây, một với vị cao nhân đi tìm chân lý và hai với người mù cầm đèn đi giữa ban đêm đã cho thấy rằng:

1- Phàm con người, nếu ai muốn đi tìm chân lý, đi đến với Đạo và đạt được Đạo thì trước tiên phải có Lòng Tin và Dũng Lực. Chữ Dũng ở đây được hiểu trong bối cảnh Nhân Trí Dũng của Khổng giáo hay Bi Trí Dũng của Phật giáo.

2- Thứ hai là để cho lòng tin và dũng lực của mình không còn bị vướng mắc, cản trở, trên bước đường đi đến với Đạo thì hành giả phải biết trước tiên dẹp đi những cái cản trở ngăn che, mà ba cái ngăn che lớn nhất là Kiến thức, Dục lạc và Ngã.

Chính cái kiến thức thế gian là cái trở lực mạnh nhất, cộng thêm với dục lạc và ngã đã ngăn cản, che lấp làm cho con người không thấy được sự thật, chẳng biết rõ mình thật sự là ai, không hiểu rõ thân tâm mình, do đó mà không thể quay về với bản thể cao quý, dòng dõi cao cả của mình là vậy.

Chính sự quý trọng, cũng như với mặc cảm tự tôn (complex de supériorité) tự bảo vệ kiến thức cá nhân bằng mọi cách, là một hình thức ái ngã, cũng chẳng khác chi là ái dục, đã tạo nên những phản động lực chánh trên bước đường đi đến tỉnh thức hay giác ngộ. Nói khác hơn kiến thức, dục lạc, ngã, đây là 3 động lực chính yếu cản trở không cho con người có thể tìm được hạnh phúc chân thường mà chỉ sống với sự sung sướng thế gian là hạnh phúc vô thường.

3- Thứ ba là muốn hành trì được 5 đạo hạnh nói trên, cũng

như muốn dễ dàng hoàn thành năm đạo lực này thì trước tiên hành giả phải chịu trở về với con đường hướng nội, đó là con đường nội tâm của mình tức Hồi Quang Phản Chiếu.

Có Hồi Quang Phản Chiếu thì con người mới có thể đi vào nội tâm để tìm Đạo, tìm Trời, mới thấy được cái tâm hồn cao quý của mình hay nói khác hơn là thấy rõ Thánh Tâm Phật Tánh của mình.

Có Hồi Quang Phản Chiếu như lời Đức Hộ Pháp đạo Cao Đài đã dạy thì con người mới có thể dùng cuộc đời mình để siêu xuất phàm tâm hầu phối hợp với Thiên Tâm mà Nho giáo hay Khổng giáo trong Mạnh Tử - Tận Tâm Chương Cú Hạ đã nói như sau: “ Tận kỳ tâm dã, tri kỳ tánh dã. Tri kỳ tánh tắc tri Thiên hi ”, có nghĩa là hãy mình đi sâu vào nội tâm mình thì mình sẽ biết được bản tánh của mình. Mà hãy biết được bản tánh của mình tức nhiên biết được Trời rồi đó.

Biết được Trời cũng có nghĩa là tri kiến được Ông Trời ẩn náu trong mỗi người chúng ta mà như Đức Hộ Pháp đã nói là “ trong mỗi người của chúng ta đều có Ông Trời ở trong. Ông đồng sống với nó.”

Nói khác hơn, trong mỗi nhơn sanh, dù với sắc thân phàm trần thế tục, nhưng trong pháp thân đó luôn luôn có Thánh Tâm, Phật Tánh hay Thiên Tánh, mà nếu chúng ta cố gắng tìm hiểu, cố gắng học hỏi, chịu hồi đầu thị ngạn, phản quan tự kỷ, bồi trần hiệp giác nghĩa là rời bỏ sông mê để trở về với bờ giác, như thế thì chúng ta mới có thể trở về được với nguồn gốc cao quý đó, bản thể cao sang đó của chúng ta. Cuộc đời của hai danh nhân Nho giáo cũng như Phật giáo là Vương Dương Minh và Lục Tổ Huệ Năng đã chứng minh điều đó.

Cuộc đời và lời nói của Lục Tổ Huệ Năng cũng như danh Nho Vương Dương Minh “Tu để làm Phật” và “Học để làm Thánh” đã xác nhận rằng con người ai ai cũng có thể học, cũng có thể tu để làm Thánh làm Phật vì tự bản thân và trong bản thể thì ai ai cũng đều có Thánh Tâm hay Phật tánh.

Với câu trả lời “ Học để làm Thánh Hiền là hơn cả” Vương Dương Minh đã nói cho thế nhân biết rằng chúng ta ai ai cũng đều có Thánh Tâm, học để đạt lại được Thánh Tâm đó. Thế mà chúng ta phần đông hầu hết gần như đã quên đi, không còn nhớ đến, hay là chúng ta đã không muốn nhớ, không muốn nhận hay không dám nhận.

Dù quên hay nhớ, dù muốn nhận hay không muốn nhận, dù dám nhận hay không dám nhận thì cuộc đời cũng chỉ thế mà thôi. Con người không làm sao thay đổi sự thật được.

Sự thật đó là con người ai ai cũng đều có Thánh Tâm.

Không phải chỉ có Ngài Vương Dương Minh nói như vậy. Không phải chỉ có Nho giáo hay Khổng giáo nói như vậy, mà hầu hết các tôn giáo đều thấy như vậy, nhìn nhận như vậy, rõ nhất là Lão giáo, Phật giáo và Cao Đài giáo.

Nói rõ hơn “ Mọi người đều có một giá trị siêu việt, đều sẵn có nơi mình một khả năng vô biên, vô tận, có thể tiến hóa vô biên vô tận, vì Thượng Đế ngự trong lòng sâu của vạn hữu” và “ Mục đích của đời sống là sống cao khiết kết hợp nhất như với Thượng Đế (Dieu) ngay khi còn ở trần gian này. . .” Vậy “ Phải đi vào tâm mà tìm Đạo tìm Trời” vì “ Con người có Thiên Tính <sup>18</sup>” Thiên Tính hay Chánh Tâm này đã được xác nhận trong giáo lý đạo Cao Đài.

---

18- “ Vạn vật đồng nhất thể ”*Nhân Tử Bác Sĩ Nguyễn Văn Thọ*  
- NXB Nhân Tử Văn - CA USA - 2002 - Trang 39-40.

Thật vậy, Kinh Cơ của Đạo Cao Đài cho biết rằng con người ai cũng có Thánh Tâm hay Thiên Tính, rõ nhất là các nguyên nhân. Thiên tính hay Thánh tâm này đã có sẵn khi con người nhập thế mà Phật Mẫu Chơn Kinh đã nói rõ như sau:

Tạo hóa thiên huyền vi Thiên Hậu,  
Chưởng Kim Bàn Phật Mẫu Diêu Trì.  
Sanh quang dưỡng dục quần nhi,  
Chơn linh phối nhứt thân vi Thánh hình.

Nghĩa là Chơn Linh và Chơn Thần do Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu ban nơi cõi Thiêng Liêng, phối nhất với xác thân do cha mẹ tạo nên nơi trần thế để hình thành một con người thể gian.

Con người thể gian đó, mặc dù bề ngoài được trông thấy như là một thú chất vật hình do âm dương ngũ hành duyên hợp, nhưng thật sự bên trong “con thú đó còn có Ông Trời ở trong. Ông đồng sống với nó” như lời Đức Hộ Pháp đã dạy. Thánh hình này, lúc mới bắt đầu nhập thế thì sống hoàn toàn với Thánh tâm hay Chơn linh mà như Đức Hộ Pháp đã nói là “ta thấy con nít nó chỉ sống với Chơn linh mà thôi”.

Tuy nhiên, Thánh hình kia lần hồi qua chạm cảnh nhập duyên, nên từ từ bị cát bụi trần hoàn bao phủ làm cho bản thể phải đổi dời, mà Kinh Giải Oan đã nói rõ là con người trong “Vòng xoay chuyển vòng hồn tấn hoá” vì phải “Nương xác thân để hiệp ngã với càn khôn” nên trong “Bước đường sanh tử đã chôn” mà phải bị “Oan oan nghiệt nghiệt dập dồn trái căn”.

Do bị dập dồn bởi trái căn và oan nghiệt nên con người thể gian dần dần biến chất. Biến chất vì “Dòng khổ hải hằng chìm đắm” nên “Mùi đau thương đã thấm chơn linh” với kết quả là

“ Dây oan xe chặt buộc mình” và với hậu quả là “ Nhớ nhớ lục đục thất tình nhiễm thân”.

Con người đã bị tiêm nhiễm bởi lục đục thất tình là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp và hi, nộ, ái, lạc, ái, ó, đục nên chơn thân bị bợn nhờn và nặng trĩu “ Chịu ô trọc chơn thân nặng trĩu” làm cho xác thân thất đại không còn nhớ đến chân tâm hay Thiên tính nữa “ Mảnh hình hài biếng hiểu lương tâm” và do đó mà con người trần thế cứ “ Phong trần quen thói cung âm” đến nỗi phải “ Cảnh thặng ngơ ngăn lạc làm Phong đồ” có nghĩa là do đó đã quên mất Thánh tâm, Thiên tính của mình đã có nên vì thế mà phải bị đọa đày cứ luân hồi sanh sanh tử tử không làm sao cựa vịn qui hồi được tức không làm sao trở lại với Thánh hình mà mình đã có từ lúc do Đức Phật Mẫu ban cho khi mình nhập thế để mang kiếp làm người, mà như chính kinh Phật Mẫu đã nói :

“ Thiên cung xuất vạn linh tùng pháp,  
Hiệp Âm Dương hữu hạp biến sanh.  
Càn khôn sản xuất hữu hình,  
Bát hồn vận chuyển hóa thành chúng sanh.”

Chúng sanh được hóa thành, dù nguyên nhơn hay hoá nhơn, giờ đây sau khi nhập thế mà muốn được có trở lại Thánh hình, Thánh tâm hoặc thiên tánh hay nói rõ hơn là muốn “ Quê xưa trở cõi đọa từ, Đoạt cơ thoát tục bấy chừ tuyệt luân” thì phải làm sao?

Phải làm thế nào cho Thánh hình thanh bạch trở lại mà kinh Tắm Thánh đã dạy rõ như sau:

“ Xin gìn giữ Thánh hình thanh bạch,  
Xin xá ân rửa sạch tiền khiên.  
Căn xưa ví dữ cũng hiền,

Dù ra cửa tội đủ quyền cao siêu.”

Nghĩa là muốn gìn giữ được Thánh hình thanh bạch hay trở lại với Thánh hình thanh bạch thì việc thứ nhất và trước tiên cần làm là phải có “Xá ân” để rửa sạch cái tội tiền khiên. Một khi tội tiền khiên đã rửa sạch rồi thì dù căn xưa mình có hung dữ ngày nay mình cũng đã trở nên hiền, cũng có nghĩa là trước kia dù đã làm tội, tạo tội, nhưng ngày nay do nhờ có “Xá ân” mà sẽ được quyền cao siêu tức là quyền siêu thăng giải thoát, cũng có nghĩa là quyền trở lại với Thánh hình Thiên tánh hay nói rõ hơn là quyền Nhơn Thiên hiệp nhưt.

Đến đây một vấn đề quan trọng được đặt ra đó là làm sao để có “Xá ân”, làm sao để có kết quả như mong muốn.

Muốn có “Xá ân” để đạt kết quả mong muốn cũng như muốn dẹp bỏ được Kiến Thức, Dục Lạc và Ngã để dàng như đã nói ở phần “Ý nghĩa của bài học thứ ba trong câu chuyện thứ nhất” thì việc cần thiết là cần phải nhờ vào thuyết pháp hay giảng đạo mới có thể khai thông. Chớ nếu chỉ riêng với tài liệu viết thì không đủ hiệu lực làm thấm thấu để tâm chứng được, hay trực nhận được, nói khác hơn là không đủ khả năng, hiệu lực và tầm mức truyền đạt trọn vẹn được.

Không có thuyết pháp và giảng Đạo thì Đạo sẽ khó thể mở mang và cơ phổ độ cũng sẽ khó khăn thực hiện được, khó đi đến đại đồng được.

\* \* \*

Trên đây là nói Thánh tâm, Còn về Phật tánh?

Về Phật Tánh thì những lời giải thích của Lục Tổ Huệ Năng trước Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn cho thấy con người ai cũng đều có Phật Tánh, không phân biệt kẻ sang người hèn, kẻ giàu

người nghèo, kẻ nam người nữ, già trẻ bé lớn, tất cả đều có Phật tánh, và Tánh Phật vẫn đồng nhau.

Sự thật Tánh Phật vốn vẫn đồng với tất cả mọi chúng sanh đã được giáo lý nhà Phật qua kinh Phạm Võng xác nhận. Kinh nói rõ rằng tất cả chúng sanh đều có sẵn Phật tánh nơi mình “ Nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh”.

Những gì kinh nói được Ngài Huệ Năng khi đã là Tổ xác nhận trong Pháp Đàn Bửu Kinh như sau:

“ Kẻ ngu người trí đều có Phật tánh như nhau. Tuy nhiên có kẻ ngu người trí, đó chẳng qua là mê ngộ không đồng.”

Còn vua Trần Nhân Tông, một thiền sư Việt Nam trong Cư Trần Lạc Đạo cũng như trong Khóa Hư Lục đã bảo “ Phật ở trong nhà, chẳng phải tìm xa. Vì mê muội nên ta đi tìm Phật, nay tỉnh rồi mới biết Phật chính là ta” và “ Ngã thân tức Phật, thân thị vô hữu nhị tướng” tức thân của ta là Phật, không có hai tướng, mà hễ ai còn mê thì thấy hai tướng, còn ai ngộ rồi thì thấy rõ chẳng hai.

Quan niệm Phật không ở đâu xa vời mà Phật ở tại Tâm, Phật chính ở trong lòng ta, đây là quan niệm phổ biến trong văn chương Việt Nam, tiếc thay ít người để tâm hay biết được như vậy. Mới hay:

Lơ thơ chùa rách giữa đàng,  
Ai hay lại có Phật vàng ở trong.<sup>19</sup> ”

Tóm lại “ Dieu et Humanité” là Trời và Người có nghĩa là Trời Người không khác, phàm Thánh chẳng hai, hay Thiên Nhơn Hiệp Nhứt, phàm phu tức Phật, đã được thấy rõ trong

---

19- “ Vạn vật đồng nhất thể” Nhân Tử Bác Sĩ Nguyễn Văn Thọ - NXB Nhân Tử Văn, CA USA - 2002, trang 75.



đạo Cao Đài.

Giáo lý của đạo Cao Đài qua đàn cơ ngày 22 Juillet 1926 nhằm ngày 13 tháng 6 Bính Dần <sup>20</sup> :

Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, Giáo Đạo Nam Phương đã nói :

“ Các con là Thầy, Thầy là các con”.

Và trong đàn cơ ngày Dimanche 24 Octobre 1926 nhằm ngày 15 tháng 9 Bính Dần tại Phước Linh Tự <sup>21</sup> , Đức Thích Ca Mâu Ni Phật tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát Giáo Đạo Nam Phương cũng nói:

“ Thầy là chư Phật, chư Phật là Thầy.

Các con là chư Phật, chư Phật là các con.

... Có các con rồi mới có chư Thần, Thánh, Tiên, Phật.”

Mà quả thật như vậy, cách đây trên 2500 năm một sự thật đã xảy ra ở Ấn Độ. Đó là có Thái Tử Tất Đạt Ta rồi mới có Đức Phật Thích Ca nghĩa là phạm phu tức Phật mà Đức Hộ Pháp của Đạo Cao Đài trong bài thuyết pháp tại Đền Thánh vào thời Tý đêm mồng một tháng giêng năm Mậu Tý (1948) đã nói rõ như sau <sup>22</sup> :

“ Trong thi hài của Phạm Công Tắc còn có một vị làm chủ của nó nữa, đó là Hộ Pháp. Quyền của Hộ Pháp mạnh mẽ hơn của Phạm Công Tắc. Phạm Công Tắc là con ngựa để

---

20- Thánh Ngôn hiệp Tuyển, Quyển 1 và 2 - Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ - Tòa Thánh Tây Ninh - Nhà in Thủ Đức - Năm Nhâm Tuất 1972, trang 27.

21- Như trên (ib), trang 43.

22- Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp năm Mậu Tý 1948 - Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ - Tòa Thánh Tây Ninh - NXB Đường Sáng - USA - 1996, trang 2.

cởi mà thôi, còn Hộ Pháp là người cởi, nên con ngựa không thể không tuân mạng lệnh của chủ nó được. Hộ Pháp có một phần và Phạm Công Tắc có một phần. Phạm Công Tắc là tôi, còn Hộ Pháp là quyền năng của Đức Chí Tôn.”

**HT. Lê Văn Thâm.**



**Danh Sách Đồng đạo - Cơ Sở - Thân hữu  
yểm trợ In Kinh Sách  
(Từ ngày 1-1-2016 đến ngày 7-7-2016)**

**I- Yểm trợ TSTĐ & In Kinh Sách**

- 1- CTS Nguyễn Văn Hai, Wichita KS . . . . .40.00
- 2- CTS Nguyễn Văn Đăng, Sacramento CA 50.00
- 3- Nguyễn Thảo & Giêng, Homestead, FL . . .20.00

-----  
**Cộng (1): 110.00**

**II- Yểm trợ In Kinh Sách**

- 1- CTS Hồ Văn Trị, Carrollton, TX . . . . .40.00
- 2- CTS Phan Thị Sáu, Houston, TX. . . . .20.00
- 3- David Hồ, Portland, OR . . . . .50.00
- 4- Dương Văn Ngà, San jose, CA . . . . .20.00
- 5- G/đ CTS Nguyễn Văn Rài, San Jose, CA 20.00
- 6- Hoàng Văn Viên, Pearl City, HI . . . . .100.00
- 7- HT Đặng Bá Nhị, Carrollton, TX . . . . .100.00
- 8- HT Lê Văn Năm, Westminster, CA . . . . .30.00
- 9- HT Trần Huyền Quang, Marrero, LA . . . . .20.00
- 10- HT Võ Thị Bạch Tuyết, Roseville, CA . . .70.00
- 11- HTDP Christine Bùi, Katy, TX . . . . .50.00
- 12- HTDP Ngô Tú & HTDP Thảo Trần,  
Fredericksburg, VA . . . . .30.00
- 13- HTDP Trần Văn Điều, Houston TX . . . .100.00
- 14- HTDP Trần Văn Tánh, Morrow, GA . . . .20.00
- 15- Huỳnh Văn Nhựt, Renton, WA . . . . .50.00
- 16- Lâm văn Sơn & Trần Tốt, Grand Prairie  
TX . . . . .50.00
- 17- Lê Trung Trực, San Diego, CA . . . . .30.00

18- Lưu Văn Chỉ, San Jose, CA . . . . .	20.00
19- Đặng Thị Ngọc Phượng, Coppell, TX . . . . .	20.00
20- Nguyễn Hiếu Liêm, Morrow, GA . . . . .	100.00
21- Nguyễn Kim Mừng, Aurora, CO . . . . .	100.00
22- Phạm Văn Hôn, Fargo, ND . . . . .	20.00
23- PTS Huỳnh Ngọc Hương, San Diego, CA . . . . .	50.00
24- PTS Đỗ Đức Thượng, Garland TX . . . . .	15.00
25- Trần Thị Ngọc Cang, Oakland, CA . . . . .	30.00
26- Tri Vương, Mississauga, ON, Canada (300 đôla Canada) . . . . .	209.55
27- TSự Đặng Thị Khe, Wichita KS . . . . . (hồi hương Lê Tấn Phát & Lê Đức Hiền)	100.00
28- TSự Phạm Thị Nguyệt Nga, Sacramento, CA . . . . .	30.00
29- TSự Trương Thúc Tài, San Diego, CA . . . . .	50.00
30- Võ Kim Hoàng & Lê Văn Hiền, Fargo, ND . . . . .	100.00

-----  
**Cộng (2): 1,644.55**

San Jose, ngày 7-7-2016  
**Ban Thế Đạo Hải Ngoại**

**THIÊN NHÂN HIỆP NHẤT**

Soạn giả: HT Lê Văn Thêm  
Ban Thế Đạo Hải Ngoại xuất bản 8-2016

# MỤC LỤC

01	<b>Trời và Người</b> . . . . .	05
	A- Ta là Ai . . . . .	06
	B- Những tình khúc éo le hay những khó khăn khi nói về Đạo . . . . .	10
02	<b>Phần I: Nguồn gốc cao cả của con người theo giáo lý Đạo Phật: Phàm phu tức Phật.</b> . . . . .	13
	1- Thiên sư Triệu Châu Tùng Thẩm. . . . .	14
	A- Chúng sanh có Phật tính . . . . .	14
	B- Phật tánh ở đâu . . . . .	16
	2- Thiên sư Ô Sào . . . . .	19
	3- Cởi trâu tìm trâu . . . . .	21
	4- Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn . . . . .	23
	A- Thiên thượng thiên hạ . . . . .	25
	B- Duy ngã độc tôn . . . . .	27
	Kết Luận . . . . .	29
03	<b>Phần II: Nguồn gốc cao cả của con người với Đạo Khổng.</b> . . . . .	32
	1- Thánh phàm không khác . . . . .	34
	2- Căn bản của lập luận Thánh Phàm không khác . . . . .	39
	3- Đức Mạnh Tử giải thích Thánh Phàm không khác . . . . .	42
	4- Câu chuyện núi Ngưu Sơn. . . . .	44
	<b>Kết Luận</b> . . . . .	50

<b>04</b>	<b>Phần III: Thiên nhơn bất nhị theo</b>	
	<b>Lão giáo</b> . . . . .	52
	1- Thánh tâm Phật tánh trong	
	Nam Hoa Kinh . . . . .	53
	A- Ngoại Thiên: Thu Thủy . . . . .	53
	B- Nội Thiên: Tề Vật luận . . . . .	54
	C- Nội Thiên: Đức Sung Phù . . . . .	57
	2- Thánh tâm Phật tánh trong	
	Đạo Đức Kinh . . . . .	58
	3- Kết luận . . . . .	59
<b>05</b>	<b>Phần IV: Nguồn gốc cao cả của con người</b>	
	<b>theo giáo lý của Đạo Cao Đài - Trời Người</b>	
	<b>không khác</b> . . . . .	63
	<b>1- Kinh</b> . . . . .	67
	A- Với Khổng giáo có Vương Dương	
	Minh . . . . .	72
	B- Với Phật giáo có Lục Tổ Huệ Năng . .	74
	<b>2- Cơ Bút: Một đặc trưng của Đạo Cao Đài</b>	79
	A- Danh từ Thầy . . . . .	80
	B- Chi bảo chúng sanh (Cao Đài) hay	
	Thánh tâm, Phật tánh (Khổng, Phật) . . .	82
	C- Chúng sanh bất cứ ai cũng có thể	
	thành Phật . . . . .	86
	D- Lý do khó thấy hay khó nhận	
	Thánh tâm, Phật tánh . . . . .	93
	<b>3- Ngũ Lục</b> . . . . .	99
	<b>4- Kết Luận</b> . . . . .	104



**Hiền Tài Lê Văn Thêm**  
(sinh năm 1932 tại Tây Ninh)  
Qu. Khâm Châu Victoria, Úc Châu (2016)

\* \* \*

- \*- Cựu học sinh Đạo Đức Học Đường, Tây Ninh.
- \*- Tốt nghiệp Khóa 6 Học Viện Quốc Gia Hành Chánh Sài Gòn (1961).
- \*- Tốt nghiệp Đại học Deakin, Melbourne, Úc Châu với bằng Graduate Diploma in Interpreting & Translating, NAATI Level 3 (1993).

\* \* \*

- Phó Tỉnh Trưởng Tỉnh Chương Thiện.
- Phó Tỉnh Trưởng Tỉnh Vĩnh Bình.
- Phó Tỉnh Trưởng Tỉnh Kiên Giang.
- Phó Tỉnh Trưởng Tỉnh Định Tường.
- Phó Thị Trưởng Thị Xã Mỹ Tho.
- \*- Giám Sát Viên Giám Sát Viện VNCH (1972-1975)

\* \* \*

\*- Tu tại gia, nghiên cứu Tam giáo, đã viết nhiều bài về tôn giáo đăng trên Tập San Thế Đạo, các báo Đạo Phật . . .

\* \* \*

**Đã in thành sách:**

- 1\*- Giới, Đường tới Thiên đàng (song ngữ Việt - Anh)  
Ban Thế Đạo Hải Ngoại xuất bản năm 2000 tại Hoa Kỳ.
- 2\*- “Tu Thân”  
Ban Thế Đạo Hải Ngoại xuất bản năm 2010 tại Hoa Kỳ.
- 3\*- “Bí pháp dâng Tam bửu - Bí pháp giải thoát”  
Ban Thế Đạo Hải Ngoại xuất bản năm 2013 tại Hoa Kỳ



**Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế viết Cao Đài  
Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, Giáo Đạo  
Nam Phương đã nói:**

**“ . . . Các con là Thầy, Thầy là các con”.**

**(Đàn cơ 22-7-1926 (nhằm ngày 13-6-Bính Dần)**

# **KÍNH BIỂU**



**BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI**

**3076 Oakbridge Dr.**

**San Jose, CA 95121-1716**

**Điện thoại: (408) 238-6547**